

# GIỚI THIỆU SẢN PHẨM



## LỜI MỞ ĐẦU

Nhìn chung, hầu hết các doanh nghiệp phát triển phải trải qua các giai đoạn, mỗi giai đoạn Doanh nghiệp có mục tiêu phát triển, gặp khó khăn khác nhau.

Nếu như ở giai đoạn đầu tài chính gặp nhiều khó khăn dẫn đến khó khăn trong việc tuyển dụng người giỏi phải trả lương cao. Chi phí sản xuất cao cũng sẽ là gánh nặng đối với những doanh nghiệp sản xuất, sản phẩm đưa ra thị trường đòi hỏi không chỉ chất lượng cao mà còn giá cạnh tranh mà muốn có giá cạnh tranh thì phải có quy mô sản xuất đủ lớn. Ở giai đoạn này một người có thể đồng thời gánh vác nhiều vai trò khác nhau, doanh nghiệp vẫn chưa có được một lưu trình cố định, đồng thời các chủ doanh nghiệp hoặc các đối tác khi đó do nhu cầu về mặt nguồn vốn hoặc quy trình thao tác còn đơn giản.



Tuy nhiên đã qua giai đoạn khó khăn, Khi đã bắt đầu “ăn nên làm ra”, doanh nghiệp thường có sự gia tăng về quy mô nhân sự, mở rộng thị trường Doanh nghiệp sẽ gặp phải khó khăn trong quản lý. Về mặt quản lý tài chính, với sự gia tăng về khối lượng kinh doanh, việc định khoản các tài khoản kế toán ngày càng nhiều và phức tạp, và việc sử dụng chứng từ kế toán viết tay dễ gây ra tình trạng thiếu sót, hoặc quá trình đối chiếu kiểm tra thủ công sẽ bị kéo dài, từ đó dẫn đến việc trì hoãn ngày kết sổ.

## LỜI MỞ ĐẦU

Doanh nghiệp thường sẽ áp dụng hệ thống quản lý tích hợp ERP trong giai đoạn này để có thể quản trị ở quy mô lớn. Việc áp dụng hệ thống quản lý mới đòi hỏi người tham gia phải có những năng lực quản trị mới. Và một hệ thống ERP tốt (hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) sẽ giúp các doanh nghiệp thực hiện việc kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, là công cụ quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý.



Để giúp các doanh nghiệp có được phần mềm quản trị phù hợp với mô hình của mình, dần làm quen với những mô hình chuẩn, các chuyên gia của Meliasoft, một công ty chuyên tư vấn quản trị doanh nghiệp – kế toán, xây dựng và thiết kế triển khai phần mềm đã cho ra đời sản phẩm với tên gọi Meliasoft 2018.



Meliasoft2018 là phần mềm quản lý tổng thể doanh nghiệp, cho phép doanh nghiệp tự kiểm soát được trạng thái nguồn lực của chính mình. Từ những yếu tố đó, doanh nghiệp có thể lên kế hoạch khai thác các nguồn tài nguyên này hợp lý nhờ vào các quy trình nghiệp vụ thiết lập trong hệ thống. Ngoài ra, Meliasoft còn cung cấp cho các doanh nghiệp một hệ thống quản lý với quy trình hiện đại theo chuẩn quốc tế, nhằm nâng cao khả năng quản lý điều hành doanh nghiệp cho lãnh đạo cũng như tác nghiệp của các nhân viên.

## MỤC LỤC

Lợi ích giải pháp	6
Mô hình quản trị ERP của Meliasoft	9
Quản trị kế hoạch	10
Quản lý điều hành, tác nghiệp	11
Quản lý theo quy trình (Workflow)	12
<i>Cân đối nguồn lực</i>	16
<i>Quy trình mua hàng</i>	18
<i>Quy trình quản lý kho</i>	21
<i>Quy trình sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i>	26
<i>Quy trình bán hàng</i>	31
<i>Quy trình bán lẻ</i>	37
<i>Quy trình quản lý lô đơn hàng</i>	39
<i>Quản lý thông tin khách hàng</i>	40
<i>Quản lý hợp đồng</i>	41
<i>Quản lý nhân sự - tiền lương</i>	44
<i>Quản lý tài liệu</i>	50

# MỤC LỤC

Kế toán tài chính	52
<i>Kế toán vốn bằng tiền</i>	53
<i>Kế toán mua hàng - phải trả</i>	55
<i>Kế toán bán hàng - phải thu</i>	57
<i>Kế toán hàng tồn kho</i>	59
<i>Kế toán chi phí giá thành</i>	61
<i>Kế toán tài sản, công cụ</i>	64
<i>Kế toán thuế</i>	66
<i>Kế toán tổng hợp</i>	68
<i>Kế toán hợp nhất</i>	70
Quản trị hệ thống	72
Một số tính năng khác biệt	73
Quy trình triển khai	92
Dịch vụ	94
Liên hệ	95

## LỢI ÍCH CỦA GIẢI PHÁP

### DỮ LIỆU TẬP TRUNG

01

- ✓ Dữ liệu được cập nhật tức thời trên 01 hệ thống chung
- ✓ Tác nghiệp thông suốt giữa các phòng ban và các cơ sở trên toàn quốc
- ✓ Báo cáo tức thời tại từng thời điểm

### ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

02

- ✓ Khác biệt so với các giải pháp khác là các ứng dụng đơn lẻ. Giải pháp do Meliasoft cung cấp là giải pháp tổng thể, toàn diện và có thể triển khai từng phần có tính kế thừa tương lai, giúp lãnh đạo doanh nghiệp có thể chủ động đầu tư ở giai đoạn phù hợp.
- ✓ Định hướng phát triển trợ lý ảo bằng giọng nói, số hóa. Lúc đó hệ thống như một con người, nó sẽ đoán tư duy người dùng.

### CHUẨN HÓA CÁC QUY TRÌNH

03

Meliasoft tập hợp các quy trình tiên tiến, kết hợp với kinh nghiệm triển khai hàng nghìn khách hàng. Vì vậy Meliasoft rất phù hợp với doanh nghiệp Việt Nam.

## LỢI ÍCH CỦA GIẢI PHÁP

### CHỨC NĂNG PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ

04

Hệ thống báo cáo đồng bộ, phong phú, tức thời và phân tích theo nhiều chiều thông tin có thể giúp lãnh đạo Công ty có cái nhìn toàn cảnh, cũng như phân tích đánh giá hiệu quả

### NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH

05

Hệ thống quản lý thống nhất, đồng bộ, tức thời và tối ưu về thao tác, tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý, nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### THÔNG TIN CẬP NHẬT CHÍNH XÁC

06

Với hệ thống phần mềm đồng bộ, giúp cho việc cập nhật thông tin quản lý liên tục, kịp thời, chính xác

### LẬP & THEO DÕI KẾ HOẠCH

07

Meliasoft2018 hỗ trợ việc lập kế hoạch xuyên suốt các bộ phận và tổng hợp kế hoạch về ban giám đốc, đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện

## LỢI ÍCH CỦA GIẢI PHÁP

### HỆ THỐNG TÁC NGHIỆP

08

- ✓ Hệ thống các quy trình tác nghiệp theo luồng công việc liên kết với các phòng ban giúp cho việc tác nghiệp giữa các phòng ban phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả.
- ✓ Nguyên tắc kế thừa thông tin giúp tránh trùng lặp công việc, tiết kiệm thời gian, tăng hiệu quả làm việc, giảm chi phí.
- ✓ Khả năng tổng hợp nhiều nguồn thông tin từ các bộ phận.

### HỆ THỐNG CẢNH BÁO

09

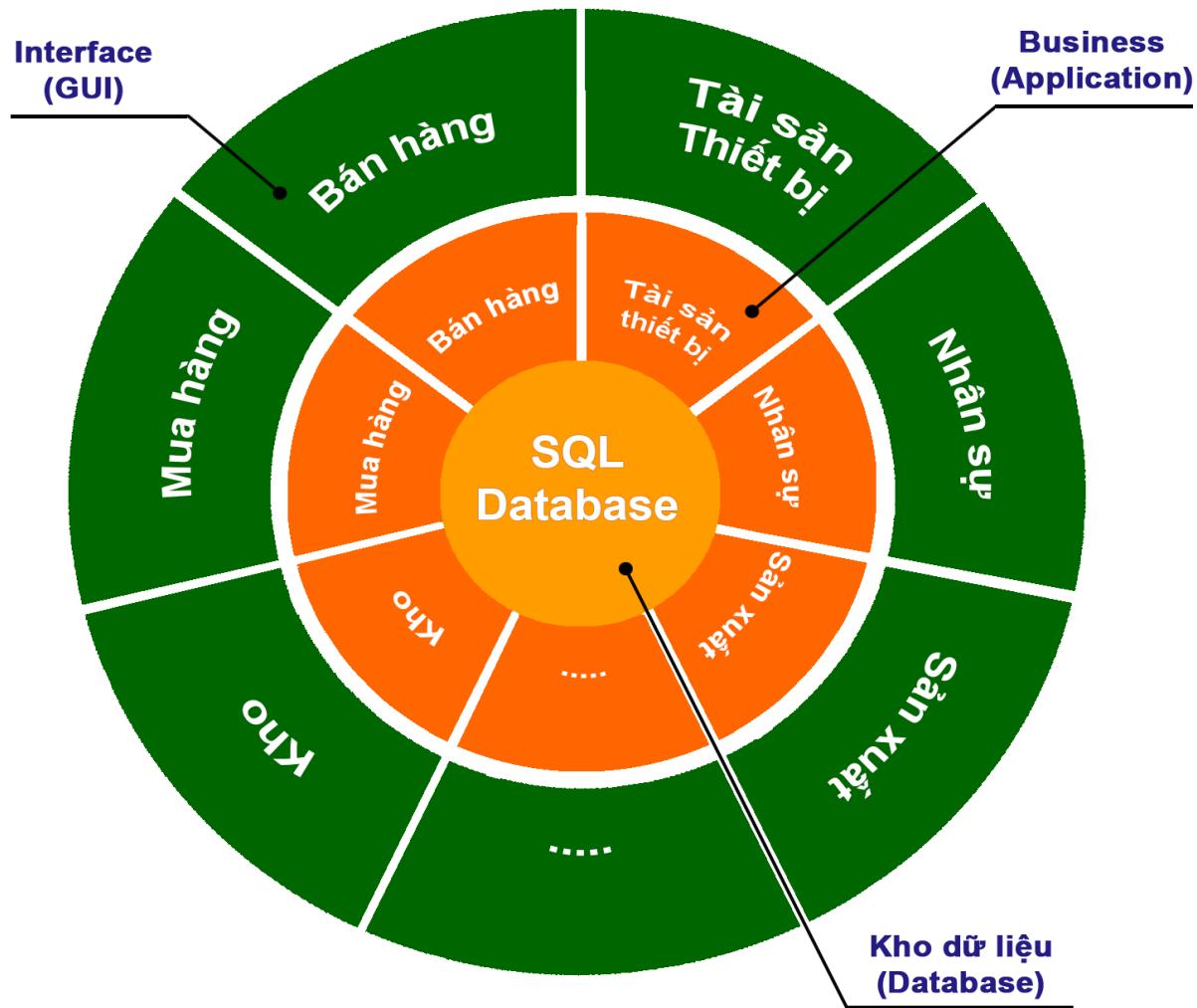
Giải pháp cung cấp hệ thống cảnh báo tình trạng theo luồng công việc, sự kiện và giao việc từ cấp quản lý cho nhân viên, giúp người quản lý nắm bắt tình trạng công việc

### NÂNG CAO NĂNG LỰC & NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NHÂN VIÊN

10

- ✓ Nhân viên tham gia hệ thống sẽ được tham gia các khóa đào tạo hiệu quả giúp tăng năng lực.
- ✓ Hệ thống thay đổi thói quen, thống kê, đánh giá phân tích từ đó giúp năng suất được tăng lên.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ ERP CỦA MELIASOFT



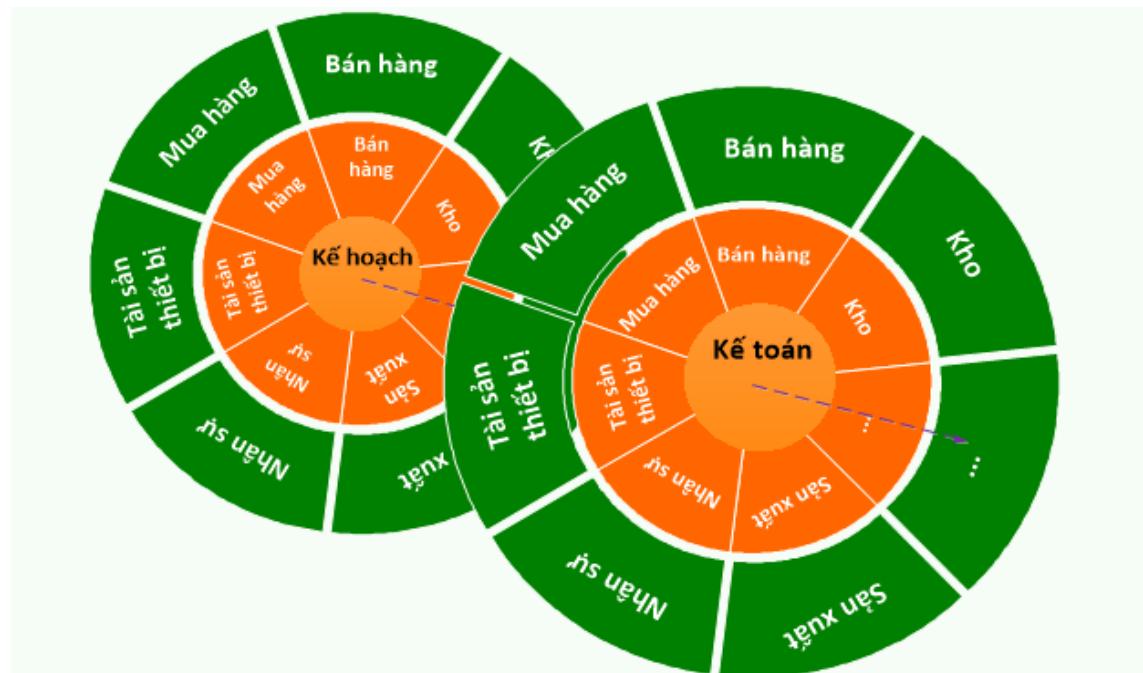
# QUẢN TRỊ KẾ HOẠCH

## Tổng quan:

Lập kế hoạch là khâu rất quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh; nó giúp các nhà quản lý định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp. Sử dụng phần mềm quản lý kế hoạch sẽ hỗ trợ người quản lý lập ra những kế hoạch hoạt động phù hợp với khả năng và nhu cầu của doanh nghiệp. Đồng thời giúp họ có thể so sánh hoạt động thực tế với kế hoạch đưa ra nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

Bao gồm kế hoạch mục tiêu (hàng năm, dài hạn) và kế hoạch thực hiện (hàng kỳ):

- Kế hoạch tổng quan: Doanh thu, chi phí
- Kế hoạch bán hàng - phải thu
- Kế hoạch mua hàng - phải trả
- Kế hoạch vốn bằng tiền
- Kế hoạch hàng tồn kho
- Kế hoạch chi phí giá thành
- Kế hoạch nhân sự, tiền lương



# QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH, TÁC NGHIỆP

MS Công ty Cổ phần Phần Mềm Meliasoft (KT - NB) / Văn phòng Hà Nội

Đầu ký Quản lý Danh mục Chứng từ Cuối năm Báo biểu Trợ giúp Quản trị hệ thống

2017

**Meliasoft**  
ERP của người Việt

Báo cáo Các công việc cần bạn duyệt

Duyệt	Mã	Diễn giải	Deadline	Ngày tạo	Số cù	Tên đối tượng	Tiền VND	Tình trạng	Ưu tiên	Ghi chú
<input type="checkbox"/>		Chưa duyệt xong [21]	/ /	/ /			046 055 412			
<input type="checkbox"/>	HD	Test bao giờ	/ /	01/01/2017	0003	Công ty Kiểm toán BDO	5 000 000			đsdsdsds
<input type="checkbox"/>	HD	Test bao giờ	/ /	02/01/2017	0011	Khách hàng test 001 -	1 000 000			
<input type="checkbox"/>	HOPD Test A0019		/ /	/ /	A0019	Test 3				
<input type="checkbox"/>	HOPD Hợp đồng tiềm năng 003		/ /	01/01/2016	A0010	Nguyễn Thị Kiều Anh	90 909			
<input type="checkbox"/>	PN	Xuất bán hàng	/ /	01/12/2017	005	Test 3	2 977 208 600			
<input checked="" type="checkbox"/>	PX	Test xuất sản xuất	/ /	01/01/2017	003	Nguyễn Thị Kiều Anh	131 686			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất sản xuất	/ /	01/01/2017	005	Nguyễn Thị Kiều Anh	131 686			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất chuyển kho	/ /	01/08/2017	001	Nguyễn Thị Kiều Anh	3 500 001			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất chuyển kho	/ /	01/08/2017	004	Nguyễn Thị Kiều Anh	4 575 000			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất chuyển kho	/ /	01/08/2017	005	Nguyễn Thị Kiều Anh	1 500 000			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất sản xuất	/ /	01/08/2017	007	Nguyễn Thị Kiều Anh	34 041 667			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất sản xuất	/ /	01/08/2017	008	Nguyễn Thị Kiều Anh	108 333			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất chuyển kho	/ /	01/08/2017	009	Nguyễn Thị Kiều Anh	16 750 000			
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất sản xuất	/ /	01/08/2017	010	Nguyễn Thị Kiều Anh				
<input type="checkbox"/>	PX	Test xuất sản xuất	/ /	02/01/2017	004	Nguyễn Thị Kiều Anh				
<input checked="" type="checkbox"/>	PX	Test xuất chuyển kho	/ /	02/12/2017	001	Nguyễn Thị Kiều Anh	5 000			
<input checked="" type="checkbox"/>	PX	Test xuất chuyển kho	/ /	03/12/2017	002	Nguyễn Thị Kiều Anh	800			
<input checked="" type="checkbox"/>	PX	Test xuất chuyển kho	/ /	03/12/2017	003	Nguyễn Thị Kiều Anh	800			

Bán hàng

DS 5 mặt hàng bán chạy nhất trong kỳ

So sánh với kế hoạch bán hàng

Vật tư test 001: 0 (D\_THU\_KH) vs 19 160 000 (D\_THU\_TH)

Vật tư test 002: 0 (D\_THU\_KH) vs 5 500 000 (D\_THU\_TH)

Vật tư test 003: 1 540 000 (D\_THU\_KH) vs 2 310 000 (D\_THU\_TH)

Thành phẩm test TP21: 500 000 (D\_THU\_KH) vs 750 000 (D\_THU\_TH)

Trần Thị Thu Thắng

Thursday, October 5, 2017

# QUẢN LÝ THEO QUY TRÌNH (WORKFLOW)

## Tổng quan:

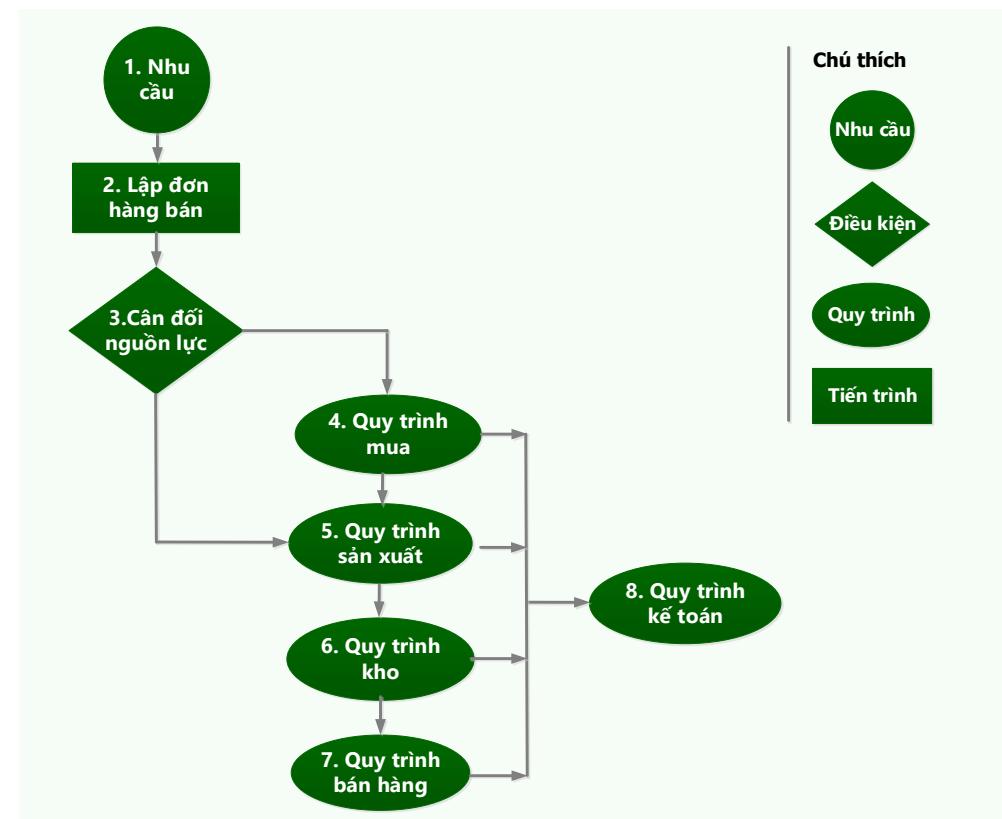
Quản lý điều hành là việc căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định trong kinh doanh. Việc sử dụng phần mềm cho quản lý điều hành là dựa vào các báo cáo đưa ra trong phần mềm nhằm phục vụ cho việc ra quyết định và đánh giá việc thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh nhất định.

## Quản lý tiến trình sản xuất kinh doanh:

- Quản lý thông tin khách hàng - Quản lý hợp đồng
- Cân đối nguồn lực
- Quản lý mua hàng
- Quản lý hàng tồn kho
- Quản lý sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- Quản lý bán hàng

## Các phân hệ quản lý khác:

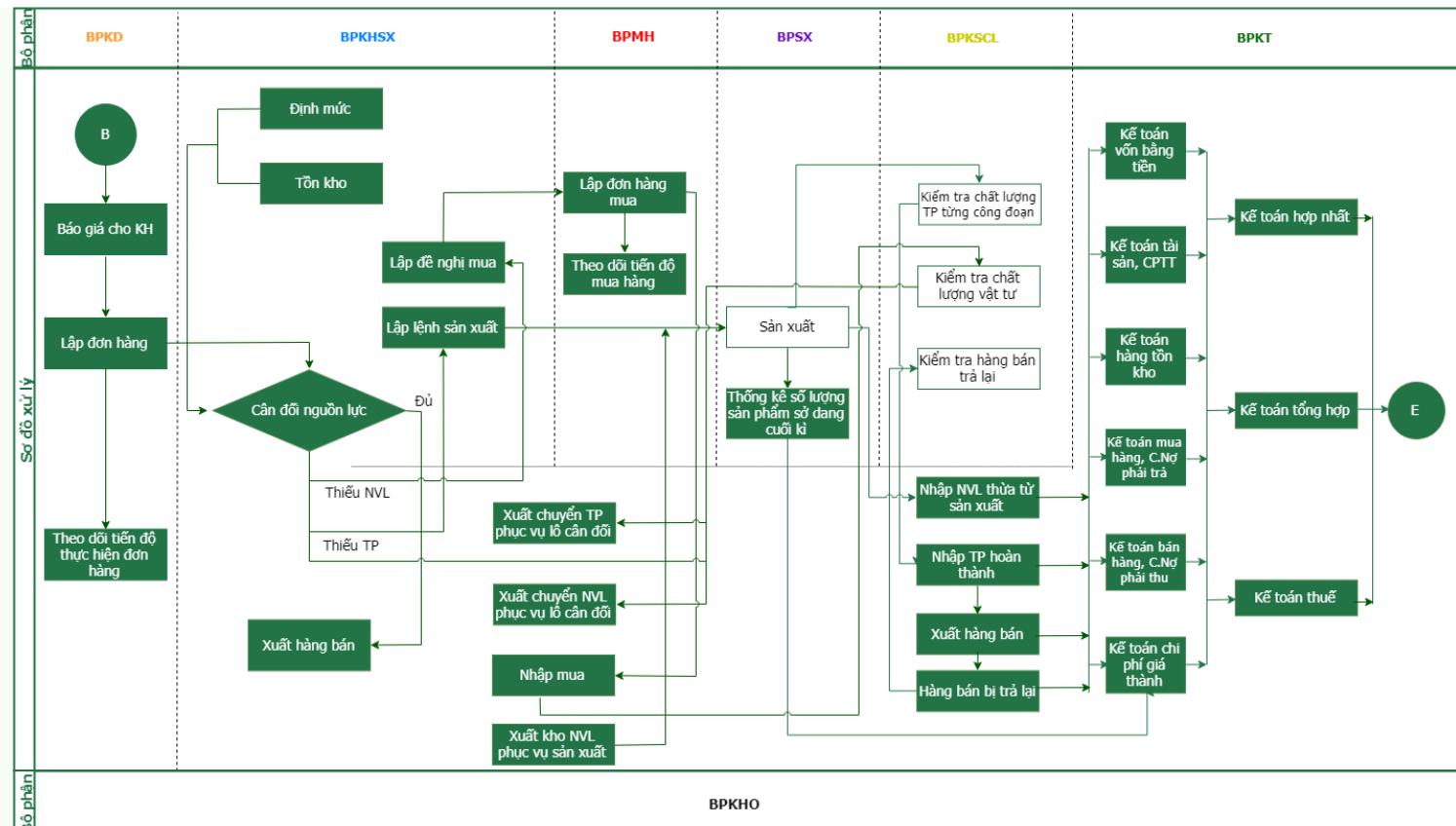
- Quản lý nhân sự tiền lương
- Quản lý tài liệu



# QUẢN LÝ THEO QUY TRÌNH (WORKFLOW)

## Danh mục từ viết tắt

BPKD	Bộ phận kinh doanh
BPKHSX	Bộ phận kế hoạch sản xuất
BPMH	Bộ phận mua hàng
BPSX	Bộ phận sản xuất
BPKHO	Bộ phận kho
NVL	Nguyên vật liệu
TP	Thành phẩm
BPKSCL	Bộ phận kiểm soát chất lượng
BPKT	Bộ phận kế toán



Ý nghĩa các hình vẽ trên sơ đồ



Quy trình xử lý trong hệ thống



Quy trình xử lý ngoài hệ thống



Bắt đầu, kết thúc



Điều kiện rẽ nhánh



Sự kiện phát sinh

## QUẢN LÝ THEO QUY TRÌNH (WORKFLOW)

Mã sự kiện	Tên sự kiện	Nội dung	Chức năng thực hiện	Mã sự kiện	Tên sự kiện	Nội dung	Chức năng thực hiện
(1)	Báo giá cho khách hàng	- Gửi thông tin báo giá cho khách hàng	Báo giá cho khách hàng			+ TP: xuất chuyển từ lô trống sang lô cân đối.	
(2)	Lập hợp đồng bán	- Thiết lập hợp đồng bán trong trường hợp cần bán	Quản lý hợp đồng	(9)	Lập đơn hàng mua	- Lập đơn hàng mua từ các đề nghị mua sau cân đối nguồn lực.	Đơn đặt hàng mua
(3)	Nhận đơn hàng	- Tiếp nhận, lập đơn hàng bán - Thiết lập và xác định lô cho từng đơn hàng	Đơn đặt hàng bán	(10)	Nhập mua	- Nhập mua NVL theo đơn hàng: + Nếu việc mua hàng quản lý được theo từng lô cân đối, hàng mua về nhập luôn vào kho kế hoạch. + Nếu việc mua hàng không quản lý được riêng theo từng lô cân đối, hàng mua về nhập vào kho chung rồi sẽ xuất sang kho kế hoạch theo từng lô.	Phiếu nhập mua
(4)	Theo dõi tiến độ đơn đặt hàng bán	- Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng bán về mặt lượng, thời gian.	Báo cáo Theo dõi đơn hàng bán	(11)	Theo dõi tiến độ đơn đặt hàng mua	- Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng mua về mặt lượng, thời gian.	Báo cáo Theo dõi đơn hàng mua
(5)	Cân đối nguồn lực	a. Thiết lập định mức trong danh mục sản phẩm.  b. Tồn kho do hệ thống tự động tính toán.  - Cân đối nguồn lực xác định nhu cầu vật tư cần cho sản xuất: + Nếu đủ thì thực hiện xuất hàng. + Nếu không đủ thực hiện bước (3), (4)	Danh mục sản phẩm  Cân đối nguồn lực	(12)	Xuất chuyển NVL cho lô cân đối	- Nếu hàng mua về đã nhập luôn vào kho kế hoạch theo từng lô cân đối, không cần thực hiện bước này. - Ngược lại, sẽ xuất chuyển NVL từ lô trống sang lô cân đối, từ kho chung sang kho kế hoạch với lượng thiếu cần bổ sung.	Phiếu xuất kho
(6)	Lập lệnh sản xuất	- Lập lệnh sản xuất với những TP thiếu cần sản xuất	Đơn hàng sản xuất	(13)	Xuất kho NVL phục vụ sản xuất	- Xuất NVL cho bộ phận sản xuất từ kho kế hoạch, theo từng lô cân đối.	Phiếu xuất kho
(7)	Lập đề nghị mua	- Lập đề nghị mua với những NVL thiếu cần mua	Đề nghị mua hàng	(14)	Nhập NVL thừa từ sản xuất	- Nhập NVL trở lại kho kế hoạch; - Xuất chuyển từ kho kế hoạch về kho chung, từ lô kế hoạch về lô trống để phục vụ cân đối các đơn hàng tiếp theo.	- Phiếu nhập kho. - Phiếu xuất kho.
(8.1) (8.2)	Xuất chuyển NVL, TP phục vụ lô cân đối	- Xuất chuyển NVL, TP phục vụ cân đối cho các lô tiếp theo: + NVL: chuyển từ lô trống sang lô cân đối, từ kho chung sang kho kế hoạch.	Phiếu xuất kho				

## QUẢN LÝ THEO QUY TRÌNH (WORKFLOW)

Mã sự kiện	Tên sự kiện	Nội dung	Chức năng thực hiện	Mã sự kiện	Tên sự kiện	Nội dung	Chức năng thực hiện
(15)	Thống kê số lượng dở dang cuối kì	- Thống kê số sản phẩm dở dang cuối mỗi tháng, là căn cứ để kế toán giá thành cập nhật tính toán giá trị dở dang cuối kỳ.	- Tính giá thành: đánh giá dở dang cuối kỳ.	(24)	Kế toán vốn bằng tiền	- Quản lý và theo dõi hạch toán các khoản thu/chí/tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản vay	Phân hệ Vốn bằng tiền
(16)	Nhập TP hoàn thành	- Nhập kho những thành phẩm theo lệnh sản xuất.	Phiếu nhập thành phẩm.	(25)	Kế toán thuế	- Quản lý và theo dõi hạch toán các khoản thuế (đầu vào/đầu ra) và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước	Báo cáo thuế
(17)	Xuất hàng bán	- Thực hiện xuất kho bán hàng hóa cho khách hàng theo đơn đặt hàng	Hóa đơn bán hàng	(26)	Kế toán tổng hợp	- Tập hợp dữ liệu từ các phân hệ kế toán chi tiết, xử lý các bút toán phân bổ, kết chuyển, điều chỉnh và khóa sổ cuối kì	Phân hệ kế toán tổng hợp
(18)	Hàng bán bị trả lại	- Thực hiện nhập hàng bán do khách hàng trả lại (nếu có), nhập theo đơn hàng bán để theo dõi tiến độ	Hàng bán bị trả lại	(27)	Kế toán hợp nhất	- Tập hợp và xử lý dữ liệu từ các đơn vị thành viên trong mô hình tập đoàn, công việc đa cấp, đa chi nhánh	Khay dữ liệu tổng hợp toàn công ty
(19)	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	- Quản lý và theo dõi hạch toán mua hàng và theo dõi các khoản nợ phải trả với nhà cung cấp	Phân hệ mua hàng				
(20)	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	- Quản lý và theo dõi hạch toán bán hàng theo nhiều tiêu thức, quản lý doanh thu và các khoản nợ của khách hàng	Phân hệ bán hàng				
(21)	Kế toán hàng tồn kho	- Quản lý và theo dõi hạch toán hàng hóa tồn kho (số lượng/giá trị) và các chỉ tiêu quản lý trong kho	Phân hệ hàng tồn kho				
(22)	Kế toán chi phí giá thành	- Tập hợp chi phí tính toán giá trị sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm	Phân hệ sản xuất				
(23)	Kế toán tài sản, chi phí trả trước	- Quản lý và theo dõi hạch toán tăng/giảm tài sản chi phí trả trước cũng như tình hình trích khấu hao tài sản và phân bổ chi phí trả trước	Phân hệ Tài sản, công cụ				

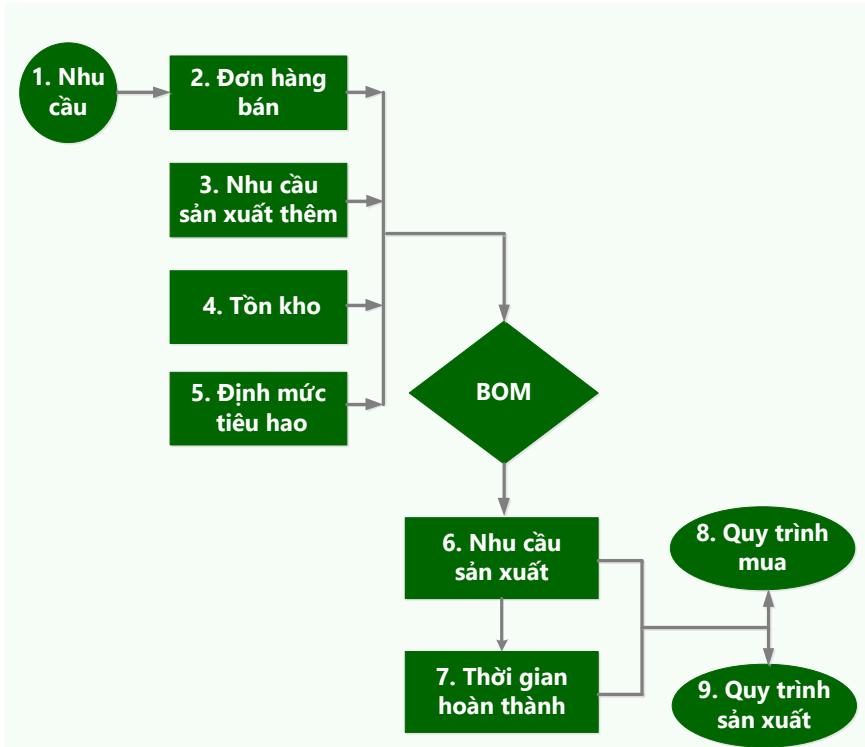
# CÂN ĐỐI NGUỒN LỰC

## Tổng quan:

Để đáp ứng nhu cầu đơn hàng dựa trên thông tin về năng lực và nguồn lực hiện có của doanh nghiệp (lượng hàng tồn, định mức, máy móc thiết bị, nhân công cùng một số yếu tố khác...), chương trình sẽ hoạch định ra nguồn lực tối ưu nhất cho sản xuất. BOM (Bill of material) cung cấp thông tin hữu ích kịp thời, giúp tận dụng tốt các nguồn lực, đảm bảo tối ưu hóa các hoạt động trong chuỗi cung ứng (Supply change).

## Những điểm chính:

- ◆ **Đầu vào của BOM dựa trên thông tin về năng lực và nguồn lực hiện có của doanh nghiệp:**
  - Lập đơn hàng đặt ra nhu cầu: mặt hàng, số lượng, thời gian giao hàng
  - Khai báo định mức vật tư, nguyên vật liệu và các yếu tố sản xuất khác (nhân công, sản xuất chung) trong kết cấu sản phẩm của từng công đoạn sản xuất cùng tỷ lệ hao hụt (nếu có).
  - Thời gian chờ mua, chờ sản xuất cho từng sản phẩm, công đoạn (list time); đây là cơ sở tính toán tổng thời gian sản xuất so với ngày dự kiến giao hàng.
  - Dựa trên khả năng đáp ứng của kho đến thời điểm sản xuất: tồn kho thực tế của thành phẩm, bán thành phẩm, nguyên vật liệu; tính toán đến các lệnh sản xuất đang thực hiện và kế hoạch đã được xác nhận.
  - Dựa trên năng lực sản xuất thực tế (nhân lực, máy móc thiết bị...) cùng các yếu tố khác (văn hóa vùng miền, thời tiết...)



# CÂN ĐỐI NGUỒN LỰC

## ◆ Chương trình sẽ hoạch định ra nguồn lực tối ưu nhất cho sản xuất thông qua trả lời các câu hỏi:

- Doanh nghiệp có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu đơn hàng không?
- Nguyên vật liệu cần cho sản xuất là bao nhiêu ? Cần mua thêm bao nhiêu và khi nào cần mua ?
- Các yếu tố nhân lực, máy móc thiết bị và các yếu tố khác ?

→ Từ đó làm cơ sở cho việc thiết lập nhu cầu mua hàng và lập kế hoạch sản xuất theo tổ, đội, phân xưởng ...

## ◆ Ngoài ra chương trình có khả năng xử lý linh hoạt các vấn đề khác liên quan:

- Huỷ đơn hàng
- Khách hàng đặt thêm hàng
- Sản xuất theo lô, mẻ
- Sản xuất đáp ứng nhu cầu tối thiểu của kho
- ...

The screenshot shows a software interface with a header in Vietnamese. The main window displays a list of items under 'Danh mục sản phẩm (công trình): F2-Thêm, F3-Sửa, F6-Gõ ma, F8-Xoá, F9-Copy định mức, F11-Chuyển sang TH, ESC-Qúy ra' (Product Catalog: F2-Add, F3-Edit, F6-Enter, F8-Delete, F9-Copy, F11-Move to TH, ESC-Exit). Below this is a table with columns: Mã Vật tư (Item ID), Tên vật tư (Item Name), Đvt (Unit), Ngày bắt đầu (Start Date), Ngày kết thúc (End Date), and Hạng (Category). The table contains entries for TP1.CD3 and TP2.CD3.

Đơn hàng bán, Định mức tiêu hao kỹ thuật cùng Tồn kho thực tế là những đầu vào quan trọng cho quá trình cân đối nguồn lực (BOM).

The screenshot shows a software interface with a header in Vietnamese. The main window displays a table titled 'Can doi nguon luc (BOM): Enter-Chi tiet dinh muc tieu hao, Ctrl+P-Nang luc thiet bi/To doi, Esc-Quay ra' (BOM Calculation: Enter-Detailed target consumption, Ctrl+P-Enhanced tool/resource adjustment, Esc-Exit). The table has columns: Mã Vt (Item ID), Tên Vt (Item Name), Đvt (Unit), Số lượng NVL yêu cầu (Như cầu) (NVL required quantity), Tồn NVL (Thực tế) (Actual NVL), Số lượng nhu cầu cần mua (PO)/Sản xuất (SX) (Purchase/Production quantity), Bậc (Level), Vật tư (Item), Ngày giao hàng/Hoàn thành (Delivery/Completion date), Trạng thái lượng (Quantity status), and Trạng thái thời gian (Time status). The table lists various components like TP1.CD3, TP2.CD3, TP3.CD3, PG002, TP1.CD2, TP2.CD2, TP3.CD2, PG001, TP1.CD1, TP2.CD1, TP3.CD1, VT001, VT002, VT003, VT004, VT005, VT006, VT007, VT008, VT009, and ZG22.

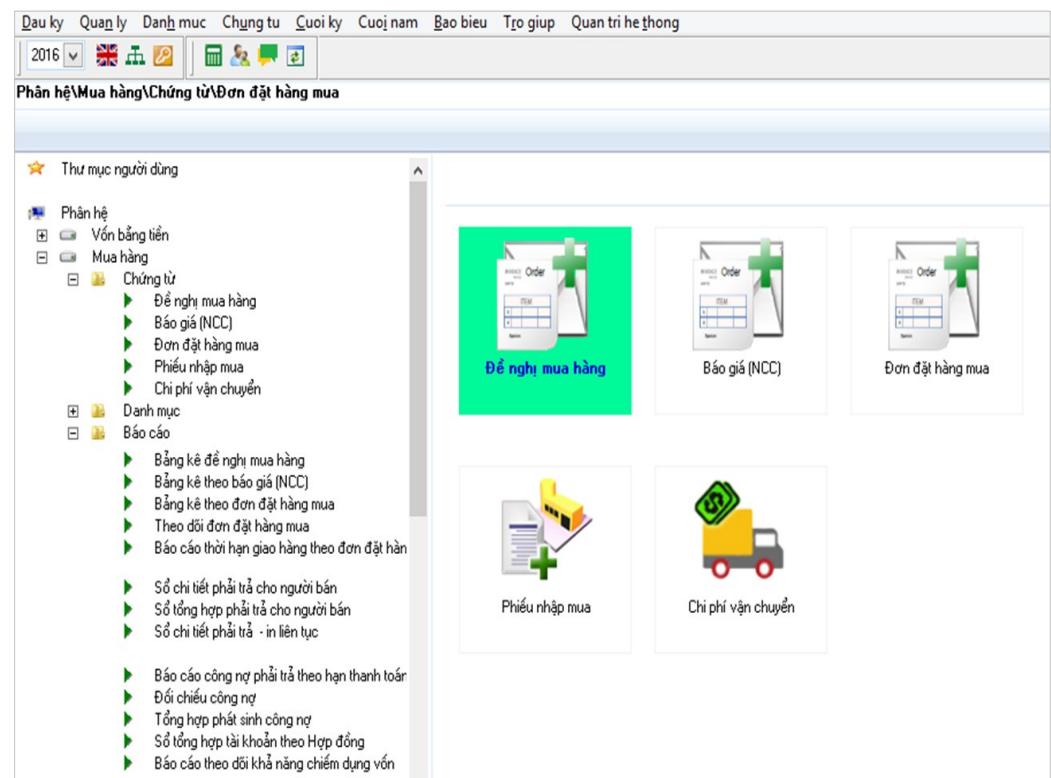
Dựa trên thông tin về năng lực và nguồn lực hiện có của Doanh nghiệp, BOM sẽ hoạch định ra nguồn lực tối ưu nhất cho quá trình sản xuất.

# QUY TRÌNH MUA HÀNG

## Tổng quan:

Phân hệ quản lý mua hàng giúp doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ các khâu trong quy trình mua hàng bắt đầu từ nhu cầu mua hàng đến lập kế hoạch, cập nhật báo giá, lựa chọn nhà cung cấp, lập đơn đặt hàng mua, phiếu nhập mua đồng thời quản lý công nợ chi tiết cho từng nhà cung cấp, từng hợp đồng, đơn hàng mua một cách đầy đủ và chính xác.

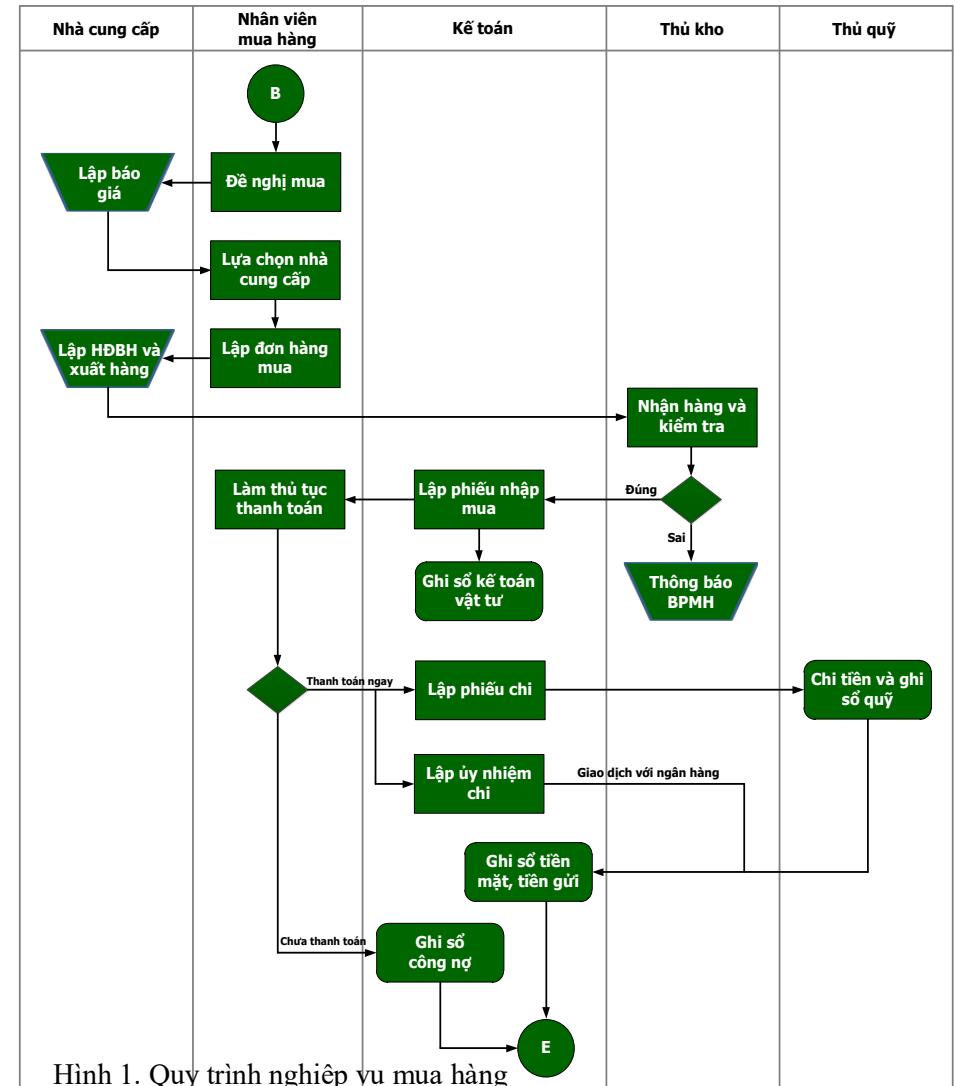
## Những điểm chính:



# QUY TRÌNH MUA HÀNG

## Những điểm chính:

- Lập và in đề nghị mua hàng, đơn hàng mua, phiếu nhập mua, chi phí vận chuyển - dịch vụ, phiếu chi trả nhà cung cấp, phiếu bù trừ công nợ theo quy trình.
- Phân bổ chi phí mua, chi phí vận chuyển, thuế nhập khẩu cho các mặt hàng (theo giá trị / số lượng).
- Theo dõi, hạch toán tự động tính thuế GTGT, thuế tiêu thụ, thuế nhập khẩu theo tờ khai hải quan.
- Giám sát công nợ phải trả nhà cung cấp theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, nhà cung cấp, hợp đồng, đơn hàng, nhân viên, ...)
- Bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, sản phẩm, hợp đồng...
- In báo cáo: Báo cáo lựa chọn nhà cung cấp, Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, Tổng hợp nhập kho, Tổng hợp vận chuyển bốc dỡ lắp đặt hàng mua, Theo dõi đơn hàng mua, Báo cáo thời hạn giao hàng theo đơn hàng mua...



Hình 1. Quy trình nghiệp vụ mua hàng

# QUY TRÌNH MUA HÀNG

## Những điểm nổi bật:

- Phân tích mua hàng theo nhiều tiêu chí (nhà cung cấp, nhân viên mua, lô hàng, bộ phận, hình thức mua, mặt hàng, đơn hàng...)
- So sánh các chỉ tiêu phân tích mua hàng giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, cùng kỳ năm trước.
- Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng, hợp đồng mua (giao hàng đúng lượng, đúng hạn).
- Phân tích tuổi nợ. Tự động theo dõi hạn thanh toán hoặc do người dùng định nghĩa, tính toán tuổi nợ trong hạn, quá hạn, khó đòi; khai báo và tính toán lãi trước hạn, lãi quá hạn cho từng kỳ hạn nợ.
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác ...
- Lưu các thông tin khác trên chứng từ thông qua việc attach, download các file tài liệu đính kèm.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ABC Tầng 7, Tòa nhà Intracom, Ngõ 72, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội						TỔNG HỢP NHẬP MUA Tháng 7 năm 2016 Kiểu báo cáo: Theo mặt hàng					
29HJ-241	Xe 2.5 tấn	Dvt	Số lượng	Giá	Tiền	2.700,00	1.600,00	4.320,00			
VTO01	Vật tư test 001										
VTO02	Vật tư test 002										
29Z-6521	Xe 5 tấn	Dvt	Số lượng	Giá	Tiền						
VTO01	Vật tư test 001										
VTO02	Vật tư test 002										
SSH-0630	Xe ô tô	Dvt	Số lượng	Giá	Tiền						
VTO01	Vật tư test 003										
VTO04	Vật tư test 004										
SSH-9635	Xe 5 tấn	Dvt	Số lượng	Giá	Tiền						
VTO03	Vật tư test 003										
VTO04	Vật tư test 004										
<b>TỔNG HỢP NHẬP MUA</b>						<b>TỔNG HỢP NHẬP MUA</b>					
Tháng 7 năm 2016 Kiểu báo cáo: Theo mặt hàng						Tháng 7 năm 2016 Kiểu báo cáo: Theo ngày bán					
<b>Chi tiêu</b>						<b>Chi tiêu</b>					
VTO01	Vật tư test 001	Dvt	Số lượng	Giá	Tiền	VTO01	Vật tư test 001	Dvt	Số lượng	Giá	Tiền
20100701	Lo 0 1/07/2016	Hop	1.000,00	3.400,00	3.400,00	20100701	Cty TNMV vận tải Hoàng Long	Hop	1.200,00	4.500,00	4.500,00
20100705	Lo 0 5/07/2016	Hop	1.000,00	3.400,00	3.400,00	20100705	Nhà cung cấp NCCO1004	Hop	1.200,00	4.500,00	4.500,00
VTO03	Vật tư test 003	Hop	1.000,00	3.400,00	3.400,00	VTO02	Vật tư test 002	Hop	1.200,00	4.500,00	4.500,00
20100712	Lo 1 1/07/2016	Hop	1.000,00	3.400,00	3.400,00	20100712	Nhà cung cấp NCCO1004	Hop	1.200,00	4.500,00	4.500,00
VTO04	Vật tư test 004	Hop	1.000,00	3.400,00	3.400,00	VTO04	Vật tư test 004	Hop	1.200,00	4.500,00	4.500,00
<b>Tổng cộng</b>						<b>Tổng cộng</b>					
Người lập báo						Người lập báo					
Báo cáo của chương trình phân tích số liệu mua hàng theo nhiều tiêu chí như nhà cung cấp, bộ phận, nhân viên, vật tư, lô hàng..											

Melisoft® ERP của ngành Phố																	
THEO ĐƠN ĐƠN ĐẶT HÀNG MUA																	
Trong ngày 01/06/2016 đến ngày 30/06/2016																	
Số	Ngày	Nội dung	Dvt	S.Lượng đặt hàng	S.Lượng thực hiện	S.Lượng Thími	S.Lượng Thửa	Trạng thái	Số lượng	Giá	Tiền						
001	01/06/2016	Test đơn hàng mua															
	15/06/2016	Vật tư test 001 (VTO01)															
	15/06/2016	Vật tư test 002 (VTO02)															
002	05/06/2016	Test đơn hàng mua															
	30/06/2016	Vật tư test 001 (VTO01)															
	30/06/2016	Vật tư test 002 (VTO02)															
003	20/06/2016	Test đơn hàng mua															
	30/06/2016	Vật tư test 003 (VTO03)															
	30/06/2016	Vật tư test 004 (VTO04)															
004	20/06/2016	Test đơn hàng mua															
	01/07/2016	Vật tư test 001 (VTO01)															
	01/07/2016	Vật tư test 002 (VTO02)															
	<b>Tổng cộng</b>																
Melisoft® BÁO CÁO THỜI HẠN GIAO HÀNG THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG MUA																	
Đến ngày 20/06/2016																	
Số	Ngày	Nội dung	Dvt	Số lượng	đặt hàng	Đến ngày 01/06/2016	Đến ngày 30/06/2016	Đến ngày 05/07/2016	Đến ngày 08/07/2016	SL Chưa thực hiện							
001	01/06/2016	Test đơn hàng mua															
	Vật tư test 001	Hop	1.000,00		1.000,00												
	Vật tư test 002	Hop	2.000,00		2.000,00												
002	05/06/2016	Test đơn hàng mua															
	Vật tư test 001	Hop	1.500,00		1.500,00												
	Vật tư test 002	Hop	2.000,00		2.000,00												
003	20/06/2016	Test đơn hàng mua															
	Vật tư test 003	Met	500,00		500,00												
	Vật tư test 004	M3	700,00		700,00												
004	20/06/2016	Test đơn hàng mua															
	Vật tư test 001	Hop	1.200,00		1.200,00												
	Vật tư test 002	Hop	1.500,00		1.500,00												
	<b>Tổng cộng</b>																
Ngày... tháng... năm... Kết toán tròn																	

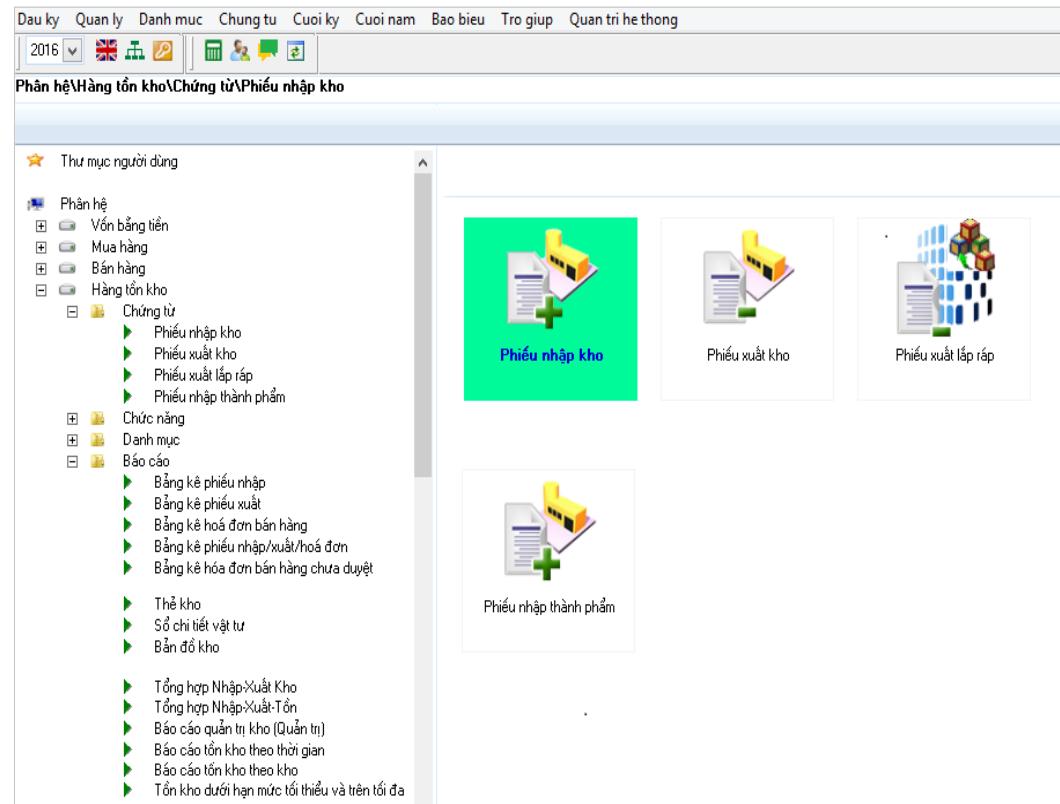
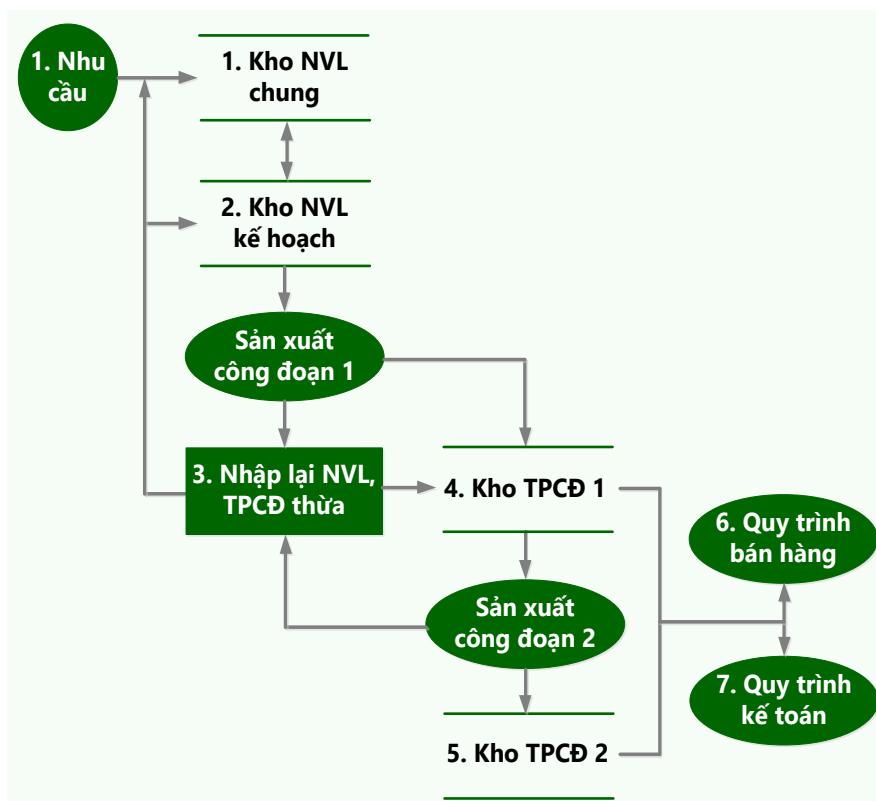
Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng mua trên từng vật tư cả về mặt lượng và thời hạn giao hàng.

# QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

## Tổng quan:

Phân hệ quản lý hàng tồn kho cung cấp một bức tranh toàn cảnh về tình hình nhập xuất tồn kho tại công ty, hỗ trợ tối đa mục tiêu kiểm soát và giảm thiểu tiền chênh tại kho thông qua việc thống kê chính xác, tối ưu về hạn mức kho cũng như thời gian lưu kho.

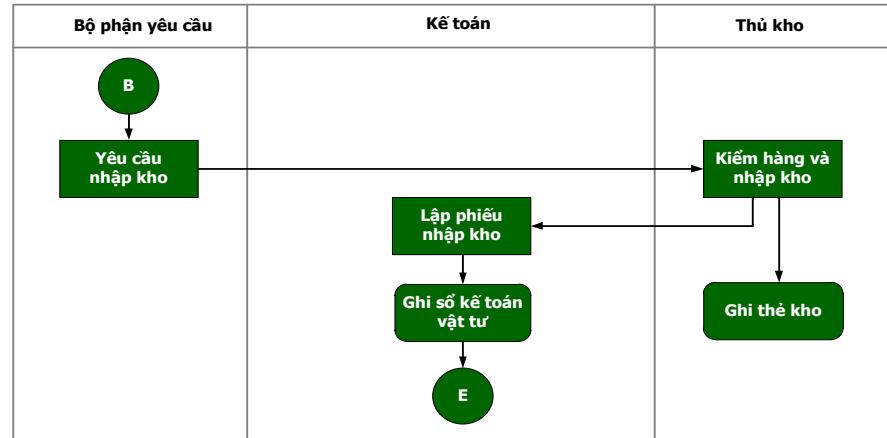
## Những điểm chính:



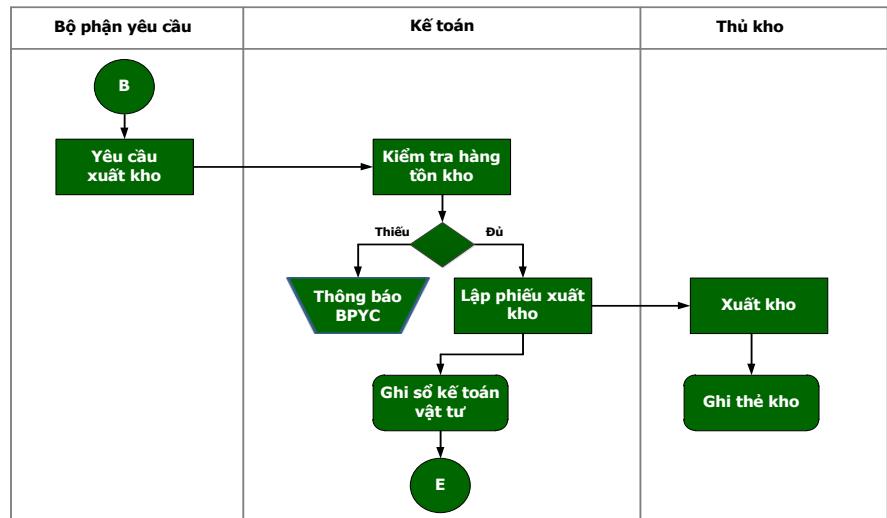
# QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

## Những điểm chính:

- Lập và in Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất lắp ráp và Phiếu nhập thành phẩm trực tiếp trên phần mềm.
- Quản lý vật tư theo nhiều đơn vị tính, bao gồm các đơn vị tính quy đổi (Thùng-Chai, Hộp – Viên - Kg...) và đơn vị tính không quy đổi (tấm gỗ – m<sup>3</sup>..), lưu hệ số quy đổi theo hai cách từ đơn vị gốc về quy đổi hoặc từ quy đổi về đơn vị gốc.
- Quản lý việc cho phép/không cho phép xuất hàng âm; cảnh báo xuất âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu.
- Tự động tính giá vốn của hàng xuất theo nhiều phương pháp khác nhau: Đích danh, giá trung bình tháng, trung bình thời điểm, nhập trước xuất trước; theo từng kho hoặc không theo kho. Xử lý bài toán làm tròn 10/3 khi tính giá vốn trong trường hợp lượng hết, tiền còn.
- Xử lý các trường hợp tính giá vốn quay vòng, áp giá vốn tự động khi xuất lắp ráp, xuất điều chuyển kho, xuất chuyển đơn vị chi nhánh khác...
- Các báo cáo thống kê: Bảng kê phiếu nhập/phieu xuất/hóa đơn.., Thủ kho, Bản đồ kho, In mã vạch, In Palet, Tổng hợp nhập xuất tồn, Báo cáo quản trị kho, Báo cáo tồn kho theo kho, Tồn kho theo thời gian, Báo cáo so sánh vật tư xuất thực tế so với định mức...



Hình 2. Quy trình nhập kho



Hình 3. Quy trình xuất kho

# QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

## Những điểm nổi bật:

- Thông kê số liệu nhập xuất tồn theo nhiều chiều quản lý như: kho, vị trí trong bản đồ kho, palet, lô, ngành hàng, mặt hàng, chi tiết mã hàng, mã hàng đại diện cũng như các đối tượng quản lý khác.
- Phân tích tuổi kho: Căn cứ vào các phiếu nhập xuất, chương trình xử lý và tính toán tuổi kho theo phương pháp FIFO cho từng vật tư. Mức tuổi kho do người dùng tự định nghĩa (< 30 ngày, 30-60 ngày, 60-90 ngày, > 90 ngày...)

Thông kê kho theo nhiều chiều quản lý với các chi tiêu nhóm và chi tiết

Phân tích tuổi kho cho từng vật tư với các mức tuổi kho do người dùng tự định nghĩa

Quản lý hạn mức kho theo tồn tối thiểu, tồn tối đa trên từng vật tư/kho/lô/bộ phận...

Kiểm tra và cảnh báo lỗi logic giữa kho và kế toán. Đưa ra gợi ý để tinh chỉnh từ gốc có lỗi phát sinh.

Ứng dụng mã vạch trong nhập xuất kho

Phiếu xuất lắp ráp được ứng dụng nhiều trong các ngành công nghiệp lắp ráp như linh kiện, máy tính...

Bản đồ kho giúp quản lý kho hàng một cách tối ưu, đặc biệt với các đơn vị có kho hàng rộng lớn.

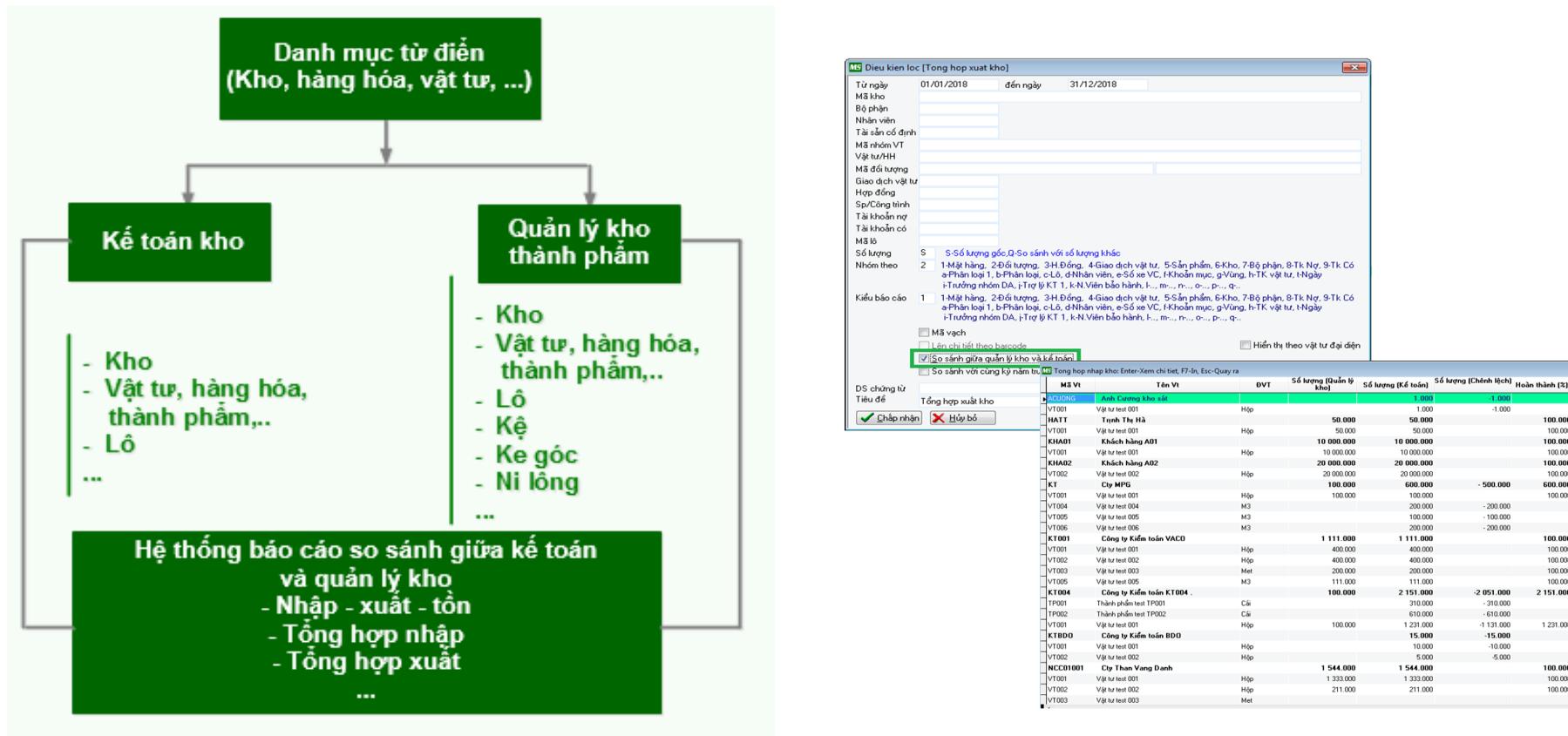
Tự động cập nhật kết quả kiểm kê cuối kỳ từ các file excel, dữ liệu của máy kiểm kê mã vạch...

- Cập nhật kiểm kê định kỳ, tự động tạo các phiếu xuất khi có giá trị kiểm kê.
- Phát hiện và cảnh báo các lỗi logic lệch số liệu giữa kho và kế toán, lỗi logic kho vì lý do tăng/giảm không cùng đối tượng quản lý...
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác...
- Lưu các thông tin khác trên chứng từ thông qua việc attach, download các file tài liệu đính kèm.

# QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

## Những điểm nổi bật:

- Cho phép so sánh các chỉ tiêu phân tích kho giữa quản lý kho và kế toán, giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, ...



# QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHO

## Những điểm nổi bật:

Báo cáo kho quản trị (Báo cáo thông kê sản xuất):

- Đưa ra được lượng tiêu hao, hao hụt giữa thực tế và định mức kế hoạch theo từng phân xưởng, từng ca sản xuất, từng lô sản xuất, từng mã hàng...
- Cung cấp các thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ về tình hình diễn biến: sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn lao động, chi phí cùng kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Giúp người quản lý đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch phát triển.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NGÀY									
Ngày	Mã SP (Số kế hoạch SX)	Mã SP	Kế hoạch SX (Số lượng)	Kế hoạch SX (% - Chất lượng)	Ghi chú				
01/06/2016	L20160601	21.X.360.052.-1	10,000	80					
01/06/2016	L20160601	21.X.360.052.-2	1,500	12					
01/06/2016	L20160601	21.X.360.052.-3	625	5					
01/06/2016	L20160601	21.X.360.052.-4	375	3					

Kế hoạch sản xuất ngày

Nhập chung từ mơi (PXB-Phiếu xuất kho)										
Mã chứng từ	PX	Lô/PX	Ngày	31/12/2018	Số c. 0001	Mã tệ VND	1.00	Post		
Giao dịch vật tư	X8211				Xuất nguyên vật liệu chính cho SX (D01)					
Mã đối tượng	NTKA01				Nguyễn Thị Kieu Anh					
Địa chỉ					Hà Nội					
Danh mục										
Vật tư nhập										
Code mua										
Tên vật tư	Đvt	Mã Kho	Hợp nhập	Tk có	Tk nợ	Hợp đồng	Sản phẩm	Mã lô xuất	Mã lô nhập	Mã khoản mục
Vật tư NH										
Vật tư test 001	Hộp KB	152	6211	TP001						220.000
VIT002	Vật tư test 002	Hộp	152	6211	TP001					440.000
VIT003	Vật tư test 003	Mel	152	6211	TP001					660.000
VIT004	Vật tư test 004	Mel	152	6211	TP001					880.000
VC	Vật tư test VC	Mel KB	152	6211	TP002					1.750.000
VD	Vật tư test VD	Mel KB	152	6211	TP002					2.450.000
VE	Vật tư test VE	Mel	152	6211	TP002					3.150.000

Chứng từ xuất kho NVL thực tế

Báo cáo so sánh giá thành thực tế và định mức: F7-B, Kế toán										
TK	Mã	Danh mục	Mã VT	DVT	SLSP hoàn thành	SL định mức	SL thực tế	Chênh lệch (SL)		
P22P5222815M11.D01.1		Tổng mua hàng			Cái	1.020.000	45.517			
1541	I2PPU222815M11.D01.1	Chi phí sản xuất kinh doanh dò dẫm (CD1)	Cái		1.020.000	45.517				
1541	I2PPU222815M11.D01.1	Vật tư test 001				10.000.000	10.000.000	10.000.000		
1541	VT002	Vật tư test 002				TP001		20.400.000	25.992	-20.374.900
1541	2622	Yêu tố nhân công trực tiếp				TP001				
1541	26271	Chi phí nhân viên phòng xưởng				TP001				
1541	26272	Chi phí nhân viên bán hàng				TP001				
1541	26277	Chi phí nhân viên quản lý				TP001				
1542	22P5222815M11.D01.1	Chi phí sản xuất kinh doanh dò dẫm (CD2)	Cái		400.000	500.000				
1542	22P5222815M11.D01.1	Thacksin 12CP5222815M11.D01.1	Cái		400.000	500.000				
1542	2622	Yêu tố nhân công trực tiếp				TP001		400.000	500.000	100.000
1542	26271	Chi phí nhân viên phòng xưởng				TP001				
1542	26272	Chi phí nhân viên bán hàng				TP001				
1542	26277	Chi phí nhân viên quản lý				TP001				
1543	32P5222815M11.D01.1	Chi phí sản xuất kinh doanh dò dẫm (CD3)	Cái		300.000	400.000				
1543	22P5222815M11.D01.1	Thacksin 22P5222815M11.D01.1	Cái		300.000	400.000				
1543	2622	Yêu tố nhân công trực tiếp				TP001		300.000	400.000	100.000

Báo cáo so sánh vật tư xuất tồn thực tế và định mức

BÁO CÁO THỐNG KẾ SẢN XUẤT											
Ngày ... tháng ... năm											
Mã	Diễn giải	DVT	Sản lượng			Lưu lượng			Chất lượng		
			Định mức	Thực tế	Tỷ lệ	Định mức	Thực tế	Tỷ lệ	Định mức	Thực tế	Tỷ lệ
(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
SẢN PHẨM HOÀN THÀNH NHẬP KHẨU											
Đóng Màng hàng	12.500	5.000	41%	100%	100.00%	12.500	5.000	41%	100%	100%	100.00%
Đóng 30x60 Blan A1	10.000	9.028	89%	77%	93%	10.000	9.028	89%	77%	93%	93%
Đóng 30x60 Blan A2	1.500	808	54%	12%	1.324	1.500	808	54%	12%	1.324	1.323
Đóng 30x60 Blan A3	2.500	1.115	44%	12%	1.094	2.500	1.115	44%	12%	2.500	2.494
Đóng 30x60 Blan XG	3.750	2.810	75%	55%	51.52	3.750	2.810	75%	55%	3.750	3.512
Bản thành phẩm GM NHẬP KHẨU											
Q1(A1)	Đóng 30x60 Blan A1	10.000	897	8%	93%	10.000	897	8%	93%	10.000	93%
Q1(A2)	Đóng 30x60 Blan A2	1.500	0	0%	12%	1.500	0	0%	12%	1.500	0%
Q1(A3)	Đóng 30x60 Blan A3	2.500	3046	487%	5%	2.500	5045	200%	5%	2.500	504%
Q1(XG)	Đóng 30x60 Blan XG	3.750	711	19%	3%	3.750	71	19%	3%	3.750	19%
NGUYỄN VẬT LIỆU TIỀU HAO											

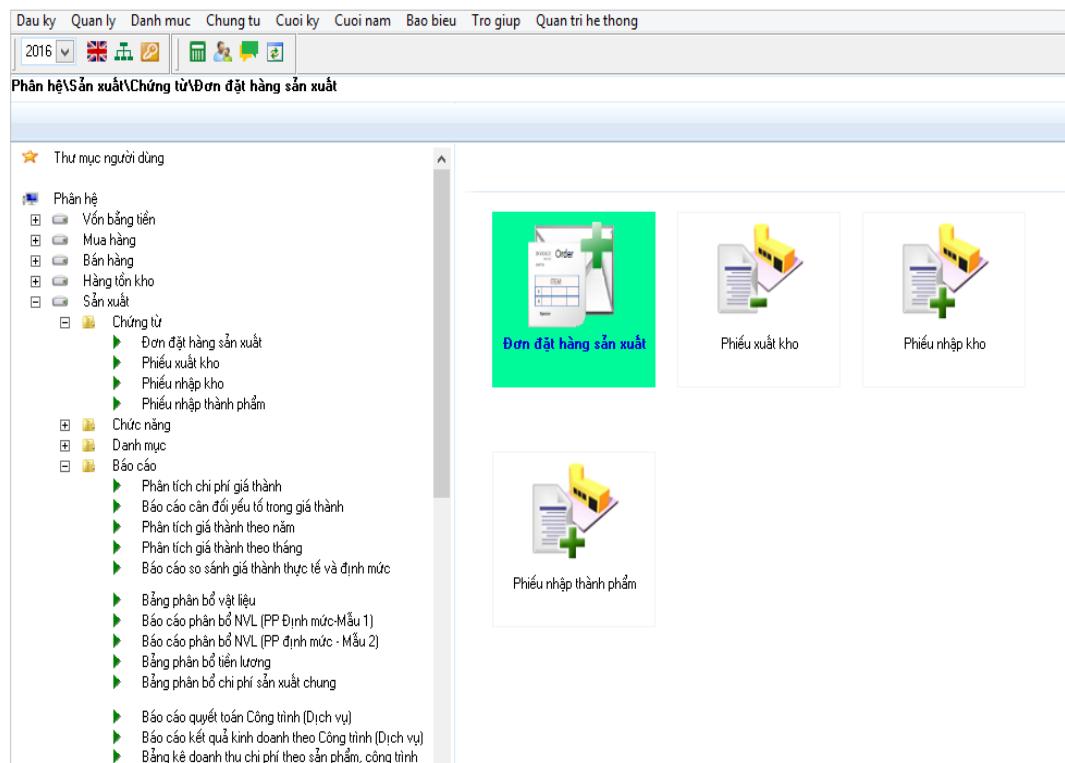
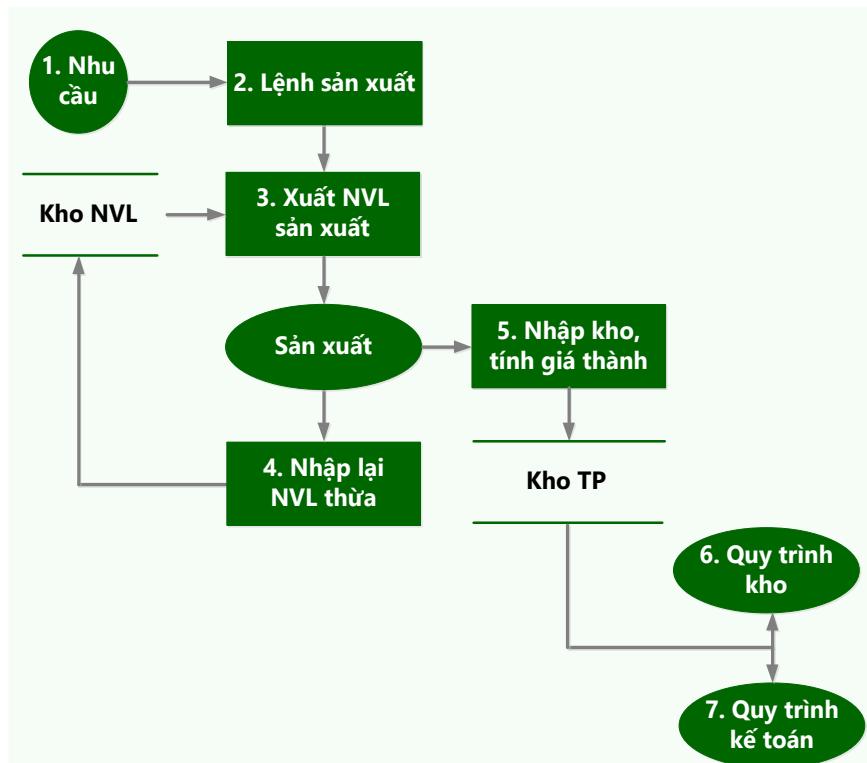
Báo cáo thống kê sản xuất

# QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

## Tổng quan:

Quản lý đầy đủ các khâu trong quy trình sản xuất từ Lập đơn hàng sản xuất (Lệnh sản xuất, Hướng dẫn sản xuất) → Xuất/Nhập kho nguyên vật liệu → Nhập thành phẩm hoàn thành → Tính giá thành sản phẩm. Công tác kiểm soát chặt chẽ, thông kê tức thời và việc tính chính xác giá thành sản phẩm sẽ giúp nhà quản trị chủ động điều hành và ra quyết định sản xuất kinh doanh.

## Những điểm chính:



# QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

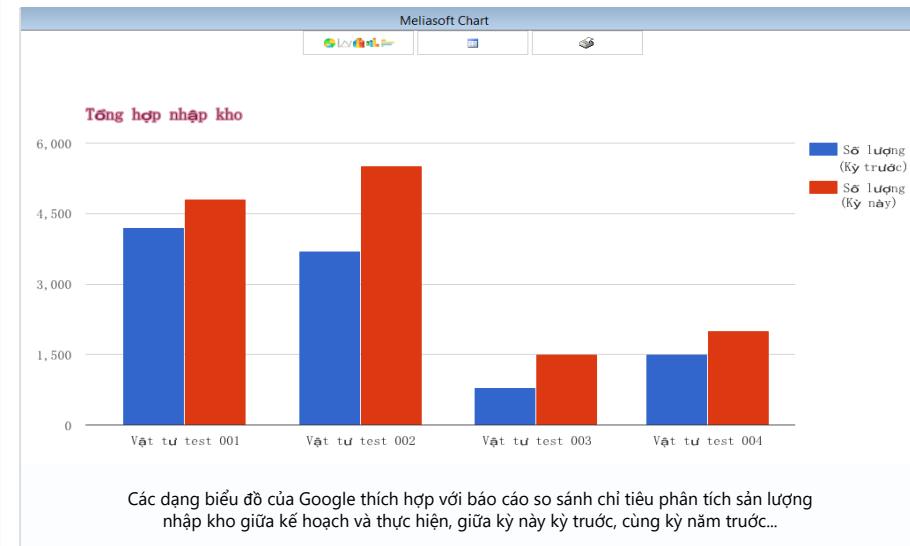
## Những điểm chính:

### ◆ Quy trình sản xuất

- Lập và in Đơn hàng sản xuất, Phiếu xuất kho nguyên vật liệu, Phiếu nhập kho nguyên vật liệu thừa, Phiếu nhập thành phẩm theo quy trình.
- Quản lý thông tin sản xuất chi tiết từng ngày, từng ca làm việc, từng công đoạn sản xuất...
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác...
- Theo dõi và đánh giá tỷ lệ hỏng, hủy, hao hụt trong quá trình thống kê sản xuất.
- Theo dõi tiến độ nhập thành phẩm so với đơn hàng sản xuất (hoàn thành đúng sản lượng, đúng thời hạn).
- So sánh các chỉ tiêu phân tích sản xuất giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, cùng kỳ năm trước.
- In báo cáo: Báo cáo nhu cầu vật tư, Tổng hợp nhập – xuất kho, Báo cáo so sánh vật tư xuất thực tế và định mức, Bảng kê theo đơn hàng sản xuất, Báo cáo thời hạn giao hàng theo đơn hàng...

PHIẾU THANH PHẨM						
Ngày 22 tháng 5 năm 2016						
Kính cho cuộc sống an toàn						
GPI						
Người nhận: Trịnh Thị Hà						
Đơn vị: Tổ Tối (TOTOI)						
Nội dung: 22/05/2016 k1						
Kho thành phẩm hoàn chỉnh (K155)						
BM 03.04						
LỆNH SẢN XUẤT						
CẤT VÀ GIA CÔNG TRÊN KINH CỦA CÔNG TY						
Đơn hàng số: 006731 Ngày: 21/05/2016						
Tên khách hàng: Cường Hương HN - ĐT: 04 39937904 Bộ phận nhận việc:						
Ngày hẹn trả: 23/05/2016 Ghi chú: Cần gấp						
Số lượng	Đvt	Q.Dài	Đvt	Đơn giá	Thanh tiền	Ghi chú
2,538_R1.270	m2	1	tám			
2,544_R0.437	m2	1	tám			
0,88	m2	1	tám			
2,310_R0.385	m2	1	tám			
2,985_R0.463	m2	1	tám			
Cộng tiền hàng:						ig đồng.
						Tháp Thú kho
						Kế toán trưởng
						Thủ trưởng đơn vị
NGƯỜI LẬP PHIẾU KIỂM SOÁT PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)						

Chứng từ trong quy trình được lập và in trên phần mềm. Người dùng cũng có thể tùy chỉnh thêm trước khi in thông qua các tham số mở rộng đã được chương trình khai báo sẵn.



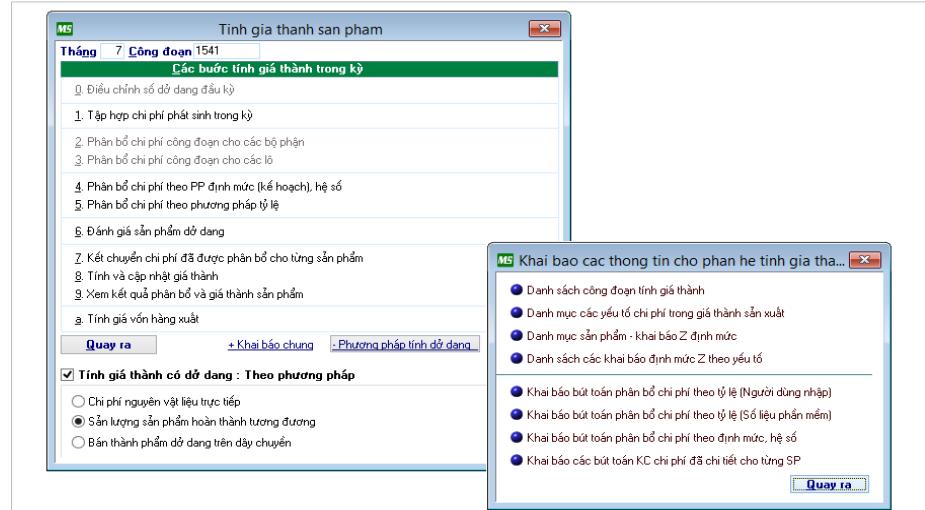
# QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

## ♦ Tính giá thành sản phẩm

- \* Đối với doanh nghiệp áp dụng bài toán giá thành sản xuất, chương trình cho phép tính giá thành theo cả 2 phương pháp truyền thống và kế hoạch:

### - Tính giá thành theo phương pháp truyền thống:

- Thực hiện lần lượt qua các bước từ tập hợp và phân bổ chi phí đến đánh giá dở dang cuối kỳ và tính giá thành.
- Tập hợp và phân bổ chi phí: Chi phí được tập hợp tự động từ các phân hạch kế toán khác, trên cơ sở phát sinh trực tiếp cho từng sản phẩm, công đoạn hoặc phân bổ chi phí chung cho các sản phẩm, công đoạn theo nhiều tiêu thức (định mức, hệ số, tỷ lệ, doanh thu, giá bán, số lượng sản phẩm hoàn thành...)
- Giá trị dở dang cuối kỳ được xác định theo nhiều phương pháp: Chi phí nguyên vật liệu phát sinh, Số lượng sản phẩm dở dang quy tương đương, Dở dang trên dây chuyền...
- Giá thành được tính trên từng sản phẩm, từng công đoạn, từng yếu tố; ngoài ra có thể trên từng bộ phận, lô sản xuất... Từ đó giá thành đơn vị được tính và cập nhật cho các phiếu nhập thành phẩm, phiếu xuất bán và xuất kho thành phẩm công đoạn.



Xem kết quả phân bổ và giá thành sản phẩm													
Sản phẩm	Yếu tố	Tháng	Tk	Mã SP	Tên sản phẩm	Đvt	Số lượng SP dở dang Đ. kỳ	Giá trị dở dang đầu kỳ	Tổng chi phí phát sinh	Số lượng SP hoàn thành	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị dở dang C. kỳ	Số lượng SP đang dở dang Cuối kỳ
		1 1541	TP001	Thành phẩm test TP001	Cái		150 000	1 278 142	50.000	1 190 119	23.802.360000	10.000	238 023
		1 1541	TP002	Thành phẩm test TP002	Cái		300 000	1 845 142	50.000	2 146 142	42.922.840000		
		1 1541	TP003	Thành phẩm test TP003	Cái				3 975 716	100.000	3 975 716	39.757.160000	
<b>Tổng</b>													
<b>Yếu tố</b>													
<b>Nội dung</b>													
VT001	Vật tư test 001	Hợp	10.000	150.000	16.670		250.050	22.225	333.375	4.445	66.675		
VT002	Vật tư test 002	Hợp					20.000	200.000	16.667	166.667	3.333	33.333	
Z622	Yếu tố nhân công trực tiếp	VND					216.024			180.020		36.004	
Z6272	Chi phí vật liệu	VND					450.050			375.042		75.008	
Z6274	Chi phí khấu hao TSCĐ	VND					108.012			90.010		18.002	
Z6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	VND					54.006			45.005		9.001	

Giá thành được tính trên từng sản phẩm, công đoạn, yếu tố trên cơ sở chi phí dở dang đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và dở dang cuối kỳ

# QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

## - Tính giá thành theo phương pháp kế hoạch:

- Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí và sản lượng theo kế hoạch. Kế hoạch chi phí và sản lượng được xây dựng trước khi bước vào sản xuất trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và dự toán chi phí kỳ kế hoạch.
- Các bước thực hiện tính toán tương tự như phương pháp giá thành truyền thống. Tuy nhiên giá thành kết chuyển vào các sản phẩm chỉ lấy theo chi phí trong kế hoạch đặt ra. Phần chi phí vượt hạn mức theo kế hoạch được kết chuyển thẳng sang tài khoản giá vốn (6322).

*- Trong thực tế:* Khi áp dụng giá thành sản xuất doanh nghiệp có thể phát sinh các bài toán khác như: thăng cấp, hạ cấp, sản phẩm hỏng, không có sản phẩm hoàn thành trong kỳ, dở dang đầu kỳ trên từng yếu tố sản xuất khác nhau... Chương trình sẽ có phương án xử lý hiệu quả cho những bài toán thực tế trên.

*- Các báo cáo:* Phân tích giá thành, Báo cáo cân đối các yếu tố trong giá thành, Phân tích giá thành theo năm, Phân tích giá thành theo tháng, Báo cáo chi phí dở dang, Báo cáo hiệu quả sử dụng nguồn lực, Báo cáo so sánh giá thành thực tế và định mức...

MS Phan bo dinh muc: F2-Them moi, F8-Xoa, F9-Lay so luong phan bo tu excel, F12-Khai bao dinh muc/					
Tháng	Tk	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Số lượng SP hoàn thành
1	1541	TP001	Thành phẩm test TP001	Cái	50.000
1	1541	TP002	Thành phẩm test TP002	Cái	50.000
1	1541	TP003	Thành phẩm test TP003	Cái	100.000
1	1541	TP004	Thành phẩm test TP004	Cái	

Yếu tố		Tên yếu tố	Đvt	Định mức lượng	Định mức tiền	% hao hụt	Số lượng SP phân bổ
VT001	Vật tư test 001	Hộp		2.0000			30.000
VT002	Vật tư test 002	Hộp		0.5000			30.000

Chương trình cho phép điều chỉnh số lượng SP phân bổ thay cho số lượng SP hoàn thành để xử lý trường hợp trong kỳ có chi phí phát sinh nhưng không có SP hoàn thành

MeliaSoft ERP của người Việt										PHÂN TÍCH CHI PHÍ GIÁ THÀNH						
										Tháng 6 năm 2016						
										Sản phẩm: TPI						
										Giá thành sản xuất						
										Tổng giá thành	Số lượng	Giá thành	Chi tiết			
										Giá trị	Tỷ lệ	S.P.Thanh	NVLTT	NCTT	SXC	CP khác
										Dữ dang			cuối kỳ			
TPLCD1	Thành phẩm test TPI CD1	Cái		2.150.000		2.150.000	100%	10,00	215.000,00	1.000.000	500.000	650.000				
LNVLTT	A.Yếu tố NVL trực tiếp			1.000.000		1.000.000	46%			100.000.000	1.000.000					
VT001	Vật tư test 001	Hộp		200.000	2,00	200.000	9,30%			20.000.000	200.000					
VT002	Vật tư test 002	Hộp		800.000	8,00	800.000	37,21%			80.000.000	800.000					
Z.NC TT	B-Chi phí nhân công trực tiếp			500.000		500.000	23%			50.000.000		500.000				
Z.622	Yếu tố nhân công trực tiếp	Phút		500.000		500.000	23,26%			50.000.000		500.000				
PG001	Phụ gia công đòn 2	Kg		100.000	1,00	100.000	4,65%			10.000.000					100.000	
PG002	Phụ gia công đòn 3	Kg		50.000	1,00	50.000	2,33%			5.000.000					50.000	
3-SXC	C-Chi phí sản xuất chung			500.000		500.000	23%			50.000.000					500.000	
Z.6274	Chi phí khấu hao TSCD	VND		300.000		300.000	13,95%			30.000.000					300.000	
Z.6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	VND		200.000		200.000	9,30%			20.000.000					200.000	
TPLCD2	Thành phẩm test TPI CD2	Cái		1.860.000		1.860.000	100%	5,00	372.000,00	860.000	600.000	400.000				
LNVLTT	A.Yếu tố NVL trực tiếp			860.000		860.000	46%			872.000.000	860.000					
TPLCD1	Thành phẩm test TPI CD1	Cái		360.000	4,00	360.000	46,24%			172.000.000	860.000					
Z.NC TT	B-Chi phí nhân công trực tiếp			600.000		600.000	32%			120.000.000		600.000				
Z.622	Yếu tố nhân công trực tiếp	Phút		600.000		600.000	32,26%			120.000.000		600.000				
3-SXC	C-Chi phí sản xuất chung			400.000		400.000	21%			80.000.000					400.000	
Z.6274	Chi phí khấu hao TSCD	VND		200.000		200.000	10,75%			40.000.000					200.000	
Z.6278	Chi phí khác	VND		200.000		200.000	10,75%			40.000.000					200.000	
										Tổng cộng	4.010.000	4.010.000		1.860.000	1.100.000	1.050.000

# QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- \* Đối với doanh nghiệp áp dụng bài toán giá thành dịch vụ, sản phẩm là dự án/công trình/dịch vụ.
  - Chi phí phát sinh được tập hợp tự động từ các phân hệ kế toán khác bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.
  - Chi phí được tập hợp trực tiếp cho từng dự án/công trình hoặc tập hợp chung rồi phân bổ cho các dự án/công trình theo nhiều tiêu thức (tỷ lệ, hệ số...)
  - Kết chuyển giá vốn cuối kỳ: Chương trình sẽ tự động kết chuyển giá vốn cho những công trình/dịch vụ/vụ việc có doanh thu. Người dùng có thể chỉ định việc có/không kết chuyển, hoặc kết chuyển một phần theo phần trăm lợi nhuận, chi phí; Ngoài ra chương trình cho phép thay đổi tỷ lệ kết chuyển khác nhau trên từng khoản mục phí thuộc mỗi công trình để phản ánh đúng nghiệp vụ thực tế của doanh nghiệp.
  - In báo cáo: Báo cáo quyết toán công trình, Bảng kê chứng từ theo sản phẩm công trình, Bảng cân đối sản phẩm công trình, Bảng tổng hợp chi phí dự án và nhu cầu sử dụng vốn của dự án, Báo cáo kết quả kinh doanh theo công trình (dịch vụ)...

MS											
Chi tiết theo sản phẩm: ^A/^U/Spacebar-Danh mục, ESC-Thoát											
Chọn K/C	Mã SP/Cuối	Tên công trình/dịch vụ/vụ việc	Giá trị phê duyệt	Doanh thu trong kỳ	% D.Thu trong kỳ/Giá trị P.duyệt	Doanh thu lũy kế	Chi phí đầu kỳ	Chi phí trong kỳ	Chi phí lũy kế	K/C theo % lợi nhuận/D.Thu	Số kết chuyển
x	CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001	30.000.000	20.000.000	66.670	20.000.000	23.200.000	23.200.000		80.000	18.550.000
x	CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001	7.000.000	5.000.000	71.430	5.000.000	3.350.000	3.350.000		90.000	3.015.000

MS						
Thay đổi tỷ lệ (%) phân bổ theo từng khoản mục phí: Esc-lưu và thực hiện tiếp						
Mã Công trình	Tên công trình/Dự án/Dịch vụ	Mã khoản mục	Tên khoản mục	% lợi nhuận	% chi phí	
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	10	Tiền lương			100.00
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	80.00		
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	23	Chi phí nhiên liệu, động lực	80.00		
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	40	Khấu hao TSCĐ	80.00		
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016	99	Khoản mục phí khác	100.00		
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	10	Tiền lương	90.00		
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	90.00		
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	23	Chi phí nhiên liệu, động lực	100.00		
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	40	Khấu hao TSCĐ	100.00		

Chương trình cho phép lựa chọn kết chuyển 1 phần chi phí dự án/công trình theo tỷ lệ doanh thu, chi phí. Tỷ lệ này có thể khác nhau theo từng khoản mục phí để phản ánh đúng thực tế của doanh nghiệp.

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH (DỊCH VỤ)								
Tháng 7 năm 2016								
Dự án (HD, Vụ việc)	Diễn giải	Chi phí đầu kỳ	Trong kỳ		Giá vốn	Chi phí dở dang C. kỳ	Chi phí khác	Lai lô
			Doanh thu	Chi phí 154S				
CT001	Công trình 001/2016		25.000.000	26.550.000	22.525.000	4.025.000		2.475.000
CT001.1	Hạng mục 1 - Công trình 001/2016		20.000.000	23.200.000	19.300.000	3.900.000		700.000
10	Tiền lương		1.200.000	1.200.000				
20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		14.000.000	11.200.000		2.800.000		
23	Chi phí nhiên liệu, động lực		2.000.000	1.900.000		400.000		
40	Khấu hao TSCĐ		3.500.000	2.800.000		700.000		
99	Khoản mục phí khác		2.500.000	2.500.000				
CT001.2	Hạng mục 2 - Công trình 001/2016	5.000.000	3.350.000	3.225.000	125.000			1.775.000
10	Tiền lương		350.000	315.000		35.000		
20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		900.000	810.000		90.000		
23	Chi phí nhiên liệu, động lực		100.000	100.000				
40	Khấu hao TSCĐ		2.000.000	2.000.000				
Tổng cộng:			25.000.000	26.550.000	22.525.000	4.025.000		2.475.000

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng

Người lập biểu

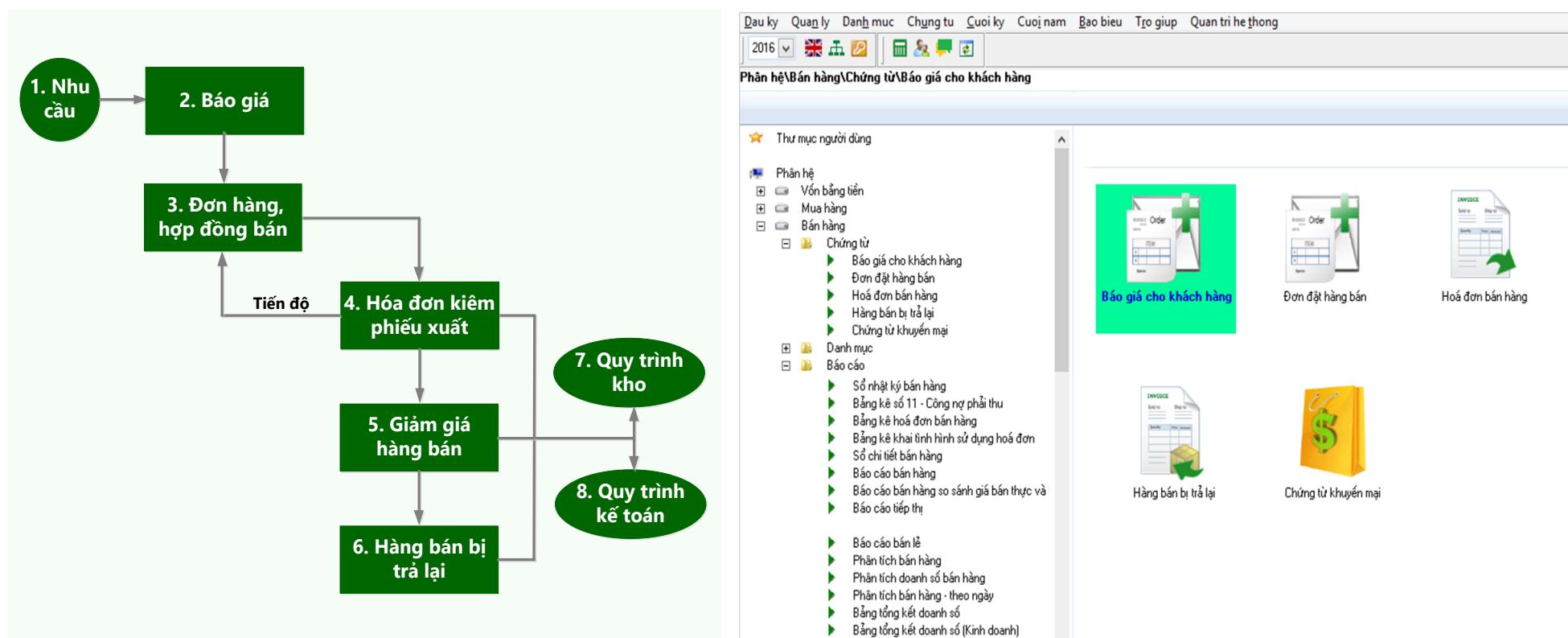
Báo cáo quyết toán công trình phân tích doanh thu, chi phí, giá trị dở dang, lãi lỗ trên từng hạng mục/công trình, chi tiết đến từng khoản mục.

# QUY TRÌNH BÁN HÀNG

## Tổng quan:

Quản lý đầy đủ các khâu trong quy trình bán hàng từ Báo giá → Đơn hàng → Xuất hàng → Hóa đơn → Thanh toán. Trợ giúp cho bộ phận kinh doanh - bán hàng, bộ phận kế toán theo dõi quản lý doanh thu và các khoản nợ một cách kịp thời, chính xác. Cung cấp nhiều tiêu chí phân tích bán hàng giúp nhà quản trị có cái nhìn đa chiều về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

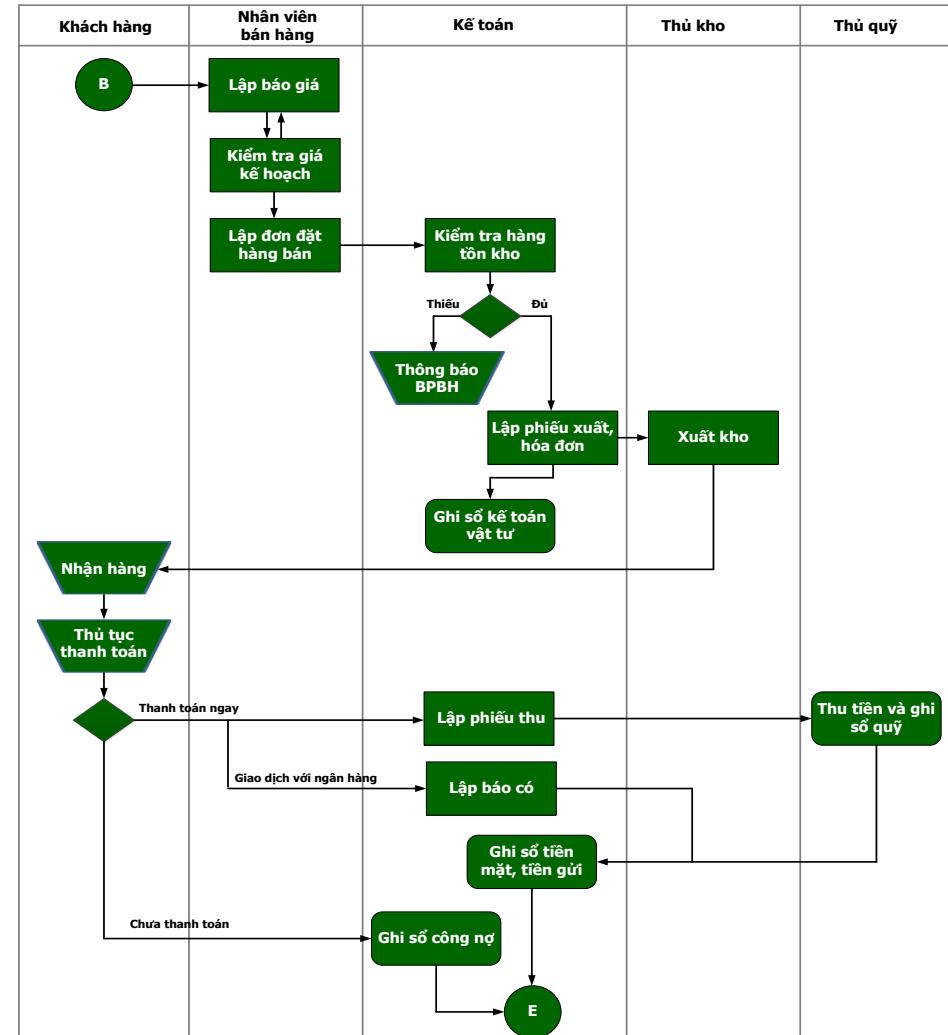
## Những điểm chính:



# QUY TRÌNH BÁN HÀNG

## Những điểm chính:

- Lập và in báo giá, đơn hàng, hóa đơn, phiếu hàng bán bị trả lại, phiếu thu tiền hàng theo quy trình.
- Theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng, hợp đồng bán (giao hàng đúng lượng, đúng hạn).
- Khai báo tự động tính và định khoản thuế GTGT đầu ra, thuế TTĐB và tự động tính toán tiền chiết khấu bán hàng, giảm giá.
- Thiết lập và quản lý chính sách bán lẻ: chiết khấu, chương trình khuyến mại, quà tặng,... chi tiết tới từng vùng địa bàn, khách hàng, mặt hàng...
- Xây dựng phương án giá bán linh hoạt theo: mặt hàng, khách hàng, vùng/địa bàn, hình thức bán buôn/bán lẻ... Cho phép khai báo biên độ của giá bán, so sánh phân tích giá bán thực với giá bán niêm yết.
- Giám sát công nợ phải thu của khách hàng theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, khách hàng, hợp đồng, nhân viên,...). Bù trừ công nợ giữa các khách hàng cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, sản phẩm, hợp đồng...
- In báo cáo: Phân tích bán hàng, Sổ chi tiết bán hàng, Báo cáo so sánh giá thực với bảng giá, Theo dõi đơn hàng bán, Báo cáo thời hạn giao hàng theo đơn hàng bán...



Hình 4. Quy trình nghiệp vụ bán hàng

# QUY TRÌNH BÁN HÀNG

## Những điểm nổi bật:

- Hỗ trợ bộ phận kế hoạch (kinh doanh) trong công tác lập bảng báo giá kế hoạch nhằm trả lời đơn hàng của khách hàng một cách nhanh chóng dựa trên tính toán chi phí sản xuất kết hợp chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cơ sở thiết lập báo giá kế hoạch là bảng định mức sản phẩm, với sản phẩm sản xuất được cấu thành từ các yếu tố sản xuất và chi phí liên quan, với sản phẩm thương mại được cấu thành từ giá mua và các chi phí liên quan.

Từ ngày	Mã SP	Tên SP	Mã yếu tố	Tên yếu tố	ĐVT	Định lượng	Đơn giá	Thành tiền
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	GKPP125.140	Giá KPP	Kg	150	10,200	1,530
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	GSRK165.130	Giấy sóng ra keo	Kg	110	9,300	1,463
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	GS130.130	Giấy sóng thường	Kg	115	7,600	874
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	CP_SXC	Chi phí sản xuất chung				250
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	CP_Khao	Chi phí khấu hao				250
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	CP_Dien	Chi phí điện				90
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	CP_CPBH	Chi phí bán hàng				50
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	CP_CPQLDN	Chi phí QLĐN				100
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	CP_VC_VUNG1	Chi phí vận chuyển vùng 1				100
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	CP_VC_VUNG2	Chi phí vận chuyển vùng 2				120
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1 - SX	Tien_Lgap	Tiền lãi gộp				243
01/01/2018	QH10_TM	Duplex Loại 1 - TM	QH10_TM	Giá mua Duplex Loại 1	Kg	1	5,500	5,500
01/01/2018	QH10_TM	Duplex Loại 1 - TM	CP_CPBH	Chi phí bán hàng				50
01/01/2018	QH10_TM	Duplex Loại 1 - TM	CP_CPQLDN	Chi phí QLĐN				100
01/01/2018	QH10_TM	Duplex Loại 1 - TM	CP_VC_VUNG1	Chi phí vận chuyển vùng 1				100
01/01/2018	QH10_TM	Duplex Loại 1 - TM	CP_VC_VUNG2	Chi phí vận chuyển vùng 2				120
01/01/2018	QH10_TM	Duplex Loại 1 - TM	Tien_Lgap	Tiền lãi gộp				243

Bảng định mức các yếu tố cấu thành lên giá của các mặt hàng

## BÁO GIÁ KẾ HOẠCH VÀ HIỆU QUẢ

Số hiệu báo giá: 201801.001

Ngày	Mã	Tên	ĐVT	Định lượng	Số lượng /m <sup>2</sup>	Đơn giá	Thành tiền	KT dài	KT rộng	Sô m <sup>2</sup>	Giá bán kế hoạch	Giá bán thực tế	Chênh lệch	Chênh lệch (%)
01/01/2018	QH10_SX	Duplex Loại 1												
01/01/2018	GKPP125.140	Giá KPP	Kg	150	0.150	10 200	1530.0							
01/01/2018	GSRK165.130	Giấy sóng ra keo	Kg	110	0.157	9 300	1460.1							
01/01/2018	GS130.130	Giấy sóng thường	Kg	115	0.115	7 600	874.0							
01/01/2018	CP_SXC	Chi phí sản xuất chung					250.0							
01/01/2018	CP_Khao	Chi phí khấu hao					250.0							
01/01/2018	CP_Dien	Chi phí điện					90.0							
	ZSX	Giá thành sản xuất				4454.1								
01/01/2018	CP_CPBH	Chi phí bán hàng				50.0								
01/01/2018	CP_CPQLDN	Chi phí QLĐN				100.0								
01/01/2018	CP_VC_VUNG1	Chi phí vận chuyển vùng 1				100.0								
	ZTB	Giá thành toàn bộ				4704.1								
01/01/2018	Tien_Lgap	Tiền lãi gộp				243.0								
	GIABAN	Giá bán dự kiến				4947.1	1 554	550	0.8547	4228.3				

Báo cáo về kết quả báo giá và đánh giá hiệu quả so với giá bán thực tế

- Trên cơ sở nhu cầu đặt hàng của khách hàng tính toán với bảng định mức các yếu tố cấu thành, báo giá kế hoạch được đưa ra để hỗ trợ bộ phận kinh doanh đàm phán đơn hàng một cách hiệu quả, tối ưu lợi ích cho cả khách hàng và doanh nghiệp.
- Từ đây, hiệu quả kinh doanh được đánh giá dựa trên so sánh sản lượng, giá bán, giá vốn giữa kế hoạch với thực hiện theo từng đơn hàng, mặt hàng, khách hàng..

# QUY TRÌNH BÁN HÀNG

## Những điểm nổi bật:

- Quản lý việc cho phép/không cho phép xuất hàng âm; cảnh báo xuất âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu.
- Tự động tính giá vốn của hàng xuất theo nhiều phương pháp khác nhau: đích danh, giá trung bình tháng, trung bình thời điểm, nhập trước xuất trước; theo từng kho hoặc không theo kho. Xử lý bài toán làm tròn 10/3 khi tính giá vốn trong trường hợp lượng hết, tiền còn.
- Xử lý các trường hợp tính giá vốn quay vòng, áp giá vốn tự động khi xuất lắp ráp, xuất điều chuyển kho, xuất chuyển cho đơn vị chi nhánh khác...

Mã Vt	Tên vật tư thay thế	Giá nhập TB	Giá bán 10%	Giá bán 20%	Giá bán 30%	Tồn: K1521	Tồn: K1522
VT001	Vật tư test 001	14.296	15.726	17.156	18.585	910.000	200.000
VT002	Vật tư test 002	13.789	15.168	16.547	17.926	9.440.000	300.000
VT003	Vật tư test 003	15.000	16.500	18.000	19.500	110.000	
VT004	Vật tư test 004	22.303	24.533	26.763	28.993	90.000	-20.000
VT005	Vật tư test 005	5.000	5.500	6.000	6.500	550.000	
VT006	Vật tư test 006	382.075	420.283	458.490	496.698	50.000	
VT009	Tên cuộn xanh màu SJC					-100.000	

Cảnh báo xuất hàng âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu ngay khi nhập liệu hóa đơn bán hàng.

- Phân tích doanh số bán hàng theo mô hình cột, dòng với các tiêu chí lựa chọn đa dạng: Vùng miền, bộ phận, nhân viên, mặt hàng, giờ, ngày, tháng... cũng như các tiêu thức quản lý mở rộng khác.
- Tối ưu hóa hiệu quả trong công tác bán hàng, hỗ trợ nhân viên bán hàng có thể vừa nghe điện thoại của khách vừa kiểm tra được thông tin từ hệ thống thông qua các tiện ích: xem tồn kho tức thời của mặt hàng, tìm kiếm mặt hàng thay thế, ước tính giá bán dựa trên giá nhập đầu vào...

# QUY TRÌNH BÁN HÀNG

**Meliasoft Chart**

**Phân tích bán hàng**

Ứng dụng biểu đồ Google giúp việc phân tích, so sánh số liệu trên các báo cáo một cách trực quan.

**Chỉnh sửa** ID: 100 | Log CT HD Ngày 19/07/2016 Số 005 M/S/NĐ 1.00 Post  
Giao dịch với ID 1311 | Bản hàng công nghệ phần mềm  
M/S đã trả về

**KL01 Khách hàng siêu thị**

Vị trí/ID	Tên/Địa chỉ	M/S/NĐ	Tاريخ	Tổng số lượng	Tổng giá	Thành tiền	% CK	Đã trả	Thứ tự
VT001	M/S/NĐ 1311	1311	1/1/2016	1.000	10.000.000	11.000	✓		
VT002	M/S/NĐ 1311	1311	1/1/2016	1.000	10.000.000	11.000	✓		
VT003	M/S/NĐ 1311	1311	1/1/2016	1.000	10.000.000	11.000	✓		

**Chi tiết** | **Chỉnh sửa** | **Đặt hàng** | **Chuyển sang "Chết Z"** | **Phản hồi đóng** | **Lấy giá** | **Tổng hàng** 31.000  
Bộ hàng hóa: Khách hàng siêu thị Ngày 19/07/2016 Số hóa đơn: Ngày 11/7/2016 | **Thanh toán cho các HD** | **Các chứng từ** | **Tổng số** | **Tổng hóa đơn** 31.000  
**Khách hàng** 50.000 | **Tổng hóa đơn** 19.000

**Thêm công thức khuyến mãi**

M/S khuyến mãi KM2016-01 VT001 | Ngày kết thúc 31/01/2016  
Tên khuyến mãi Khách hàng tháng 1  
Ngày hiệu lực 01/01/2016  
Vùng bán hàng HN  
Đối tượng khách hàng KL01  
Loại khuyến mãi 1 - Tín hiệu điều chỉnh (không đổi), 2 - Theo giải đoạn (Cuối kỳ)  
Hình thức K.mã S - % Theo số lượng: D/Theo số lượng  
Doanh số Khiết 0 | Hàng mức doanh số max 0  
Giá chia  
Hàng bán ra Hàng khuyến mãi | **F12: Chuyển đổi giữa các Page**  
M/S hàng Vật tư test 001 | Hàng bán ra ĐVT Số lượng bán 10.000  
Hàng bán ra Hàng khuyến mãi | **F12: Chuyển sang "Hàng bán ra"**  
M/S hàng Vật tư test 001 | Hàng bán ra | **Công thức** | **Số lượng** | **% CK** | **Tiền khuyến mãi**  
VT001 Vật tư test 001 | Hàng bán ra | 1.000 | 1.000 | 0 | 0  
**Chấp nhận** | **Hủy bỏ** | **Định chỉ giao dịch** 1 | **Hoạt động**, **Định chỉ giao dịch**

CÔNG TY CỔ PHẦN ABC  
Tầng 7, Tòa nhà Intracom, Ngõ 72, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO BÁN HÀNG SO SÁNH GIÁ BÁN THỰC VÀ BẢNG GIÁ**  
Tháng 7 năm 2016

CT	Ngày	Số CT	Diễn giải	Mã số	ĐVT	Giá bán (HD)	Giá chuẩn (Bảng giá)	Chênh lệch	Biển đeo	Giá dưới biển đeo	Giá trên biển đeo
HD	16/07/2016	001	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 001	VT001	Hộp	20.000	22.000	2.000		22.000	22.000
			Vật tư test 002	VT002	Hộp	50.000	55.000	5.000		55.000	55.000
HD	17/07/2016	002	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 002	VT002	Hộp	10.000	55.000	45.000		55.000	55.000
			Ton cuộn xanh rêu SSC	VT009	Mét	40.000		-40.000			
HD	18/07/2016	003	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 003	VT003	Mét	10.000	15.000	5.000		15.000	15.000
			Vật tư test 001	VT001	Hộp	20.000	22.000	2.000		22.000	22.000
HD	19/07/2016	004	Test hóa đơn bán hàng								
			Vật tư test 004	VT004	M3	50.000	5.000	-45.000	10	4.500	5.500
			Vật tư test 005	VT005	M3	60.000		-60.000			
HD	19/07/2016	005	Test bán hàng siêu thị								
			Vật tư test 001	VT001	Hộp	11.000		-11.000			
			Vật tư test 002	VT002	Hộp	10.000		-10.000			
			Vật tư test 003	VT003	Mét	10.000		-10.000			

Ngày... tháng... năm...  
Kết toán trưởng

Người lập biểu

Báo cáo bán hàng so sánh giá bán thực với bảng giá niêm yết áp dụng cho từng mặt hàng, khách hàng, hình thức bán buôn/bán lẻ, vùng/địa bàn...

Công ty Cổ phần ABC  
Tầng 7, Tòa nhà Intracom, Ngõ 72, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội

**SỐ TỔNG HỢP VẬN CHUYỂN, BỐC DỠ, LẮP ĐẶT (BÁN HÀNG)**  
Tháng 7 năm 2016

Mã	Diễn giải	Người bốc dỡ, lắp đặt	Số lượng	Tiền vận chuyển	Tiền bốc dỡ, lắp đặt	Tiền khác	Tổng cộng
29H-2241	Xe 2,5 tấn	Nguyễn Văn Bình	150	1 100 000	350 000		1 450 000
VT001	Vật tư test 001		100	500 000	150 000		650 000
VT002	Vật tư test 002		50	600 000	200 000		800 000
88A-0243	Xe 1,25 tấn	Hoàng Việt Hưng	600	1 500 000	800 000		2 300 000
VT002	Vật tư test 002		500	500 000	300 000		800 000
VT009	Ton cuộn xanh rêu		100	1 000 000	500 000		1 500 000
88H-3942	Xe 1,4 tấn	Diệp Văn Dũng	170	3 000 000			3 000 000
VT001	Vật tư test 001		120	2 000 000			2 000 000
VT003	Vật tư test 003		50	1 000 000			1 000 000
88H-9630	Xe 1tấn	Lâm Văn Thiết	100		650 000		650 000
VT004	Vật tư test 004		50	300 000			300 000
VT005	Vật tư test 005		50	350 000			350 000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1 020</b>	<b>5 600 000</b>	<b>1 800 000</b>		<b>7 400 000</b>

Ngày... tháng... năm 2016  
Kết toán trưởng

Quản lý vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt được tích hợp ngay trong phân hệ bán hàng.

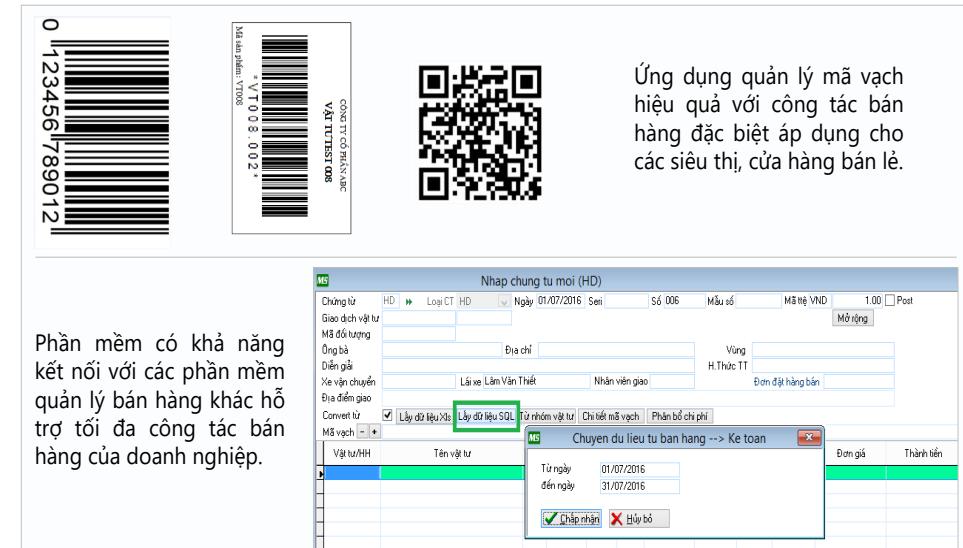
# QUY TRÌNH BÁN HÀNG

## Những điểm nổi bật:

- Phân tích lãi lỗ bán hàng chi tiết đến từng mặt hàng, bao gồm lãi gộp và lãi cuối cùng sau khi tính toán phân bổ doanh thu, chi phí khác.
- So sánh các chỉ tiêu phân tích bán hàng giữa kế hoạch và thực hiện, giữa kỳ này với kỳ trước, cùng kỳ năm trước.
- Tính toán khả năng chiếm dụng vốn của khách hàng với đơn vị. Cảnh báo số nợ vượt hạn mức tín dụng cho phép.
- Phân tích tuổi nợ. Tự động theo dõi hạn thanh toán hoặc người dùng định nghĩa, tính toán tuổi nợ trong hạn, quá hạn, khó đòi; Cho phép khai báo và tính toán lãi trước hạn, lãi quá hạn cho từng kỳ hạn nợ.
- Tích hợp với hệ thống mã vạch. Có khả năng lấy dữ liệu từ các hệ thống khác như file excel, máy chấm công, trạm cân điện tử, phần mềm quản lý khác ...
- Lưu các thông tin khác trên chứng từ thông qua việc attach, download các file tài liệu đính kèm.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

PHÂN TÍCH BÁN HÀNG													
Tháng 7 năm 2016													
Tên nhóm	Mã nhóm	Dvt	bảng bán	Tiền kinh	Chênh	Chi phí HD	Chi phí bán	Chi phí quản	Đoanh thu	Đoanh thu	Tổng chi phí	Tổng doanh	Lãi gộp
Bắc Giang	BG	600	16 500 000	6 200 000	2 672 413	3 206 897	1 603 449	1 064 518	4 790 323	13 692 700	22 354 804	8 672 082	
Vật tư toe	VT001	1M	500	12 500 000	3 000 000	1 155 172	2 586 207	1 290 104	804 453	6 299 033	11 034 483	16 935 486	5 901 183
Vật tư toe	VT002	1M	100	12 500 000	3 000 000	1 155 172	2 586 207	1 290 104	804 453	6 299 033	11 034 483	16 935 486	5 901 183
Hà Nội	HN	250	10 500 000	2 850 000	3 228 449	1 474 138	737 088	677 418	3 048 386	6 269 604	14 225 804	7 936 149	
Vật tư toe	VT003	1M	100	2 500 000	1 500 000	646 557	775 862	387 931	161 290	725 806	3 310 345	3 387 096	76 751
Vật tư toe	VT004	1M	50	2 500 000	500 000	215 517	218 621	129 310	161 290	725 806	1 103 441	3 187 096	2 283 641
Vật tư toe	VT005	1M	50	2 500 000	500 000	215 517	218 621	129 310	161 290	725 806	1 103 441	3 187 096	2 283 641
Vật tư toe	VT006	1M	50	3 000 000	210 000	107 798	129 310	64 653	193 548	870 968	551 724	4 064 516	3 312 792
Phí Thu	PT01	1M	4 000 000	2 550 000	1 099 138	1 318 985	659 483	258 064	1 161 291	5 627 586	5 419 355	- 208 231	
Vật tư toe	VT007	1M	50	3 000 000	700 000	322 276	387 931	193 960	64 316	290 323	1 655 173	3 354 639	- 300 334
Tổng cộng		1 020	31 000 000	11 600 000	5 000 000	6 000 000	3 000 000	2 000 000	9 000 000	25 600 000	42 000 000	16 400 000	

BÁO CÁO CÔNG NÓ PHẢI THU THEO HẠN THANH TOÁN												
Công nợ đến ngày: 30/09/2016												
Số	Ngày	Còn nợ	Điều kiện	Giai đoạn	Hiện	Tاريخ	Đến	Đến	Tổng	đến	Giá trị chờ trả (V) (tồn hàng, các khoản giao)	Giá trị
		Khách hàng A01		27.559.900					5.760.000	21.799.900	27.559.900	
001	12/07/2016	Hóa đơn A01	21.799.900	15	27/07/2016					21.799.900	21.799.900	62
		Hóa đơn A02		3.760.000						3.760.000	3.760.000	27
002	20/07/2016	Khách hàng A01	15.000.000	15	24/08/2016				6.300.000	11.700.000	15.000.000	
		Hóa đơn A02		11.700.000						11.700.000	11.700.000	
003	12/08/2016	Khách hàng A01	11.700.000	20	01/09/2016				6.700.000	14.000.000	11.700.000	-1
		Hóa đơn A02		6.700.000						6.700.000	6.700.000	
004	12/09/2016	Khách hàng A03	14.000.000	15	27/09/2016				14.000.000	14.000.000	14.000.000	7
		Hóa đơn A04		4.050.000					4.050.000	4.050.000	4.050.000	7
005	12/09/2016	Khách hàng A05	4.050.000	15	27/09/2016				4.050.000	4.050.000	4.050.000	7
		Hóa đơn A06		6.700.000					6.700.000	6.700.000	6.700.000	
006	12/09/2016	Hóa đơn A03	14.000.000	15	27/09/2016				14.000.000	14.000.000	14.000.000	
		Tổng cộng		67.609.900					14.200.000	57.409.900	67.609.900	



Phân tích lãi lỗ bán hàng theo nhiều tiêu chí, cho phép tính lãi thực cuối cùng sau khi phân bổ các khoản doanh thu và chi phí khác trong kỳ

Ứng dụng quản lý mã vạch hiệu quả với công tác bán hàng đặc biệt áp dụng cho các siêu thị, cửa hàng bán lẻ.

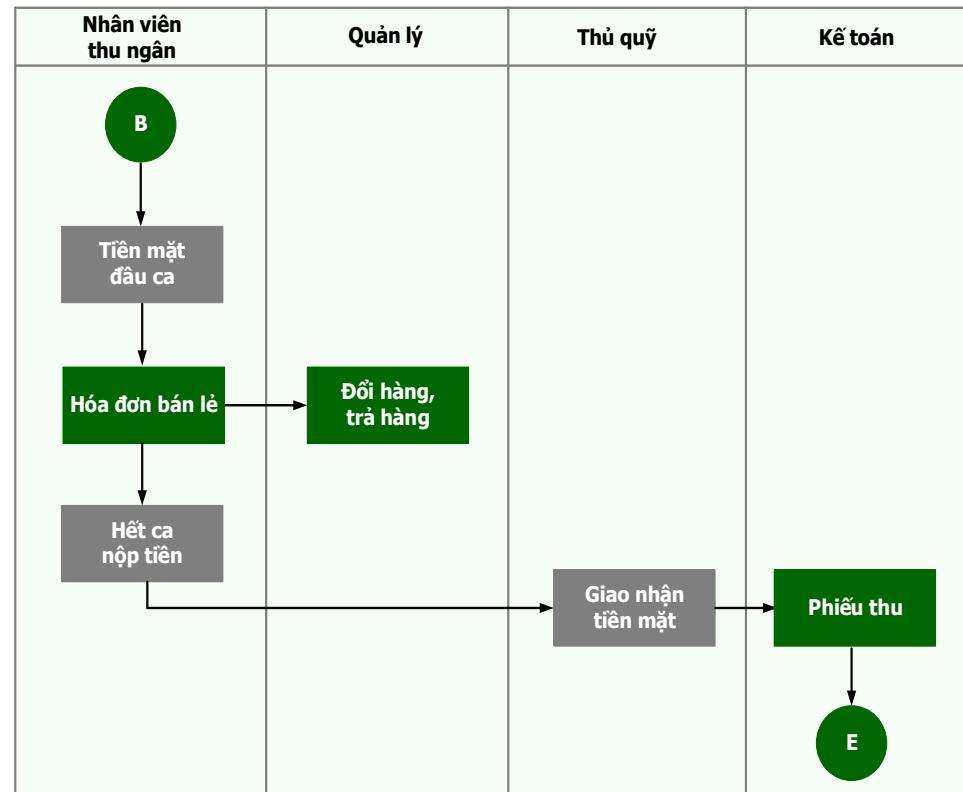
# QUY TRÌNH BÁN LẺ

## Tổng quan:

Quản lý đầy đủ các khâu trong quy trình bán lẻ tại các cửa hàng, quầy hàng... nhằm giúp doanh nghiệp quản lý hệ thống phân phối bán lẻ các sản phẩm hàng hóa của đơn vị. Các giao dịch bán hàng, thanh toán được thực hiện nhanh chóng, tiện lợi cùng những tính năng hạch toán tự động sẽ hỗ trợ giảm thiểu tối đa thao tác thực hiện của các bộ phận liên quan.

## Những điểm chính:

- Khai báo và quản lý hàng hóa theo mã vạch, theo serial, hình ảnh...  
Lập và in mã vạch từ phần mềm.
- Lập và in các giao dịch hóa đơn bán lẻ (tự tính tiền hàng theo giá bán lẻ, lấy chiết khấu... Ghi nhận tiền khách hàng trả và tiền phải trả lại khách hàng).
- Thiết lập và quản lý chính sách bán lẻ: giảm giá, chiết khấu, tặng quà, thẻ tích điểm... tới từng khách hàng, mặt hàng, nhóm hàng.
- Thanh toán bằng nhiều cách (Tiền mặt, Thẻ ngân hàng...). Tự động hạch toán phiếu kế toán (phiếu thu, báo có ngân hàng)
- Quản lý lượng hàng theo từng kho, điểm bán hàng. Theo dõi việc điều chuyển hàng hóa giữa các kho, các điểm bán hàng.
- Lập và in báo cáo doanh số bán lẻ, Báo cáo tổng hợp và chi tiết về hàng xuất (theo ngày, nhân viên, nhóm khách hàng...)



# QUY TRÌNH BÁN LẺ

Ngày 17/11/2017 Số phiếu 0035 Mã tệ VND 1.00 Giao dịch BLTM Tiền mặt

**Mã vạch** VT00103

Số thẻ TD KLST Khách lẻ (Siêu Thị) [Dòng số: 3/3]

Xóa	Vật tư/HH	Mã vạch	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% CK	Chiết khấu	Thuế VAT
☒	VT001	VT00101	Vật tư test 001	Hộp	K1522	1.000	10 000.00	10 000		R10A	
☒	VT001	VT00102	Vật tư test 001	Hộp	K1522	1.000	10 000.00	10 000		R10A	
☒	VT001	VT00103	Vật tư test 001	Hộp	K1522	1.000	10 000.00	10 000		R10A	

**Giao diện nhập liệu của hóa đơn bán lẻ**

Chi tiết | Chi tiết 2 | Chi tiết 3 | Mở rộng.

Tính chiết khấu	Tiền hàng	27 273
Khách trả	C.Khấu	0.00 %
Thuế VAT		2 727
Còn thiếu	Tổng tiền	30 000

Chấp nhận  Hủy bỏ  BLTH - Bán hàng siêu thị (Thanh toán qua thẻ)

Giao diện của hóa đơn bán lẻ

Ngày 17/11/2017 Số phiếu 0035 Mã tệ VND 1.00 Giao dịch BLTH Thanh toán bằng thẻ

**Mã vạch** VT00102

Số thẻ TD KLST Khách lẻ (Siêu Thị) [Dòng số: 2/2]

Xóa	Vật tư/HH	Mã vạch	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% CK	Chiết khấu	Thuế VAT
☒	VT001	VT00101	Vật	1.000		1.000	10 000.00	10 000		R10A	☒
☒	VT001	VT00102	Vật	1.000		1.000	10 000.00	10 000		R10A	☒

**Dựa trên thông tin giao dịch, hệ thống sẽ tự động tạo chứng từ phiếu thu hoặc báo cáo ngân hàng**

Chi tiết | Chi tiết 2 | Chi tiết 3 | Mở rộng.

Tính chiết khấu	Tiền hàng	18 182
Khách trả	C.Khấu	0.00 %
Thuế VAT		1 818
Còn thiếu	Tổng tiền	20 000

Chấp nhận  Hủy bỏ  BLTH - Bán hàng siêu thị (Thanh toán qua thẻ)

Tự động tạo chứng từ thanh toán sau khi bán hàng

Ngày 17/11/2017 Số phiếu 0035 Mã tệ VND 1.00 Giao dịch BLTM Tiền mặt

**Mã vạch** HÀNG

Số thẻ TD KLST Khách lẻ (Siêu Thị)

Xóa	CODE_VT	TEN_VT	Đơn giá	Thành tiền
☒	8935077250800	Hàng hóa test 001	10 000.00	10 000
☒	8935077250807	Hàng hóa test 002	10 000.00	10 000
☒	8935077250881	Hàng hóa test 002	10 000.00	10 000
☒	8935077250881	Hàng hóa test 002	10 000.00	10 000

**Tim kiếm nhanh các thông tin liên quan đến mã vạch**

Ngày 17/11/2017 Số phiếu 0035 Mã tệ VND 1.00 Giao dịch BLTM Tiền mặt

**Mã vạch** 10

Số thẻ TD KLST Khách lẻ (Siêu Thị)

Xóa	CODE_VT	TEN_VT	Đơn giá	Thành tiền
☒	VT00101	Vật tư test 001	10 000.00	10 000
☒	VT00102	Vật tư test 001	10 000.00	10 000
☒	VT00103	Vật tư test 001	10 000.00	10 000

**Có thể nhập nhanh số tại ô mã vạch để cập nhật số lượng bán**

Chi tiết | Chi tiết 2 | Chi tiết 3 | Mở rộng.

Tính chiết khấu	Tiền hàng	27 273
Khách trả	C.Khấu	0.00 %
Thuế VAT		2 727
Còn thiếu	Tổng tiền	30 000

Giao diện của hóa đơn bán lẻ

Tiện ích nhập liệu trên hóa đơn bán lẻ



# QUY TRÌNH QUẢN LÝ LÔ ĐƠN HÀNG

## Tổng quan:

Khái niệm lô được sử dụng để định nghĩa cho một hay nhiều đơn hàng bán ở mọi khâu trong chuỗi sản xuất. Luồng thông tin theo lô nhằm trả lời các câu hỏi của khách hàng về tình trạng đơn hàng: Đơn hàng đã thực hiện đến đâu? Câu trả lời từ hệ thống thông tin quản lý lô đơn hàng:

Đang thực hiện trong quy trình mua

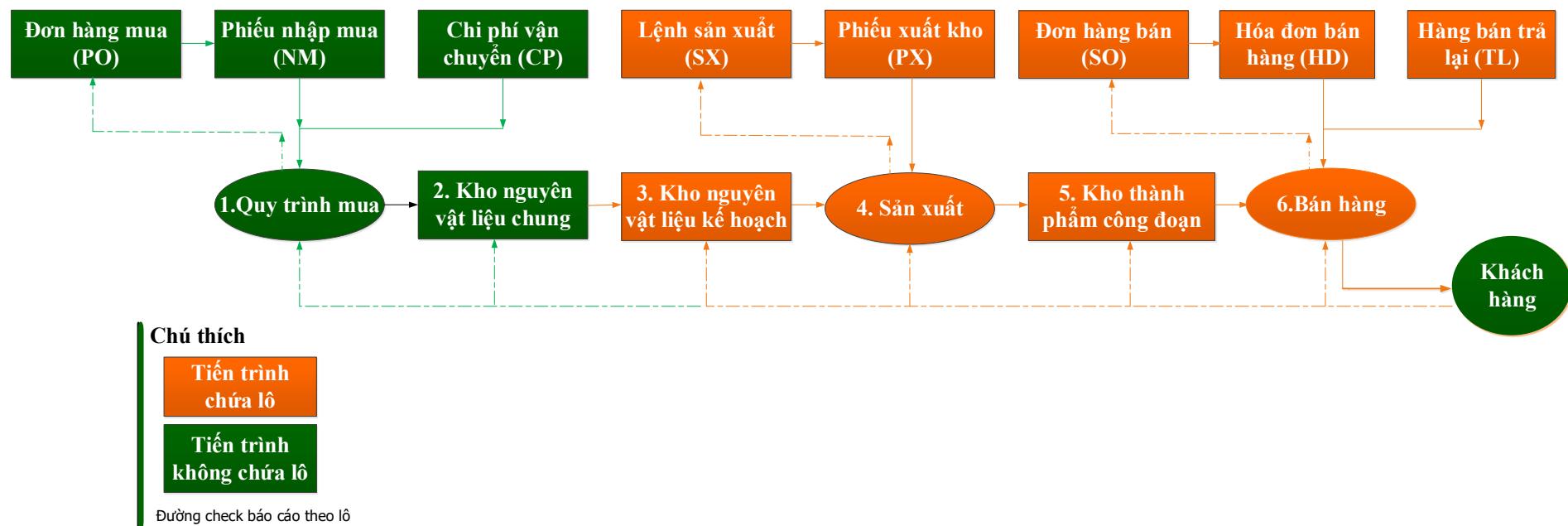
- + Nguyên vật liệu chưa về đến kho
- + Nguyên vật liệu đã về đến kho

Đang thực hiện trong quy trình sản xuất

- + Đã xuất nguyên vật liệu, đang sản xuất
- + Đã nhập kho thành phẩm

Đang thực hiện trong quy trình bán

- + Đã lập phiếu bán hàng
- + Hàng đang nằm trên kho đi đường



# QUẢN LÝ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

## Những điểm nổi bật:

### ◆ Quản lý thông tin khách hàng:

- Mã khách hàng, tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại, email, quy mô công ty...
- Thông tin các đối tác đại diện của khách hàng.

### ◆ Theo dõi tình trạng khách hàng:

- Chưa có nhu cầu/Tiềm năng/Đang chăm sóc/Dự kiến ký/Đã ký...
- Nhân viên marketing/Nhân viên kinh doanh phụ trách...

MS Công ty Cổ phần OH PreStock (KT - N)										
Danh mục	Quản lý	Danh mục	Chung tu	Cuối kỳ	Cuối năm	Bao bì	Tro giúp	Quản trị hệ thống	Table	
2017  F4: Tính toán										
[C]	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Loại đt	Bưu chí	Mã số thuế	Nhóm Đ.Tượng	Đối tác	Điện thoại	Số fax	Email
990010000465	Bùi Quốc Toản	2	16 Đường số 3 Khu dân cư 42	3000						ak117.dk@gmail.co
990010000462	Cao Văn Ouart	2	130/29 Đường số 11 Khu đô thị	3000						
990010000162	Tan Minh Man	2	8/7 Đường số 111 Gia Vị	3000						
990010000001	Nguyễn Quang Huy	2	R4/08, Street number 2, Tân Phong Ward	3000						0845119277/
990010000002	Nguyễn Đức Hân Anh	2	25/22 Đường Bến Phú, P.15, Bình Thạnh	3000						0903539163
990010000004	Đỗ Văn Chung	2	6/1 Đường số 11 Khu đô thị	3000						0903023914
990010000003	Quốc Việt Long Thuần	2	156/57 C Lê Thánh Tôn, Q.1, TP. HCM	3000						0976704960
990010000000	Giulia Jerome	2	227 Đường Bến Phú, P.15, Q. Bình Thạnh	3000						0903533866
990010000001	Nguyễn Hoàng Hùng	2	684/98 Lê Hà Nội, P. Phước Long B, Q. 9	3000						
990010000007	Trương Lập	2	2	3000						
990010000008	Phạm Văn Huy	2	2	3000						
990010000010	Karen Oshiro	2	2	3000						
WAKAI	WAKAI VIETNAM	2	Hoàng Thành Biệt, 2F, 295, Số Liền Phố	3000						
990010000018	Hồng Hoa Lê	2	28 Thảo Điền, D2	3000						0862018392
990010000014	Lê Văn Nhàn	2	28/1 Đường số 1 Khu dân cư Phú Q.2	3000						
990010000030	Trần Văn Phúc	2	51 Nguyễn Cửu Thủ, Q5 HCM	3000						nacotech.info@gmail.
990010000027	Khoa Takano	2	693/16/22 Furukawa Nakatsu Chuo Tokyo J	3000						01204153827
990010000022	Nguyễn Hoàng Phu	2	280/70/22 Bùi Hữu Nghĩa P.22, Q. Bình Thạnh	3000						
990010000025	Ho Xuân Trò	2	195/11/6 Đường Bến Phú, P15/Bến Thành	3000						01664719857
990010000024	Đỗ Hùng Sơn	2	2/2 Đường Bến Phú, P.15, Q. Bình Thạnh	3000						
990010000025	Hồ Văn Hưởng	2	219 Đường Bến Phú, P.15, Q. Bình Thạnh,	3000						quochau@tanium.v
990010000026	Hồ Đăng Hiện	2	61 Cửu Long, P.15, Q. 12, TP.HCM	3000						
990010000028	Nguyễn Văn Lập	2	4/88 Trần Kiết, P.2, Q. Bình Thạnh	3000						
990010000029	Nguyễn Văn Lập	2	57/1 Nguyễn Văn Linh, P.5, Q.10, HCM	3000						
990010000023	SƠ CHIẾN ĐẤU	2	8/AT Cao Thắng, P.14, Quận 3, TP.HCM	3000						
990010000016	Triệu Công Khanh	2	337/33 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP.HCM	3000						
990010000016	Nguyễn Thành Liêm	2	2/27/19/1 Đường Bến Phú, P.15, Q. Bình Thạnh	3000						
990010000019	Đỗ Văn Cảnh	2	47 Đường 3/2, P. An Phú, Quận 2, TP.HCM	3000						
990010000020	nguyễn thị chung	2	2	3000						
990010000024	Roberto Xavier	2	199 Đường Bến Phú, P. 15, Q. Bình Thạnh	3000						93223@supinfo.com
990010000031	David Lettsolve	2	2/2 Đường 59, Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM	3000						commodore.david@%
990010000047	Đặng Vũ Cường	2	Ninh Thuận	3000						
990010000048	Đỗ Văn Huy	2	Đường Bến Phú, P.15, Q. Bình Thạnh	3000						
990010000049	Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng PAP	2	437/62, Hương Lộ 2, P. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	3000						
990010000049	Nguyễn Bảo Vũ	2	07 Thanh Bé, p27, Q. BT	3000						
990010000048	Minh Tr	2	693/16/22 Bùi Hữu Nghĩa, P.22, Q. Bình Thạnh	3000						
990010000049	CONSTRUCT	2	2	3000						
990010000049	Khánh hàng cát nhân	2	2	3000						
990010000049	Khánh hàng Công ty	2	2	3000						
990010000049	Huân Văn Thảo	2	99/10 Phan Văn Hán, P.17, Q. Bình Thạnh	3000						
990010000045	Le Thị Sơn	2	31/48 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Q. Bình Thạnh	3000						

MS Sửa đổi tương										
Thông tin cơ bản		Thông tin mở rộng		<< F12-Chuyển đổi giữa các Page >>						
Mã đối tượng	NCC01001									
Tên đối tượng	Cty Than Vàng Danh									
Địa chỉ	QN									
Đại diện đối tác 1	Ông: Nguyễn Văn Anh									
Đại diện đối tác 2	Bà: Nguyễn Thị Hà									
Tên giao dịch	012341234									
Số tài khoản	Ngân hàng ĐT&PT									
Ngân hàng	Hà Nội									
Chi nhánh	Chi nhánh Thành Công									
Hạn thanh toán(Ngày)	20									
Hạn mức tín dụng Min	10 000 000									
Số điện thoại	0983358982									
Email	12345678									
Mã số thuế	NCC01									
Nhóm Đ.Tượng	2	0-Khách lẻ, 1-Cá nhân, 2-Đơn vị, tổ chức								
Loại đối tượng										
Nhân viên										
Loại bán hàng	B	B-Bán buôn, L-Bán lẻ, K-Khác								
Định chỉ giao dịch	1	1-Hoạt động, 0-Định chỉ giao dịch								
	<input checked="" type="checkbox"/> Chấp nhận									
	<input type="checkbox"/> Hủy bỏ									

# QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG

## Tổng quan:

Cập nhật, lưu trữ thông tin về khách hàng, về các hợp đồng mua, hợp đồng bán... trên một hệ thống mở; cho phép người dùng có thể tra cứu, tìm kiếm các thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng cũng như hỗ trợ công tác thống kê, phân tích, đánh giá một cách khoa học và hiệu quả.

## Những điểm chính:

### ♦ Quản lý hợp đồng:

- Mã hợp đồng, Số file lưu trữ, Ngày ký hợp đồng, Giá trị hợp đồng trước/sau thuế, Giá trị hoa hồng...
- Phụ lục hợp đồng, Chi tiết hàng hóa theo hợp đồng, Điều khoản thanh toán của hợp đồng...

Ngày lập	27/08/2016	Mã tài VND	1.00	Trạng thái	
Loại hợp đồng					
Bộ phận	2.0 - Tiềm năng	1.Hợp đồng mua, sản xuất hoặc khé ước vay (Đầu vào); 2.Hợp đồng bán (Đầu ra); 3.Xuất khẩu; 4.Phát hành báo cáo (kiểm toán).			
Mã hợp đồng	HD001	Số hợp đồng	MLS/2608001	Số file (Lưu hồ sơ)	101
Tên hợp đồng	Hợp đồng test 001				
TK theo dõi	1311	Phải thu của khách hàng (ngân hạn)		Sản phẩm, Công trình	
Mã đối tượng	KH001	Khách hàng test 001			
Nhân viên	NG00TBK	Trần Bá Kim Ngọc			
Giá trị HD N.tệ	100 000 000.00	Giá trị HD VND	100 000 000	Mã loại VAT	R10
Giá trị hoa hồng NT	12 000 000.00	Giá trị hoa hồng VND	12 000 000	Tiền thuế VAT N.Tệ	10 000 000.00
Giá trị còn lại	88 000 000.00	Giá trị còn lại VND	88 000 000	Mã loại VAT	R10
Lãi đầu kỳ Nt	0.00	Lãi đầu kỳ VND	0	Tiền thuế VAT VND	10 000 000
Ngày phê duyệt	25/08/2016	Ngày ký HĐ	27/08/2016	Ngày hiệu lực	27/08/2016
Ngày hết hạn (Vay)	/ /	Ngày cài đặt, đào tạo	/ /	Ngày lấy nghiệm thu	/ /
Ngày quá hạn (Vay)	/ /			Ngày thanh lý	/ /
<b>Thanh toán</b>					
Lần TT	Ghi chú	Giá trị thanh toán	Giá trị VND	Ngày hiệu lực	Hạn TT
L01	Sau khi ký hợp đồng	55 000 000.00	55 000 000	27/08/2016	5
L02	Sau khi cài đặt vào đào tạo	30 000 000.00	30 000 000	15/09/2016	5
L03	Sau khi nghiệm thu	25 000 000.00	25 000 000	30/11/2016	5
				Ngày phái TT	05/12/2016
					Giá trị TT còn lại
					55 000 000
					30 000 000
					25 000 000

Quản lý hợp đồng bao gồm các thông tin căn bản sẵn có và các thông tin mở rộng (định dạng kiểu ngày, kiểu ký tự và kiểu số) cho phép người dùng có thể tự định nghĩa bằng cách click đúp chuột để khai báo lại tiêu đề.

Thanh toán	Lỗi xuất/Năm	Phát sinh tăng/Phát sinh giảm	Phụ lục	Mở rộng 2	Mở rộng 3	Chi tiết đối tượng	Chứng thư I	Chi tiết dịch vụ, HH	Ghi chú
Lần TT	Ghi chú	Giá trị thanh toán	Giá trị VND	Ngày hiệu lực	Hạn TT	Ngày phái TT	Sáu tháng TT còn lại		
L01	Sau khi ký hợp đồng	5 000 000.00	5 000 000	07/03/2015	10	11/03/2015	5 000 000		
L02	Sau khi cài đặt vào đào tạo	3 000 000.00	3 000 000	10/03/2015	10	11/03/2015	3 000 000		
L03	Sau khi nghiệm thu	2 000 000.00	2 000 000	07/05/2015	10	11/05/2015	2 000 000		

Tab Thanh toán: Lưu từng điều khoản thanh toán Theo dõi tiến độ thực hiện thanh toán theo từng điều khoản của hợp đồng

Thanh toán	T/đối tác	Giao dịch	Khách hàng	Nhân viên thực hiện	Điện thoại	Số fax
Nh Hoang - Ban doc	/ /			0912078491		
Mã bàn	/ /			02413619177		
Em Quyên - Kế toán	/ /			02413619177		
Ch Danh - Kế toán	/ /			0968 212 013 - 0303 501 356		

Tab đối tác: Lưu thông tin về các đối tác liên quan đến hợp đồng.

Thanh toán	Lỗi xuất/Năm	Phát sinh tăng/Phát sinh giảm	Phụ lục	Mở rộng 2	Mở rộng 3	Chi tiết đối tượng	
Tên phụ lục							

Tab Phụ lục: Các thông tin trong phụ lục có thể khai báo bằng cách click đúp chuột vào tiêu đề của các thông tin.

Thanh toán	Lỗi xuất/Năm	Phát sinh tăng/Phát sinh giảm	Phụ lục	Mở rộng 2	Mở rộng 3	Chi tiết đối tượng	
K1001	Công ty Kiểm toán VNCO	Đường Láng - Hà Nội	0883589892	0000000			
NCC001001	Cty Than Vàng Dorh	QN	0883589892	12345678			
NCC000002	Công ty Cổ phần test 002	Hà Nội					

Phát sinh tăng/Phát sinh giảm	Phụ lục	Mở rộng 2	Mở rộng 3	Chi tiết đối tượng	
Dịch vụ	Tên dịch vụ	EVT	Ngày giao	Số lượng	Đơn giá
VTO001	Vật tư test 001	Mã	30/01/2015	100.000	100.000.00
VTO002	Vật tư test 002	Hộp	31/03/2015	50.000	200.000.00

Tab chi tiết đối tượng/Vật tư, HH: Lưu các đối tượng liên quan đến hợp đồng, thông tin vật tư HH của hợp đồng

- Theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng, Tiến độ thanh toán theo từng điều khoản của hợp đồng...

# QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG

## Những điểm nổi bật:

- Truy xuất thông tin quản lý hợp đồng một cách đa chiều thông qua các điều kiện lọc, gom nhóm theo nhiều tiêu chí như trạng thái, khách hàng, bộ phận, nhân viên thực hiện,... cùng các chỉ tiêu mở rộng khác do người dùng tự định nghĩa.
- Lưu các thông tin khác trên quản lý hợp đồng thông qua việc attach, download các file hình ảnh, tài liệu đính kèm.

The screenshot shows a search interface for contracts. The main grid displays contract details such as ID, date, status, and amount. A specific row is highlighted in green, showing a detailed breakdown of amounts (33,310,910, 1,100,000, 32,210,910) and a note about a transfer from Phu Xuyen to Hoa Khanh. Below the grid, a detailed view shows transaction history, partners (Giao dịch), and notes (Chú thích).

Truy xuất thông tin trên quản lý hợp đồng một cách đa chiều thông qua các điều kiện lọc, gom nhóm theo nhiều tiêu chí như trạng thái, khách hàng, bộ phận, nhân viên thực hiện, các loại ngày tháng...

This screenshot shows a more complex search interface. It includes a sidebar with various filter options like 'Tổng cộng' (Total), 'Hợp đồng vay 001', and 'Ngày hiệu lực'. The main grid shows a list of contracts with columns for ID, name, amount, and date. A specific row is highlighted in green, showing a breakdown of amounts (150,090,000, 60,000, 60,000,000, 240,000) and a note about a transfer from Phu Xuyen to Hoa Khanh. Below the grid, a detailed view shows transaction history, partners (Giao dịch), and notes (Chú thích).

Cho phép attach, download các file hình ảnh, tài liệu đính kèm hợp đồng

- Kết nối phân hệ quản lý công việc: Khai báo lịch làm việc chi tiết cho từng hợp đồng, bộ phận, nhân viên; thiết lập chế độ cảnh báo nhắc việc linh hoạt; lấy thông tin tự động từ phiếu công việc lưu thành giao dịch trên quản lý hợp đồng, làm cơ sở phân tích đánh giá năng suất, hiệu quả công việc của nhân viên.
- In báo cáo: Bảng kê theo dõi hợp đồng mua/bán, Sổ tống hợp đồng nợ phải thu/phải trả theo hợp đồng, Sổ tống hợp tài khoản theo hợp đồng, Báo cáo giá trị sản lượng thực hiện theo hợp đồng, Theo dõi thanh toán theo từng điều khoản hợp đồng,...

# QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG

Mã hợp đồng	Số hợp đồng	Số file [Hồ sơ]	Tên Hợp đồng	Giá trị ký kết	Giá trị hoa hồng	Giá trị còn lại (HD)	Giá trị đã T.Toán	Giá trị đòn bẩy T.Toán	Giá trị cọc phải	Giá trị đến hạn TT
			Tổng cộng	110 000 000	12 000 000	98 000 000			110 000 000	/
			(3.HDKY)Hợp đồng đã ký [1]	110 000 000	12 000 000	98 000 000			110 000 000	/
HD001	MLS/2608001	101	Hợp đồng test 001	110 000 000	12 000 000	98 000 000			110 000 000	/

Lịch làm việc

Type	1	Toàn bộ các sự kiện			
Nhân viên					
Bộ phận					
Hợp đồng	HD001-Hợp đồng test 001				
CN	T2 T3 T4 T5 T6 T7	CN T2 T3 T4 T5 T6 T7	CN T2 T3 T4 T5 T6 T7	CN T2 T3 T4 T5 T6 T7	CN T2 T3 T4 T5 T6 T7
1	1 2	1 2 3 4 5 6	1 2 3 4 5	1 2	1 2 3 4 5 6 7
2	3 4 5 6 7 8 9	7 8 9 10 11 12 13	6 7 8 9 10 11 12	3 4 5 6 7 8 9	8 9 10 11 12 13 14
3	10 11 12 13 14 15 16	14 15 16 17 18 19 20	13 14 15 16 17 18 19	10 11 12 13 14 15 16	15 16 17 18 19 20 21
4	17 18 19 20 21 22 23	21 22 23 24 25 26 27	20 21 22 23 24 25 26	17 18 19 20 21 22 23	22 23 24 25 26 27 28
5	24 25 26 27 28 29 30	28 29	27 28 29 30 31	24 25 26 27 28 29 30	29 30 31
6	31	1	2	3	4
7	toàn	T2 đòn bẩy	Giao dịch	ABC	Tên

Kết quả:

- Tạo nhận hợp đồng
- Khảo sát chi tiết
- Cập nhật trạng thái
- Đáo hạn trả khách hàng
- Làm việc tại Công ty
- Làm việc tại Khách hàng

[MeliaSoft] Schedule of the New

Khai báo lịch làm việc chi tiết cho từng hợp đồng, bộ phận, nhân viên; thiết lập chế độ cảnh báo nhắc việc linh hoạt

Chọn	Mã hợp đồng	Số hợp đồng [Hồ sơ]	Tên Hợp đồng	Giá trị ký kết	Giá trị hoa hồng	Giá trị còn lại (HD)
			Tổng cộng [1]	4 300 000	4 300 000	4 300 000
	010104/2016	010104/2016	[HOANTHANH]-Đã hoàn thành [1]	4 300 000	4 300 000	4 300 000
			Ông Nguyễn Đức Mạnh	4 300 000	4 300 000	4 300 000

Thanh toán | TT đổi lắc | Giao dịch | Phụ lục | Mở rộng | Chứng thư I | Công tác viên | Chi phí | Chi tiết dịch vụ, HH | Ghi chú

0-Tất cả các bộ phận

Nội dung/Description: Soạn thảo hợp đồng

Ngày lập	Tiêu đề	Người thực hiện	Thời gian (h)	Người giao	Nhóm
27/08/2016	Soạn thảo hợp đồng	NGUYETPT	1.50 Phạm Thị Minh Nguyệt	2	20.50
27/08/2016	Đánh phán khách hàng	NGUYETPT	2.50 Phạm Thị Minh Nguyệt	2	
28/08/2016	Nhận việc nghiên cứu hồ sơ	DUNGNT	1.00 Nguyễn Trung Dũng	2	
28/08/2016	Gọi điện cho KH	DUNGNT	1.50 Nguyễn Trung Dũng	2	
28/08/2016	Thương thảo hợp đồng	DUNGNT	1.50 Nguyễn Trung Dũng	2	
31/08/2016	Lên bảng kết quả sơ bộ	HUNGVD	6.00 Vũ Duy Hưng	3	
31/08/2016	Lên báo cáo tham vấn	HTHAI	3.50 Nguyễn Hồng Thái	3	
31/08/2016	Gửi Scan chứng thư cho khách hàng	HTHAI	1.00 Nguyễn Hồng Thái	3	
31/08/2016	Phát hành chứng thư	HTHAI	2.00 Nguyễn Hồng Thái	3	

Thời gian/Time: 8h00-9h30  
Tổng thời gian/Total time: 1.500 h

Các giao dịch công việc của nhân viên gắn với từng hợp đồng là cơ sở để đánh giá hiệu quả công việc, hiệu quả hợp đồng.

**MeliaSoft®**  
ERP của người Việt

## THEO DÕI HỢP ĐỒNG BÁN

Đến ngày: 31/08/2016

Chứng từ	Nội dung	Đvt	Số trên HDĐong		Đã thực hiện		Còn lại chưa thực hiện
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
	Hợp đồng test 001		840,000	110.000.000	840,000	110.000.000	
HD001	Vật tư test 001	Hộp	290,000	29.000.000	290,000	29.000.000	
HD001	Vật tư test 002	Hộp	50,000	6.000.000	50,000	6.000.000	
HD001	Vật tư test 003	Met	500,000	75.000.000	500,000	75.000.000	
HD002	Hợp đồng test 002		460,000	55.000.000			460,000
HD002	Vật tư test 001	Hộp	100,000	10.000.000			100,000
HD002	Vật tư test 002	Hộp	200,000	24.000.000			200,000
HD002	Vật tư test 003	Met	100,000	15.000.000			100,000
HD002	Vật tư test 004	M3	60,000	6.000.000			60,000
ZZZZ	Tổng cộng		1.300,000	165.000.000	840,000	110.000.000	460,000

Ngày ... tháng ... năm ...

Báo cáo theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng mua/bán

**MeliaSoft®**  
ERP của người Việt

## THEO DÕI THANH TOÁN THEO TỪNG ĐIỀU KHOẢN HĐĐONG

Đến ngày: 31/08/2016

Mã	Nội dung	Ngày ký hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	Giá trị hợp đồng	Giá trị phả T.Tuần	Giá trị đòn bẩy T.Tuần	Giá trị còn phải TT	Số ngày quá hạn
1311	Phải thu của khách hàng (ngắn hạn)	//				165.000.000	95.000.000	70.000.000	
KH001	Khách hàng test 001 -	//					110.000.000	70.000.000	40.000.000
HD001	Hợp đồng test 001	27/08/201				100.000.000	110.000.000	70.000.000	40.000.000
L01	Sau khi kí hợp đồng	27/08/201	27/08/201	01/09/201		55.000.000	55.000.000		
L02	Sau khi cài đặt vào đào tạo xong	27/08/201	15/09/201	20/09/201		30.000.000	15.000.000		
L03	Sau khi nghiệm thu	27/08/201	30/11/201	05/12/201		25.000.000		25.000.000	
KHA02	Khách hàng A02	//				55.000.000	25.000.000	30.000.000	
HD002	Hợp đồng test 002	27/08/201				50.000.000	55.000.000	25.000.000	30.000.000
L01	Sau khi kí hợp đồng	27/08/201	27/08/201	01/09/201		25.000.000		25.000.000	
L02	Sau khi cài đặt vào đào tạo xong	27/08/201	05/09/201	10/09/201		15.000.000		15.000.000	
L03	Sau khi nghiệm thu	27/08/201	15/09/201	20/09/201		15.000.000		15.000.000	
<TOTAL>	Tổng cộng/Total	//				165.000.000	95.000.000	70.000.000	

Ngày ... tháng ... năm ...

Báo cáo theo dõi thanh toán theo từng điều khoản hợp đồng

# QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LUƠNG

## Tổng quan:

Phân hệ quản lý nhân sự - tiền lương hỗ trợ các công việc như tuyển dụng, đào tạo, theo dõi quá trình công tác, đánh giá nhân sự... đồng thời tính toán chi tiết các khoản lương, thưởng, bảo hiểm, thuế thu nhập cho từng cá nhân, cung cấp thông tin hữu ích giúp người quản trị có cái nhìn tổng thể về tình hình nhân sự cũng như đánh giá chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

## Những điểm chính:



# QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LUƠNG

## Những điểm chính:

### ◆ Quản lý tuyển dụng

- Lập kế hoạch tuyển dụng gồm các thông tin về nhu cầu tuyển dụng, thời gian, bộ phận yêu cầu, vị trí, số lượng cần tuyển...
- Quản lý thông tin các ứng viên: sơ yếu lý lịch, quá trình học tập công tác, kỹ năng kinh nghiệm...
- Lập lịch thi tuyển, phỏng vấn các ứng viên chi tiết theo từng vị trí tuyển dụng, từng vòng thi tuyển...
- Lưu kết quả thi tuyển, cập nhật trạng thái các hồ sơ trúng tuyển, các hồ sơ hủy, loại hoặc có thể sử dụng khi cần tuyển gấp..
- Tự động cập nhật toàn bộ thông tin ứng viên sang thông tin nhân viên mới với những hồ sơ trúng tuyển.
- Báo cáo thống kê, phân tích tình hình tuyển dụng (số lượng hồ sơ ứng viên, số lượng đạt, số lượng ứng tuyển theo vị trí...).

**Meliasoft**

**PHIẾU ĐỀ XUẤT TUYỂN DỤNG**  
Ngày: 18/07/2016

Tên đơn vị, khoa phòng: Phòng tài chính kế toán
Vị trí cần tuyển
1. Vị trí cần tuyển dụng: Kế toán tổng hợp
2. Số lượng người cần tuyển dụng: 1
3. Lý do cần tuyển dụng: Bổ sung - Mở rộng hoạt động
4. Dự kiến thời gian cần tuyển dụng xong nhân sự: 25/07/2016
5. Mô tả vị trí làm việc:

Hà Nội, Ngày ... tháng ... năm ...

Tổng giám đốc Trưởng phòng nhân sự Trưởng phòng đề xuất

**Ghi chú:** Khi bô phòm có nhu cầu về nhân sự, trưởng bộ phòn viết cõi thông tin vào phiếu này rõ

**Kế hoạch tuyển dụng** | **Tuyển dụng** | **Quá trình học tập** | **Quá trình công tác** | **Khen thưởng/Kỷ luật** | **Chế độ/Tiện ích** | **Chế độ Bảo hiểm/Sức khỏe**

[NGÀY] - Ngày giao dịch	Tên nhân viên	Chọn Mã tuyển dụng	Khoa/Phòng	Số người cần tuyển	Lý do tuyển dụng	Mô tả vị trí
/ / Nhóm theo [Hành chính - Văn thư]						
01/07/2016 ThS. Nguyễn Phương Anh	TD15008	HONS	1	Thay thế	Quản lý hồ sơ, giấy tờ	
/ / Nhóm theo [Kế toán tổng hợp]						
18/07/2016 PTP.CN. Nguyễn Ngọc Lân	TD15009	TCKT	1	Bổ sung - Mở rộng I Thu tiền tại BV, hộ trợ		
/ / Nhóm theo [Nhân viên bán hàng]						
19/07/2016 GD. Nguyễn Duy Hùng	TD15010	BANHANG	10	Mở rộng chi nhánh Tư vấn khách hàng		
25/07/2016 GD. Nguyễn Duy Hùng	TD15011	BANHANG	5	Mở rộng chi nhánh Tư vấn khách hàng		

**Meliasoft**

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN**  
Tháng 8 năm 2016

Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số đt	Trình độ	Xếp loại EN	Tiêu trường	Kinh Nghiệm	Địa chỉ	Email
Hoàng Thị Việt	01/06/1990	Nữ	0356 - 4545	Cử nhân	Giỏi	Học viện ngân hàng	Cử nhân ngành	0912033450	
Nguyễn Thị Kim Thu	15/06/1990	Nữ	0356 - 5045	Cử nhân	Khá	Đại học mkt	Kết thúc doanh nghiệp 1 năm	0969027452	
Nguyễn Thị Kim Anh	27/10/1990	Nữ	0356 - 4345	Cử nhân	Khá	Đại học văn hóa	Văn thư doanh nghiệp tư nhân	anthien123@gmail.com	
Đinh Thị Hà	12/10/1993	Nữ	0356 - 3045	Cử nhân	Khá	Đại học mkt	Kết thúc văn phòng 6 tháng	hantu23@gmail.com	

Người lập biểu

Trưởng phòng HONS

**Meliasoft**

**TỔNG KẾT ĐIỂM THI**  
Tháng 8 năm 2016

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Giờ	Trình độ	Chuyên ngành	Tên phòng	Điểm chuyên môn	Điểm tổng kết	Điểm thi	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Thu	09/06/1990	Nữ	Đại học	Kết thúc	HVTC		9,00	9,00	9,00	
2	Trịnh Thị Hà	28/02/1993	Nữ	Đại học	Kết thúc	HVTC		9,00	9,00	9,00	
3	Hoàng Thị Việt	01/06/1990	Nữ	Đại học	Phân tích	HVNH		8,00	7,00	6,00	
4	Nguyễn Thị Kim Anh	01/03/1993	Nữ	Đại học	Kết thúc	HVTC		8,00	8,00	7,00	

Người phòng viên

Người duyệt

Ngày ... tháng ... năm ...  
Trường bộ phận

**Meliasoft**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU TUYỂN DỤNG**  
Tháng 8 năm 2016

VỊ TRÍ	SỐ HỒ SƠ NHÂN			SỐ LUÔT PHÒNG VĂN	SỐ ỨNG VIÊN TRUNG TUYỂN
	Số lượng	Nam	Nữ		
Hành chính	2	0	2	2	0
Nhân viên bán hàng	1	0	1	1	1
Thu ngân	1	0	1	1	1
Tổng số	4	0	4	4	2

Ngày ... tháng ... năm ...  
Trưởng phòng HONS

Người lập biểu

**Meliasoft**

**DANH SÁCH NHÂN VIÊN MỚI**  
Tháng 8 năm 2016

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ	Hỗn chia thương vụ	Điểm thoại	Vị trí	Lô trình làm việc
1	Nguyễn Thị Việt	01/06/1990	Đại học	Thành Phố. Hà Nội	01053 185 430	Nhân viên bán hàng	3 tháng
2	Nguyễn Thị Kim Thu	09/06/1990	Đại học	Đại học	09797 185 430	Thực tập sinh	3 tháng
3	Nguyễn Thị Kim Anh	01/03/1993	Đại học	Đóng Trang - Thủ Đức	01681 191 555	Thực tập sinh	3 tháng

TRẠM NHẬM CÁC KHOA, PHÒNG

1 Phòng Nhân sự	- Phù hợp quy định nội bộ của Công ty - Lập văn bản - Cung cấp các Khoa / Phòng - KY kết hợp đồng
2 K-P Cộng tác	- Giao tiếp với các Khoa / Phòng - Hỗ trợ nhân viên mới nhập công ty - Thực hiện quản lý nhân viên - Thực hiện các công việc liên quan đến nhân viên mới trong quá trình thử hành và thực hiện thông báo về PNS (Thường bao bằng email qua địa chỉ: nhanvien@meliasoft.com)
3 Phòng Hành chính	- Chăm sóc, cung cấp trang phục, trang thiết bị cần thiết khi có đợt xuất

Ngày ... tháng ... năm ...  
Phòng Nhân sự

Quy trình tuyển dụng được thực hiện đầy đủ trên phần mềm với nhiều chỉ tiêu quản lý thích hợp cho đặc thù của từng đơn vị

Phiếu đề xuất tuyển dụng được thực hiện và in trên phần mềm đưa ra thông tin về nhu cầu tuyển dụng, bộ phận yêu cầu, thời gian, vị trí, số lượng cần tuyển ...

# QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

## ♦ Quản lý đào tạo

- Lập kế hoạch đào tạo bao gồm các thông tin: nhu cầu đào tạo, nội dung, hình thức, đơn vị đào tạo, chi phí đào tạo phát sinh...
- Theo dõi quản lý chi tiết các khóa đào tạo, đổi chiếu trạng thái, kết quả đào tạo với kế hoạch... Tự động cập nhật thông tin về quá trình và kết quả đào tạo vào hồ sơ nhân viên.
- Báo cáo thống kê đào tạo: Số lượng nhân viên tham gia từng khóa, Số lượng đạt, số lượng không đạt khi kết thúc khóa đào tạo...

Meliadsoft PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐÀO TẠO Ngày: 11/03/2016											
Tên đơn vị, khoa phòng: Phòng tài chính kế toán Yêu cầu cụ thể:											
1. Nội dung cần đào tạo: Kỹ năng quản lý và thu hồi công nợ 2. Số lượng người cần đào tạo hoặc cử đi đào tạo: 1 3. Lý do cần đào tạo: 4. Dự kiến thời gian cần tuyển dụng xong nhân sự: 20/05/2016 5. Chi phí đào tạo dự kiến: 1.000.000 6. Đề cử danh sách người cần đào tạo:											
Meliadsoft DANH SÁCH ĐÀO TẠO Tháng 6 năm 2016											
TT	Họ và tên	Giới tính	Vị trí công tác	Loại hình đào	Nội bộ	Nhân viên	Ngày	Tổng thời gian đào tạo (ngày)	Tổng kinh phí đào tạo	Tiền hỗ trợ	Cam kết
1	KTV. Cấn Văn Trọng	Nam	Nhân viên								
7. Thời gian đánh giá hiệu lực sau đào tạo: / /											
Hà Nội, Ngày: ... tháng: ... năm: ...											
Trưởng: ...											
Ban Giám đốc Phòng Nhân sự											
Người lập biểu: ...											
Trưởng phòng HCNS: ...											
1	CNCĐ. Nguyễn Văn Long	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	15/06/2016	5	500.000	500.000	Dâk		
2	LX. Ngô Văn Duy	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	14/06/2016	4	400.000	400.000	Dâk		
3	BV. Vũ Minh Tiến	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Dâk		
4	LX. Lê Xuân Thành	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Dâk		
5	KTV. Đào Quang Huy	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	/ /				Dâk		
6	LX. Nguyễn Văn Hiệp	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	15/06/2016	5	500.000	500.000	Dâk		
7	BV. Đỗ Văn Tiến	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	/ /				Dâk		
8	PP. KS. Lê Văn Văn	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Dâk		
9	BV. Tạ Bá Diện	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	20/06/2016	10	1.000.000	700.000	Dâk		
10	CNCĐ. Bùa Quang Vũ	Bên ngoài	kỹ năng bảo vệ	10/06/2016	15/06/2016	5	500.000	500.000	Dâk		

Meliadsoft SỔ THEO ĐỘI NHÂN VIÊN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG				
Tháng 4 năm 2016				
Số	Họ và tên	Lý do khen thưởng	Hình thức	Ngày có hiệu lực
Phòng Tổ chức	CN. Trần Thị Lan Anh	Lao động xuất sắc quý	Tiền mặt	02/04/2015
Phòng công nghệ thông tin	CNCĐ. Nguyễn Văn Hiện	Lao động xuất sắc quý	Tiền mặt	02/04/2015
Phòng Kinh doanh	DDV. Dương Thị Thúy	Lao động xuất sắc quý	Tiền mặt	02/04/2015
	DDV. Đoàn Văn Tuyển	Lao động xuất sắc quý	Tiền mặt	02/04/2015

Hà Nội, Ngày: ... tháng: ... năm: ...

Meliadsoft SỔ THEO ĐỘI NHÂN VIÊN BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT						
Từ ngày 10/03/2016 đến ngày 20/03/2016						
Số	Họ và tên	Hành vi phạm	Hình thức kỷ luật	Có Võng	Ngày có hiệu lực	Ngày bị xử lý
Phòng khai thác	DDV. Trịnh Văn Hợp	Nguyên công ty	Lập BB		20/03/2015	/ /
Phòng kinh	DDV. Trần Thị Thu Hường	Khách hàng phản ánh	Hiệu suất lao động		16/03/2015	/ /
Phòng Kinh doanh	Sai sót chuyên môn	Hiệu suất lao động	x		16/03/2015	/ /
	CNCĐ. Nguyễn Thị Cảnh	Sai sót chuyên môn	Hiệu suất lao động	x	18/03/2015	30/04/2015

Hà Nội, Ngày: ... tháng: ... năm: ...

Meliadsoft BẢNG TỔNG HỢP THEO ĐỘI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC						
Tính đến Tháng 1 năm 2016						
Họ và tên	Ngày sinh	Ngày vào công ty	Bộ phận làm việc	Vị trí làm việc	Các loại HD đã ký	Thời限
Ban giám đốc						
Trần Bá Kim Ngọc	04/05/1977	15/09/1999	Ban giám đốc	Phó Giám đốc	Chính thức 12 tháng	16 năm - 11 tháng
Trần Bá Kim Ngọc	04/05/1977	15/09/1999	Ban giám đốc	Phó Giám đốc	Không xác định thời hạn	16 năm - 11 tháng
Trần Bá Kim Ngọc	04/05/1977	15/09/1999	Ban giám đốc	Phó Giám đốc	Không xác định thời hạn	16 năm - 11 tháng
Phòng tài chính kế toán						
Nguyễn Văn Phúc	24/03/1974	06/01/1999	Phòng TCKT	Trưởng ban	Không xác định thời hạn	20 năm - 5 tháng
Nguyễn Văn Phúc	24/03/1974	06/01/1999	Phòng TCKT	Trưởng ban	Không xác định thời hạn	8 năm - 5 tháng
KT. Cấn Văn Trọng	20/12/1986	05/02/2008	Phòng TCKT	Nhân viên		3 tháng
DT. Phạm Thị Phúc	01/03/1987	01/10/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Chính thức:	5 năm - 10 tháng
DT. Phạm Thị Phúc	01/03/1987	01/10/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Chính thức:	5 năm - 10 tháng
DT. Phạm Thị Phúc	01/03/1987	01/10/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Thời hạn 06 tháng	5 năm - 10 tháng
CNCĐ. Nguyễn Văn Binh	01/12/1985	10/03/2010	Phòng TCKT	Nhân viên	Không xác định thời hạn	6 năm - 5 tháng

Hà Nội, Ngày: ... tháng: ... năm: ...

## ♦ Quản lý quá trình công tác

- Cập nhật hồ sơ nhân viên: Sơ yếu lý lịch, học vấn, kinh nghiệm..
- Theo dõi hợp đồng lao động cho từng nhân viên: hợp đồng thử việc, chính thức, hợp đồng theo kỳ hạn ...
- Cập nhật các thông tin thay đổi trong quá trình làm việc: Luân chuyển bộ phận đơn vị, khen thưởng kỷ luật, đánh giá hàng kỳ...
- Báo cáo thống kê, tổng hợp nhân sự theo các tiêu thức tùy chọn (bộ phận, giới tính, độ tuổi, hợp đồng, ...), phân tích đánh giá xếp hạng nhân viên theo nhiều chỉ tiêu khác nhau.

Các khóa đào tạo được theo dõi từ khâu lập kế hoạch đến quá trình thực hiện, kết quả đào tạo. Đây là cơ sở cho các báo cáo đánh giá về chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

# QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

## ♦ Quản lý tiền lương

- Khai báo linh hoạt kỳ tính lương, giờ tính lương, ngày nghỉ lễ, nghỉ phép...
- Tự động lấy dữ liệu từ máy chấm công, hoặc chấm công trên phần mềm, cho phép điều chỉnh dữ liệu chấm công.
- Áp dụng đa dạng các hình thức tính lương: lương theo sản phẩm, theo giờ công,... dữ liệu có thể kế thừa từ các phần hành kê toán và quản lý khác.
- Khai báo linh hoạt, mềm dẻo các tham số lương và công thức tính phù hợp với cơ chế lương của từng đơn vị.
- Tính lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm, thuế thu nhập cho từng nhân viên và tự động hạch toán các khoản đó theo từng bộ phận, nhân viên ứng với khoản mục phí khác nhau.
- Báo cáo lương: Bảng lương tổng hợp, chi tiết, bảng quyết toán lương sản phẩm, bảng thanh toán lương chuyển qua ngân hàng, thông báo lương qua mail, bảng kê thuế TNCN, tờ khai thuế TNCN...

Tháng (E)   19-cố định													
Tần khai và Khoản phụ cấp:		1. Các khoản tiền lương		2. Thanh toán lương và BHYT		3. Lương cố định		Phụ cấp tiền và Phu cấp ẩn		Tính lương		Các khoản trừ	
Ma	Tên	Lương	Giờ	Còn lại	Phụ	Tháng	Trả	Phụ	Thứ	Thời gian	Thời gian	Nghỉ	%
00.00	Bộ phận ban giám đốc	7.959.680	5.000.000	12.959.680	280.000	280.000	13.159.680	440.000	10.544.680	0.691.680	100		
00.01	Người Trưởng ban	5.000.000	3.000.000	8.000.000	160.000	160.000	8.160.000	440.000	7.720.000	0.440.000	100		
00.02	Bộ phận kiểm tra và	18.944.128	14.115.500	33.029.628	1.457.000	3.300.000	5.043.500	38.103.188	440.000	31.111.188			
01.01	Người Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.02	Phòng Tài chính	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.03	Người Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.04	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.05	Phòng Hr	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.06	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.07	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.08	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.09	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.10	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.11	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.12	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.13	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.14	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.15	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.16	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.17	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.18	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.19	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.20	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.21	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.22	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.23	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.24	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.25	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.26	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.27	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.28	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.29	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.30	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.31	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.32	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.33	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.34	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.35	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.36	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.37	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.38	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.39	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.40	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.41	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.42	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.43	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.44	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.45	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.46	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.47	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.48	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.49	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.50	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.51	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.52	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.53	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.54	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.55	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.56	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.57	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.58	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.59	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.60	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.61	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.62	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.63	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.64	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.65	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.66	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.67	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.68	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.69	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.70	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.71	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.72	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.73	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.74	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.75	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.76	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.77	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.78	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.79	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.80	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.81	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.82	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0		
01.83	Hỗ trợ kinh doanh	9.000.000	6.000.000	15.000.000	0								

# QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

MS Quan ly giao dich nhan vien: F2-Them moi, F3-Sua thong tin, F8-Xoa dong, F11-Chuyen sang ban TH, Spacebar-Chon/Bo chon, Ctrl+A-Chon het, Ctrl+I... Bao cao ten 001

Tuyển dụng Quá trình đào tạo Alt-Toàn bộ [CH05] - Nhóm theo Nội dung All-Toàn bộ [Ma\_CBNv] - Sắp xếp theo Mã nhân viên Giảm dần Mã nhân viên Tên nhân viên Khoa/Phòng Ngày bắt đầu Nội dung Loại hình đào tạo Cán bộ phụ trách Thời gian DT Hỗ trợ kinh phí Ngày cấp chứng chỉ

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Khoa/Phòng	Ngày bắt đầu	Nội dung	Loại hình đào tạo	Cán bộ phụ trách	Thời gian DT	Hỗ trợ kinh phí	Ngày cấp chứng chỉ
Nhóm theo [Kỹ năng triển khai]									
HATT	Trịnh Thị Hà	2KT	01/07/2016	Kỹ năng triển khai	Tại Công ty	Trần Bá Kim Ngọc	1 ngày	500 000	03/07/2016
THANGTTT	Trần Thị Thu Thắng	2KT	01/07/2016	Kỹ năng triển khai	Tại Công ty	Trần Bá Kim Ngọc	1 ngày	500 000	03/07/2016
Nhóm theo [Nội quy công ty]									
ANHNTK	Nguyễn Kiều Anh	2KT	01/07/2016	Nội quy công ty	Tại Công ty	Nguyễn Thị Ken Thu	0,5 ngày		
NGANDTT	Đinh Thị Thúy Ngân	2KT	01/07/2016	Nội quy công ty	Tại Công ty	Nguyễn Thị Ken Thu	0,5 ngày		
VIEHTHT	Hoàng Thị Việt	2KT	05/07/2016	Nội quy công ty	Tại Công ty	Nguyễn Thị Ken Thu	0,5 ngày		
Nhóm theo [Quy trình ERP]									
ANHNK	Nguyễn Kiều Anh	2KT	05/07/2016	Quy trình ERP	Tại Công ty	Trần Thị Thu Thắng	10 ngày		
HATT	Trịnh Thị Hà	2KT	05/07/2016	Quy trình ERP	Tại Công ty	Trần Thị Thu Thắng	10 ngày		
NGANDTT	Đinh Thị Thúy Ngân	2KT	05/07/2016	Quy trình ERP	Tại Công ty	Trần Thị Thu Thắng	10 ngày		
Khai báo cọc: Ctrl+A-Chon het, Ctrl+U-Bỏ chon het, Esc-Quay ra									
Bảng [Lc_Name] [L_Col_Name]	Mã cột	Tên cột [Col_Desc]	Ẩn/hiển	Kiểu tương số	Thứ tự cột	Độ rộng cột	Trường biến kết	Copy khu	Giữ tu chon
DmCnvC001	Open_Ma_CBNv	[Ma_CBNv]	<input checked="" type="checkbox"/>	Ma_CBNv	003	94			
DmCnvC001	Open_KhoaPhong	[Khoa/Phòng]	<input checked="" type="checkbox"/>	Khoa/Phòng	008	104	PTen		
DmCnvC002	Open_Ngao2	[Ngày bắt đầu]	<input checked="" type="checkbox"/>	Ngày bắt đầu	010	76	77_M_DmCnv_Ma_Bp		
DmCnvC002	Open_Ngao5	[Nội dung]	<input checked="" type="checkbox"/>	Nội dung	011	125			
DmCnvC002	Open_Ngao4	[Loại hình đào tạo]	<input checked="" type="checkbox"/>	Loại hình đào tạo	012	55			
DmCnvC002	Open_Ngao3	[Cán bộ phụ trách]	<input checked="" type="checkbox"/>	Cán bộ phụ trách	018	106			
DmCnvC002	Open_Ngao1	[Thời gian DT]	<input checked="" type="checkbox"/>	Thời gian DT	019	88			
DmCnvC002	Open_Ngao6	[Hỗ trợ kinh phí]	<input checked="" type="checkbox"/>	Hỗ trợ kinh phí	020	25			
DmCnvC002	Open_Ngao4	[Ngày cấp chứng chỉ]	<input checked="" type="checkbox"/>	Ngày cấp chứng chỉ	041	79			
DmCnvC002	Open_So3	[Kinh phí đào tạo]	<input checked="" type="checkbox"/>	Kinh phí đào tạo	PTen	60			
DmCnvC002	Open_So4	[Địa điểm đào tạo]	<input checked="" type="checkbox"/>	Địa điểm đào tạo	PTen	60			
DmCnvC002	Open_So5	[Khu vực phát sinh]	<input checked="" type="checkbox"/>	Khu vực phát sinh	PTen	60			
DmCnvC002	Open_So6	[PSS_Luong]	<input checked="" type="checkbox"/>	PSS_Luong	PTen	60			
DmCnvC002	Open_So7	[PSL_Luong]	<input checked="" type="checkbox"/>	PSL_Luong	PTen	60			
DmCnvC002	Open_So8	[PSO_Luong]	<input checked="" type="checkbox"/>	PSO_Luong	PTen	60			
DmCnvC002	Open_So9	[PSL_Thue]	<input checked="" type="checkbox"/>	PSL_Thue	PTen	60			
DmCnvC002	Open_Ngao3	[Ngày kết thúc]	<input checked="" type="checkbox"/>	Ngày kết thúc	PTen	60			
DmCnvC002	Open_Ngao6		<input checked="" type="checkbox"/>		PTen	60			

Các thông tin quản lý nhân sự trên phần mềm đều có tính mở, cho phép người dùng có thể tùy chỉnh dễ dàng theo đặc thù quản lý của doanh nghiệp.

- Khai báo bảng lương khác nhau cho từng đơn vị chi nhánh, cho phép copy khai báo giữa các đơn vị.
- Cho phép tạo bảng lương mới từ bảng lương tháng trước, sau đó điều chỉnh hợp lý với tình hình thực tế tháng này.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

## Những điểm nổi bật:

- Cho phép tra cứu, tìm kiếm thông tin nhân viên một cách dễ dàng, nhanh chóng.
- Thiết lập cảnh báo đa dạng và linh hoạt: Cảnh báo nhân viên có sinh nhật trong tháng, nhân viên sắp hết hạn hợp đồng lao động, nhân viên có xếp hạng thấp trong nhiều kỳ...
- Lưu các thông tin khác trong phân hệ quản lý nhân sự tiền lương thông qua việc attach, download các file tài liệu, hình ảnh đính kèm.

MS Thực thi các câu lệnh: F2-Them moi, F3-Sua thong tin, F8-Xoa dong, Esc-Thoat Ctrl+S

Toàn bộ

Quản lý nhân sự

Cảnh báo các khóa đào tạo kết thúc trong tháng  
Cảnh báo nhân viên có xếp hạng thấp trong nhiều kỳ!  
Cảnh báo nhân viên sắp hết hạn hợp đồng!

Danh sách nhân viên có sinh nhật trong tháng

Danh sach nhan vien co sinh nhat trong thang: F7-In, Esc-Quay ra

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Bộ phận	Chức vụ	Ngày sinh
NGOTBK	Trần Bá Kim Ngọc	Ban giám đốc	Giám đốc	26/08/1982
LINHHT	Trần Thế Linh	Ban giám đốc	Phó giám đốc	15/08/1985
NGANDTT	Đinh Thị Thúy Ngân	Phòng kỹ thuật	Nhân viên	28/08/1988
ANHNK	Nguyễn Kiều Anh	Phòng kỹ thuật	Nhân viên	01/08/1993

SQL Fox Thực hiện

Thiết lập các cảnh báo đa dạng, linh hoạt với nhiều chế độ nhắc nhở như khi chạy báo cáo, khi đăng nhập phần mềm hay trực tiếp qua mail...

# QUẢN LÝ NHÂN SỰ - TIỀN LƯƠNG

## Những điểm nổi bật:

- Cho phép tra cứu, tìm kiếm thông tin nhân viên một cách dễ dàng, nhanh chóng.
- Thiết lập cảnh báo đa dạng và linh hoạt: Cảnh báo nhân viên có sinh nhật trong tháng, nhân viên sắp hết hạn hợp đồng lao động, nhân viên có xếp hạng thấp trong nhiều kỳ liên tiếp...
- Lưu các thông tin khác trong phân hệ quản lý nhân sự tiền lương thông qua việc attach, download các file tài liệu, hình ảnh đính kèm.
- Khai báo bảng lương khác nhau cho từng đơn vị chi nhánh, cho phép copy khai báo giữa các đơn vị.
- Cho phép tạo bảng lương mới từ bảng lương tháng trước, sau đó điều chỉnh hợp lý với tình hình thực tế tháng này.
- Mở rộng các danh mục, các tiện ích, cảnh báo và báo cáo theo đặc thù từng doanh nghiệp.

Quản lý giao dịch nhân viên: F2-Them moi, F3-Sua thong tin, F8-Xoa dong, F11-Chuyen sang ban TH, Spacebar-Chon/Bo chon, Ctrl+A-Chon het, Ctrl+I

Báo cáo test 001

Sắp xếp theo Mã nhân viên

Ghi chú

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Khoa/Phòng	Ngày bắt đầu	Nội dung	Loại hình đào tạo	Cán bộ phụ trách	Thời gian BT	Hỗ trợ kinh phí	Ngày cấp chứng chỉ
<b>Nhóm theo [Kỹ năng triển khai]</b>									
HATT	Tịnh Thị Hà	2KT	01/07/2016	Kỹ năng triển khai	Tại Công ty	Trần Bá Kim Ngọc	1 ngày	500.000	03/07/2016
THANGTTT	Trần Thị Thủ Thắng	2KT	01/07/2016	Kỹ năng triển khai	Tại Công ty	Trần Bá Kim Ngọc	1 ngày	500.000	03/07/2016
<b>Nhóm theo [Nội quy công ty]</b>									
ANHNNK	Nguyễn Kiều Anh	2KT	01/07/2016	Nội quy công ty	Tại Công ty	Nguyễn Thị Kim Thu	0.5 ngày	/ /	/ /
NGANDTT	Đinh Thị Thúy Ngân	2KT	01/07/2016	Nội quy công ty	Tại Công ty	Nguyễn Thị Kim Thu	0.5 ngày	/ /	/ /
VIETHHT	Hoàng Thị Việt	2KT	01/07/2016	Nội quy công ty	Tại Công ty	Nguyễn Thị Kim Thu	0.5 ngày	/ /	/ /
<b>Nhóm theo [Duy trình ERP]</b>									
ANHNNK	Nguyễn Kiều Anh	2KT	05/07/2016	Duy trình ERP	Tại Công ty	Trần Thị Thủ Thắng	10 ngày	/ /	/ /
HATT	Tịnh Thị Hà	2KT	05/07/2016	Duy trình ERP	Tại Công ty	Trần Thị Thủ Thắng	10 ngày	/ /	/ /
NGANDTT	Đinh Thị Thúy Ngân	2KT	05/07/2016	Duy trình ERP	Tại Công ty	Trần Thị Thủ Thắng	10 ngày	/ /	/ /
<b>Khai báo cot: Ctrl+A-Chon het, Ctrl+U-Bo chon het, Esc-Quay ra</b>									
<b>Bảng (File_Name) [Col_Name] [L_Col_Name] Tên cột [Col_Desc] [L_Visible] Kích thước so với cột [Col_Width] Độ rộng cột [Col_Indent] Độ rộng cột [Col_Value] Tự động kết [Col_AutoFit] Copy khi [Col_Copy] Giữ lại [Col_Paste]</b>									
Bảng Cnv002									
Mã CNV									
Tên CNV									
Khoa/Hoạt									
Ngày bắt đầu									
Nội dung									
Loại hình đào tạo									
Lý do									
Thời gian BT									
Hỗ trợ kinh phí									
Ngày kết thúc									
Giấy tờ									
Ngày sinh									

Các thông tin quản lý nhân sự trên phần mềm đều có tính mở, cho phép người dùng có thể tùy chỉnh dễ dàng theo đặc thù quản lý của doanh nghiệp.

Thực thi các cau lệnh: F2-Them moi, F3-Sua thong tin, F8-Xoa dong, Esc-Thoat

Toàn bộ

Ctrl+S

**Quản lý nhân sự**

Cảnh báo các khóa đào tạo kết thúc trong tháng

Cảnh báo nhân viên có xếp hạng thấp trong nhiều kỳ!

Cảnh báo nhân viên sắp hết hạn đóng đóng!

Danh sách nhân viên có sinh nhật trong tháng

Danh sách nhân viên có sinh nhật trong tháng: F7-In, Esc-Quay ra

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Bộ phận	Chức vụ	Ngày sinh
NGOCTBK	Trần Bá Kim Ngọc	Ban giám đốc	Giám đốc	26/08/1982
LINHTT	Trần Thể Linh	Ban giám đốc	Phó giám đốc	15/08/1985
NGANDTT	Đinh Thị Thúy Ngân	Phòng kỹ thuật	Nhân viên	28/08/1988
ANHNNK	Nguyễn Kiều Anh	Phòng kỹ thuật	Nhân viên	01/08/1993

SQL Fox

Thực hiện

Thiết lập các cảnh báo đa dạng, linh hoạt với nhiều chế độ nhắc nhở như khi chạy báo cáo, khi đăng nhập phần mềm hay trực tiếp qua mail...

# QUẢN LÝ TÀI LIỆU

## Tổng quan:

Quản lý tài liệu là một module mới trên Meliasoft2016 giúp cho việc quản lý, theo dõi công văn đi/công văn đến cũng như lưu trữ, chia sẻ thông tin và tài liệu, văn bản trên phần mềm.

## Những điểm chính:

### ♦ Quản lý công văn đi/công văn đến:

- Số công văn, loại công văn, ngày phát hành, đơn vị phát hành, ngày có hiệu lực, ngày hết hiệu lực
- Nội dung trích yếu, file văn bản đính kèm...

### ♦ Quản lý file tài liệu, văn bản

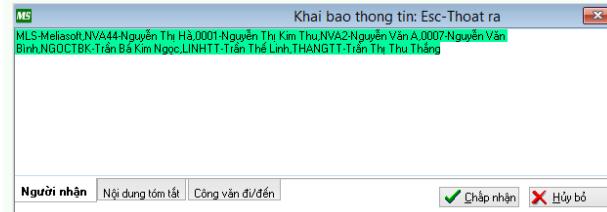
- Thư mục chứa file, các thư mục theo dạng folder của Window
- Các chức năng: Tải lên (Attach File); Tải về (Download File)
- Các chức năng: Gửi đến (Send to), Chuyển tiếp (Forward), Rời đến (Move to)
- Lưu lại các thông tin khác liên quan file tài liệu như các giao dịch, comment...

The screenshot displays the Meliasoft2016 software interface for document management. At the top, there is a detailed view of a specific document with fields for 'Số công văn' (MLSCV 160802), 'Loại công văn' (Phúc đáp), 'Đơn vị phát hành' (Meliasoft), 'Trích yếu' (Phúc đáp yêu cầu của công ty XYZ về tiến độ triển khai), and dates ('Ngày phát hành' 01/08/2016, 'Ngày có hiệu lực' 01/08/2016, 'Ngày hết hiệu lực' / /). Below this is a toolbar with buttons for 'Chấp nhận' (Accept) and 'Hủy bỏ' (Cancel). The main area shows a navigation bar with tabs like 'Dau ky', 'Quan ly', 'Danh muc', etc., and a file list titled 'Thư mục người dùng\Tài liệu kinh doanh'. The list includes a folder named 'Hợp đồng đã ký (2)' containing files like 'Khách hàng tiềm năng', 'File sửa lỗi test', and 'Chương trình chuẩn'. To the right, there are preview icons for two files: '01\_CONTRACT\_HOANG\_[28/01/2016 4:49AM].DOC' and '01.CONTRACT - MELIASOFT - C.TY CP Y TE QUANG MINH.DOC [28/01/2016 4:48AM]'.

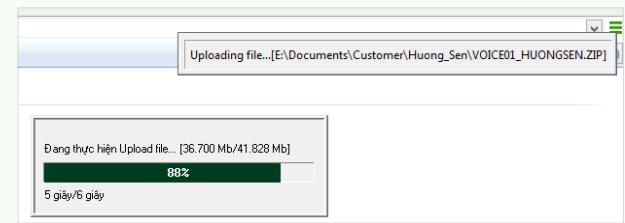
# QUẢN LÝ TÀI LIỆU

## Những điểm nổi bật:

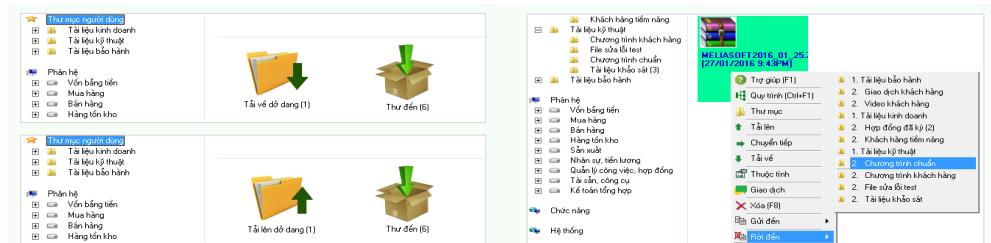
- Tính toán khoảng thời gian tải lên, tải về file tài liệu một cách tương đối → Hoạt động và thao tác tương tự như việc tải lên, tải về trong Google, Mail.
- Lưu nhật ký tải file: Các thông tin ngày, giờ cập nhật file, người gửi file, người nhận file, những user đã đọc...
- Lưu các file đang tải dở dang do sự cố mất điện, mất mạng..., khi lựa chọn tải tiếp chương trình sẽ tự động ghi tiếp file chứ không tải lại từ đầu, giảm thiểu tối đa thời gian khi thực hiện tính năng này.
- Lọc, sắp xếp, tìm kiếm các file văn bản theo nhiều tiêu thức như chưa đọc, đã đọc, đã gửi, đã nhận, người gửi file, người nhận file, đường dẫn lưu file, dung lượng file,...
- Sẵn sàng kết nối với các module quản lý khác: Quản lý hợp đồng, Quản lý nhân sự, Quản lý tài sản, Quản lý giao việc,...



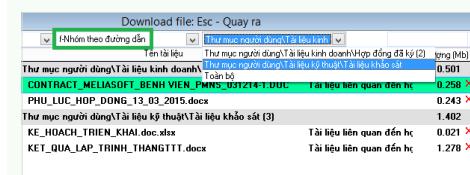
File tải lên có thể gửi cho một hay nhiều user, có thể lưu kèm các thông tin liên quan khác bao gồm các thông tin sẵn có và thông tin mở rộng do người dùng tự định nghĩa.



Chương trình tính toán khoảng thời gian tải lên/tải về file một cách tương đối.



Lưu các file đang tải dở dang và nhắc nhở tải tiếp file.



Lọc, sắp xếp, tìm kiếm các file văn bản theo nhiều tiêu thức khác nhau.



Sẵn sàng tích hợp trong các module quản lý khác.

# KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

## Tổng quan:

Phần mềm đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán chuẩn theo chế độ, quy định của Bộ tài chính cũng như cung cấp hệ thống các danh mục, báo cáo mở rộng phù hợp với tính vùng miền của mỗi doanh nghiệp.

## Các phân hệ kế toán:

- Kế toán vốn bằng tiền
- Kế toán mua hàng - phải trả
- Kế toán bán hàng - phải thu
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán chi phí giá thành
- Kế toán tài sản, công cụ
- Kế toán thuế
- Kế toán tổng hợp
- Kế toán hợp nhất

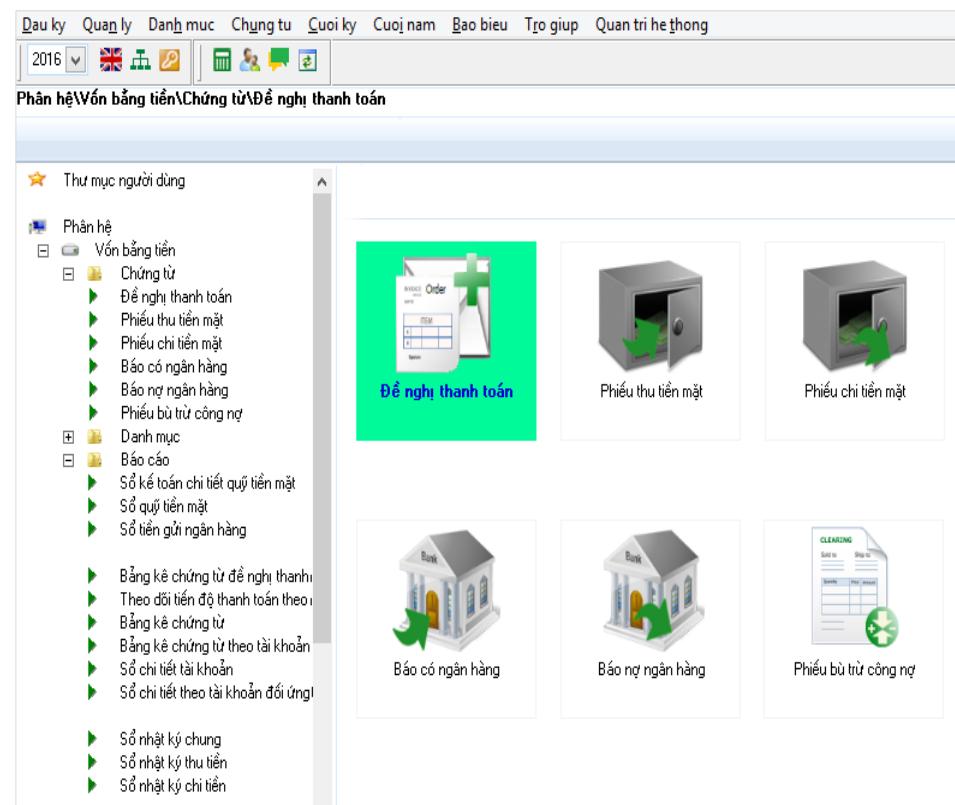
# KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

## Tổng quan:

Phân hệ vốn bằng tiền trên phần mềm cho phép lập kế hoạch và quản lý các khoản thu/chi/tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền vay một cách chặt chẽ, hiệu quả. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về dòng tiền vào/ra giúp doanh nghiệp theo dõi, kiểm soát và có kế hoạch cân đối thu chi hợp lý, kịp thời.

## Những điểm chính:

- Lập và in phiếu thu/phiếu chi/báo cáo/báo nợ ngân hàng trên phần mềm.
- Lập và in đề nghị thanh toán cho kế hoạch chi tiền, theo dõi tiến độ thanh toán theo đề nghị chi tiết từng bộ phận, khoản mục...
- Theo dõi các khoản thu/chi tại các quỹ như rút, gửi, chuyển khoản, thanh toán công nợ, tạm ứng... chi tiết cho từng đối tượng, hợp đồng, công trình, khoản mục...
- Quản lý ngoại tệ: Tự động tính và hạch toán chênh lệch tỷ giá ngoại tệ theo từng nghiệp vụ phát sinh. Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ cho từng khoản mục có gốc ngoại tệ.
- In báo cáo: Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ nhật ký thu tiền, Sổ nhật ký chi tiền, Sổ chi tiết tài khoản, Bảng kê chứng từ đề nghị thanh toán...



# KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

Mã chứng từ DN ► Loại CT DN Ngày 29/09/2017 Số c.tù 001 Mã Ittệ VND 1.00 □ Post

Mã đối tượng NTKA01 Nguyễn Thị Kiều Anh  
Ông bà Nguyễn Thị Kiều Anh Địa chỉ Hà Nội

Tên giao dịch  
Diễn giải Đề nghị chi tuần 4 tháng 09/2017

Convert từ □ Lấy dữ liệu Xls | Lấy dữ liệu SQL

Diễn giải chi tiết	Tiền VND	Tên đối tượng	Mã đối tượng	Nhân viên	Bộ phận	Mã khoản mục	Hợp đồng
Tiền mua văn phòng phẩm	1 500 000.00	Công ty Cổ Phản test 002	NCC01002	MLS	1.KD	21	
Tiền photo copy	6 000 000.00	Nhà cung cấp NCC01004	NCC01004	NVA12	4.KT	21	
Thanh toán lương tháng 9	70 000 000.00	Nguyễn Thị Kiều Anh	NTKA01	MLS		10	
Thanh toán theo hợp đồng 0011	15 000 000.00	Công ty Kiểm toán KT004	KT004		0.BG		A0011
					Tiền hàng	92 500 000	
					Thuế VAT		
					Tổng tiền	92 500 000	

Chứng từ đề nghị thanh toán liệt kê các khoản cần được thanh toán, hoàn trả cho từng đối tượng cụ thể. Các đề nghị thanh toán được duyệt là cơ sở để kế toán thực hiện phiếu chi, ủy nhiệm chi (giấy báo nợ) trên phần mềm.

Mã chứng từ PT ► Loại CT PT Ngày 29/09/2017 Số c.tù 001 Mã Ittệ USD 22 500.00 □ Post

Mã đối tượng KH001 Khách hàng test 001  
Ông bà Địa chỉ Thanh Trì - Hà Nội

Tên giao dịch  
Diễn giải KH001 thanh toán tiền hàng

Convert từ □ Lấy dữ liệu Xls | Lấy dữ liệu SQL | [Đóng số: 1/1]

Tk ng	Tk có	Tiền USD	Tiền VND	Tên đối tượng	Mã đối tượng
1111	1313	2 000.00	45 000.00	Khách hàng test 001	<b>Khách hàng test 001</b>

**Tự động tính chênh lệch tỷ giá với các trường hợp thanh toán ngoại tệ**

Thanh toán cho các chứng từ

Tk ng	Tk có	Tiền USD	Tiền VND	Tên đối tượng	Mã đối tượng
1111	1313	2 000.00	45 000.00	Khách hàng test 001	<b>Khách hàng test 001</b>

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá	Tk ng chênh lệch	Tk có chênh lệch	Chênh lệch Tk my CLTG	Tk my CLTG
USD	1313	1313	1313	1313

Chi tiết 1 Chi tiết 2 Chi tiết 3 Mở rộng... <F12:Chuyển sang "Chi tiết 2"> <F8:Về dòng> Chi H5:Tính lại tỷ giá

Chấp nhận Hủy bỏ

Chấp nhận Hủy bỏ

CL lý giá

Tổng tiền N.giá: T. Toán lần này 2 000.00  
Tổng tiền t. Toán lần này 45 540.000

Chấp nhận Hủy bỏ

Chấp nhận Hủy bỏ

Chấp nhận Hủy bỏ

Chi tiết 1 Chi tiết 2 Chi tiết 3 Mở rộng... <F12:Chuyển sang "Chi tiết 2"> <F8:Về dòng> Chi H5:Tính lại tỷ giá

Chấp nhận Hủy bỏ

Chấp nhận Hủy bỏ

Chấp nhận Hủy bỏ

Phiếu thu, Giấy báo có chọn thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn bán hàng

Mã chứng từ PC ► Loại CT PC Ngày 29/09/2017 Số c.tù 001 □ Post Lấy dữ liệu từ đề nghị thanh toán

Mã đối tượng NTKA01 Nguyễn Thị Kiều Anh  
Ông bà Nguyễn Thị Kiều Anh Địa chỉ Hà Nội

Tên giao dịch  
Diễn giải Thực hiện chi theo đề nghị số 001

Convert từ □ Lấy dữ liệu Xls | Lấy dữ liệu SQL | [Đóng số: 1/3]

Tk ng	Tk có	Tiền	Tên đối tượng	Mã đối tượng	Diễn giải chi tiết	Lưu chuyển T.Tệ (TT)	Mã khoản	Số Ct. đề nghị thanh toán
6423	1111	1 500 000.00	Công ty Cổ Phản test 002	NCC01002	Thực hiện chi theo đề nghị số	33	21	001
6423	1111	6 000 000.00	Nhà cung cấp NCC01004	NCC01004	Tiền photo copy	33	21	001
3311	1111	15 000 000.00	Nguyễn Thị Kiều Anh	NTKA01	Thanh toán theo hợp đồng 0017			

Tiền hàng 22 500 000  
Thuế VAT  
Tổng tiền 22 500 000

Các chứng từ Phiếu chi, Ủy nhiệm chi (giấy báo nợ) theo dõi thanh toán theo đề nghị nào. Trên cơ sở đó, kế toán có thể tổng hợp thống kê các đề nghị thanh toán chưa được duyệt, đã được duyệt, đã được thanh toán.

Ngày lập 29/09/2016 Mã tệ VND 1.00 Trạng thái VAY Khô uốc vay

Lợi hợp đồng **0** **Tiền nồng 1** Hợp đồng mua, sản xuất hoặc khép vay (Bầu vòi); 2 Hợp đồng bán (Bầu trả); 3 Xuất khẩu; 4 Phát hành các (biển toán); 5 Thành lập hợp đồng (Kinh doanh)

Bộ phận 1.KD Phòng kinh doanh

Mã hợp đồng VAY01 Số hợp đồng VAY01 Số lote (Lưu hồ sơ)

Tên hợp đồng Test Vay 01

TK theo dõi 3411 Các khoản đv vay (ngân hàng) Sản phẩm, Công trình

Mã đối tượng KH001 Khách hàng test 001 - Nguyễn Thị Kiều Anh

Nhân viên Người Trx Kinh Doanh

Giá trị Hoa N.hỷ	Giá trị Hoa H.VND	Giá trị hoa hồng IND	Mã log VAT	Tiền thuế VAT N.T&eacute;	0.00
150 000 000	150 000 000	0	0	0	
Giá trị hoa hồng NT	Giá trị hoa hồng IND	Giá trị quyết toán	Tiền thuế VAT N.T&eacute;	0.00	
Giá trị còn lợy	150 000 000	Giá trị còn lợy VND	Tổng giá trị N.T&eacute;	150 000 000	
Lđ đầu kỳ N	0.00	Lđ đầu kỳ VND	Tổng giá trị N.VND	150 000 000	

Ngày phê duyệt 01/01/2016 Ngày ký H.Đóng 01/01/2016 Ngày hiệu lực 01/01/2016

Ngày hết hạn 31/12/2016 Ngày cử đợt, đáo hạn / / Ngày lây nghiêm thư / /

Ngày kết thúc 01/01/2017 Ngày K.Hạch thu / / Ngày thanh lý / /

Thanh toán | Lđ trả | Phí sinh tăng/Phí sinh giảm | Gửi trả | Mở rộng 2 | Mở rộng 3 | Chi tiết đv lượng | Chứng thư | Chi tiết đv vay | H.Đóng | Ghi chú | Duyệt

Tu ngày	Tu ngày	Tuong hinh	Qua han (%)	Trong han (%)	Ghi chú	Duyệt						
01/09/2016 25/09/2016	12/09/2016	14.00	1.000000	1.166667	365	0.000000	0.000000	0.000000	0.000000	30.000000	53.521.678	
01/09/2016 31/12/2016	14.00	16.00	1.166667	1.333333	365	0.08956	0.04988	0.000000	0.000000	46.688.930		

Tiền lỗ = Số dư \* (Lđ xuất năm/100) / Số ngày trong năm \* Số ngày tính lỗ

✓ Chấp nhận X Hủy bỏ 0

## Báo cáo chi tiết lãi vay:

Phân tích biến động lãi vay theo từng kỳ tính lãi, từng mức biến động tăng giảm giá trị vay

Mã khé uốc	Tên khé uốc	Ngày k	Ngày H.Lực	Ngày Q.Hạn	Ngày H.Hạn	Gửi ty khé uốc	Đã bả	Còn lị	Mức lđ xuất	Mức lđ xuất	Tổng lđ (đầu k)
KH001 - Khách hàng test 001	/ /	/ /	/ /	/ /	/ /	350 000 000	100 000 000	250 000 000	24.000000	30.000000	53.521.678
VAY01	Tết Vay 01	01/01/2016	01/01/2017	01/01/2017	01/01/2017	350 000 000	100 000 000	250 000 000	0.000000	15.000000	53.521.678
	Tết Vay 02	01/01/2016	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2016	200 000 000	200 000 000	200 000 000	24.000000	30.000000	46.688.930
	Tổng cộng/total	/ /	/ /	/ /	/ /	350 000 000	100 000 000	250 000 000	24.000000	30.000000	53.521.678
Mã khé uốc	Tên khé uốc	Đến ngày	Đến ngày	Ngày quá hạn	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Gửi ty khé uốc	Tổng lđ đầu k	Số ngày T.lđ	Còn lị	Tổng lđ (đầu k)
VAY01	VAY01	01/01/2016	25/02/2016	01/01/2017	100 000 000	100 000 000	30	0.033377	30	0.033377	56.519.315
VAY01	VAY01	01/03/2016	31/12/2016	31/01/2017	50 000 000	50 000 000	306	0.036356	306	0.036356	5.688.480

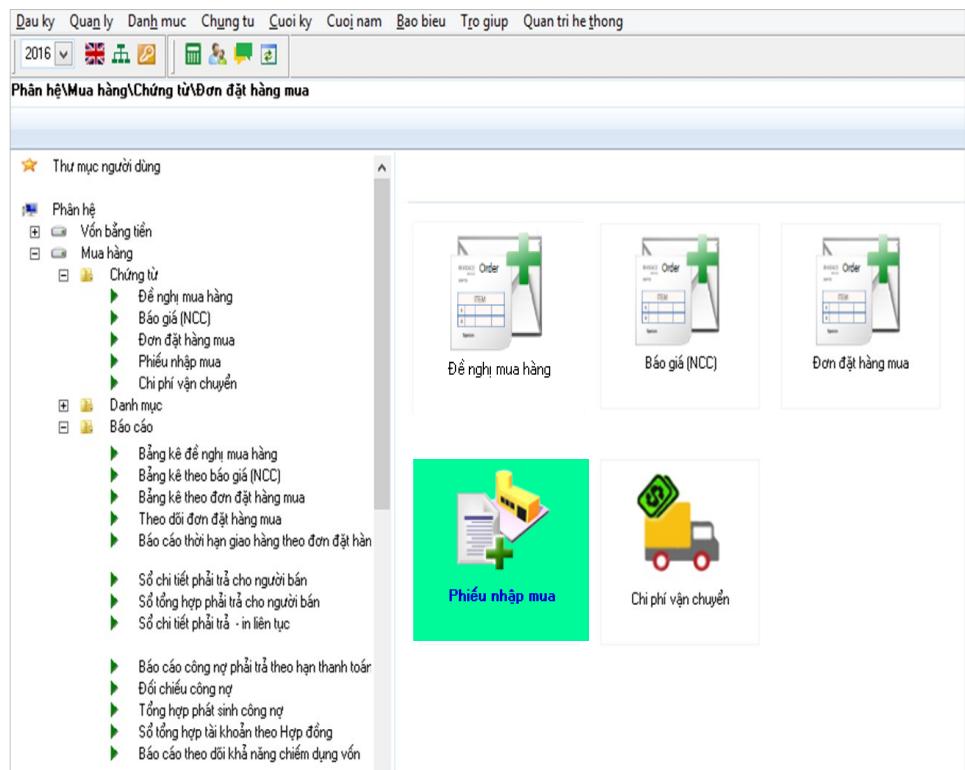
# KẾ TOÁN MUA HÀNG - PHẢI TRẢ

## Tổng quan:

Phân hệ mua hàng - phải trả được xây dựng dựa trên quy trình mua hàng và quản lý công nợ. Cho phép quản lý việc mua hàng với nhiều tiêu thức khác nhau và theo dõi các khoản nợ phải trả của từng đối tượng, hợp đồng, đơn hàng... Trợ giúp các nhà quản lý lập kế hoạch mua hàng, thanh toán các khoản nợ cho nhà cung cấp được đầy đủ, đúng thời gian và chính xác.

## Những điểm chính:

- Lập và in các chứng từ trong phân hệ mua hàng trên phần mềm.
- Phân bổ chi phí mua, chi phí vận chuyển, thuế nhập khẩu cho các mặt hàng (theo giá trị / số lượng).
- Theo dõi, hạch toán tự động tính thuế GTGT, thuế tiêu thụ, thuế nhập khẩu theo tờ khai hải quan.
- Giám sát công nợ phải trả nhà cung cấp theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, nhà cung cấp, hợp đồng, đơn hàng, nhân viên, ...)
- Bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, hợp đồng...
- In báo cáo: Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, Tổng hợp nhập kho, Sổ nhật ký mua hàng, Sổ tổng hợp vận chuyển bốc dỡ, Sổ chi tiết phải trả người bán, Sổ tổng hợp phải trả cho người bán...



# KẾ TOÁN MUA HÀNG - PHẢI TRẢ

**Chứng từ mua hàng**

**Chứng từ chi phí vận chuyển**

**Phiếu chi, Ủy nhiệm chi chọn thanh toán chi tiết theo từng phiếu nhập mua**

**Một số báo cáo trong phân hệ mua hàng**

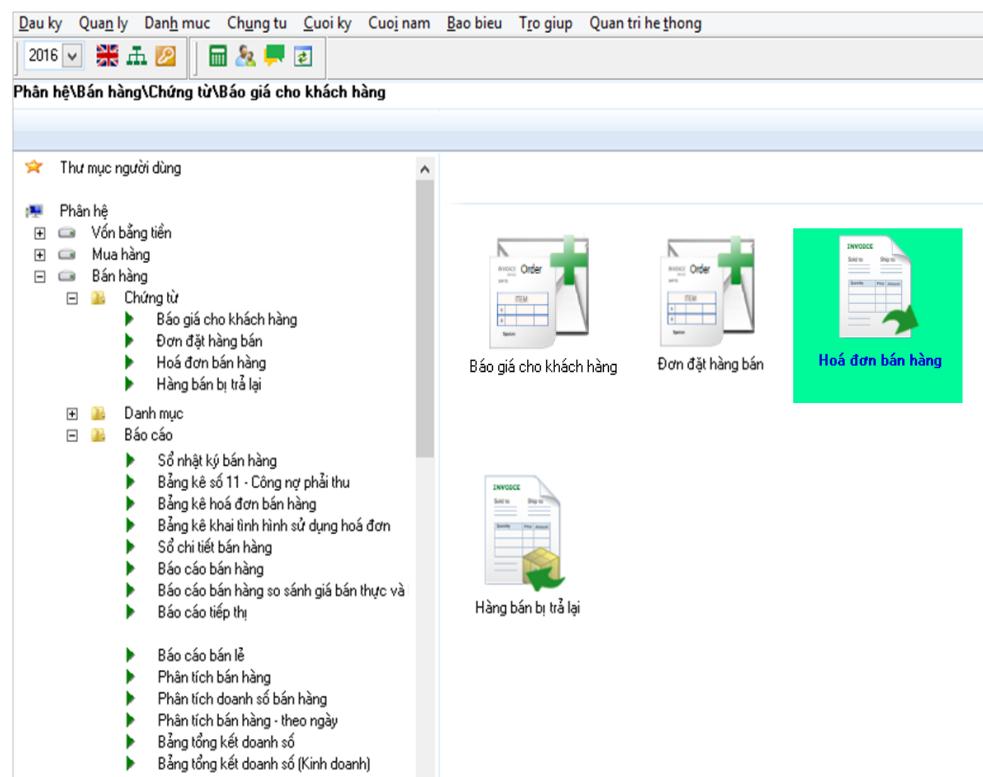
# KẾ TOÁN BÁN HÀNG - PHẢI THU

## Tổng quan:

Phân hệ bán hàng - phải thu được xây dựng dựa trên quy trình bán hàng và quản lý công nợ. Trợ giúp bộ phận kinh doanh - bán hàng, bộ phận kế toán theo dõi quản lý doanh thu và các khoản nợ một cách kịp thời, chính xác. Cung cấp nhiều tiêu chí phân tích bán hàng giúp người quản lý nắm bắt tình hình tiêu thụ tức thời để đưa ra các quyết định kịp thời.

## Những điểm chính:

- Lập và in các chứng từ trong phân hệ bán hàng trên phần mềm.
- Khai báo tự động tính và định khoản thuế GTGT đầu ra, thuế tiêu thụ đặc biệt và tự động tính toán tiền chiết khấu, giảm giá.
- Xây dựng phương án giá bán linh hoạt theo: mặt hàng, khách hàng, vùng/địa bàn, hình thức bán buôn/bán lẻ...
- Giám sát công nợ phải thu của khách hàng theo nhiều tiêu thức khác nhau (hóa đơn, nhà cung cấp, hợp đồng, đơn hàng, nhân viên, ...).
- Bù trừ công nợ giữa các khách hàng cũng như giữa các đối tượng quản lý chi tiết khác như nhân viên, bộ phận, sản phẩm, hợp đồng...
- In báo cáo : Bảng kê hóa đơn bán hàng, Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết /Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng, Đối chiếu công nợ...



## KẾ TOÁN BÁN HÀNG - PHẢI THU

**Khai báo các thông tin cơ bản của khách hàng**

Mã nhóm VT	TP02	Nhóm thành phẩm (CD2)	
Vật tư/HH	222P5222#1S1M1L1XL2		
Tên vật tư	XL2		
Mô tả/Dụng	10, L3000, XL600		
Loại giá	Thành phẩm (SX), 2-Vật tư, hàng hóa, TP bất động sản, 3-Công việc, Z-Vật tư giá thành (SX)		
Đơn vị tính		SL định mức/Nhóm	0.00000
Đơn vị quy đổi	1.00000	hệ số	1.00000
Đơn vị quy đổi	1.00000	hệ số	1.00000
Đơn vị tính khác			
Mã sản phẩm	222P5222#1S1M1L1XL2	áo TShirt màu	
Tài khoản Vật tư/HH	15512	Số lượng kế hoạch SX	Cao
Tk già vốn hàng bán	6322	Ràng:	
Tài khoản doanh thu	5112	Nhà máy	
Tk hàng bán bị trả lại	5213	Nhân sản phẩm	
VT thay thế (Định mức)		Chủng loại	
Vật tư, HH đại diện		Kích thước	
Thuế suất TTĐB (%)	0.000000	Màu sắc	
Mã kho (mặc định)	K1552	Chất liệu	
Thuế đầu ra (mặc định)		Hạn dùng (Tùy chỉnh SP)	
Định chỉ giao dịch	1		
	1-Hoạt động, 0-Định chỉ giao dịch		

**Thông tin cơ bản**    **Thông tin mở rộng**    << F12-Chuyển đổi giữa các Page >>

**MS Sửa vat tu**

**Thay đổi tiêu đề**

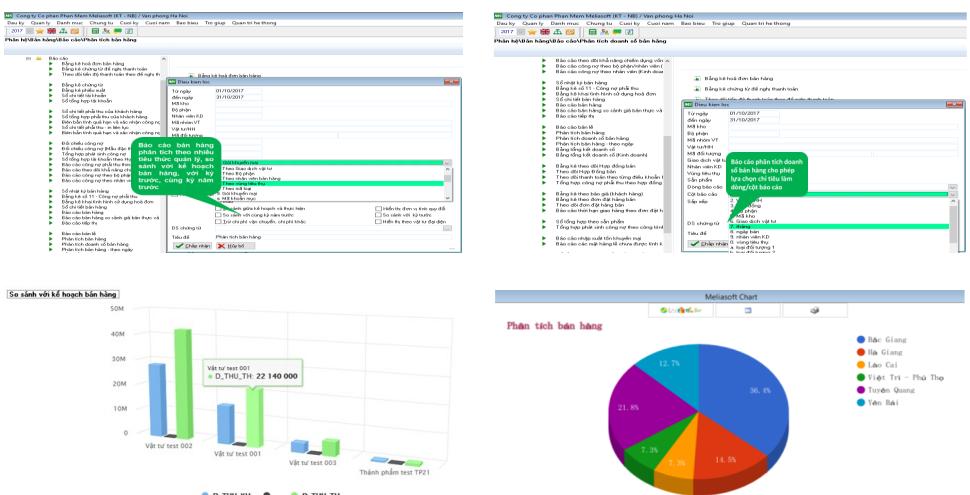
**Nhấn sản phẩm**

**Các thông tin mở rộng do người dùng tự định nghĩa**

## Khai báo thông tin hàng hóa

Phiếu thu, Giấy báo có chon thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn bán hàng

Hóa đơn bán hàng và hóa đơn bán lẻ (dành cho siêu thị, cửa hàng phân phối)



Một số báo cáo trong phân hệ hán hàng

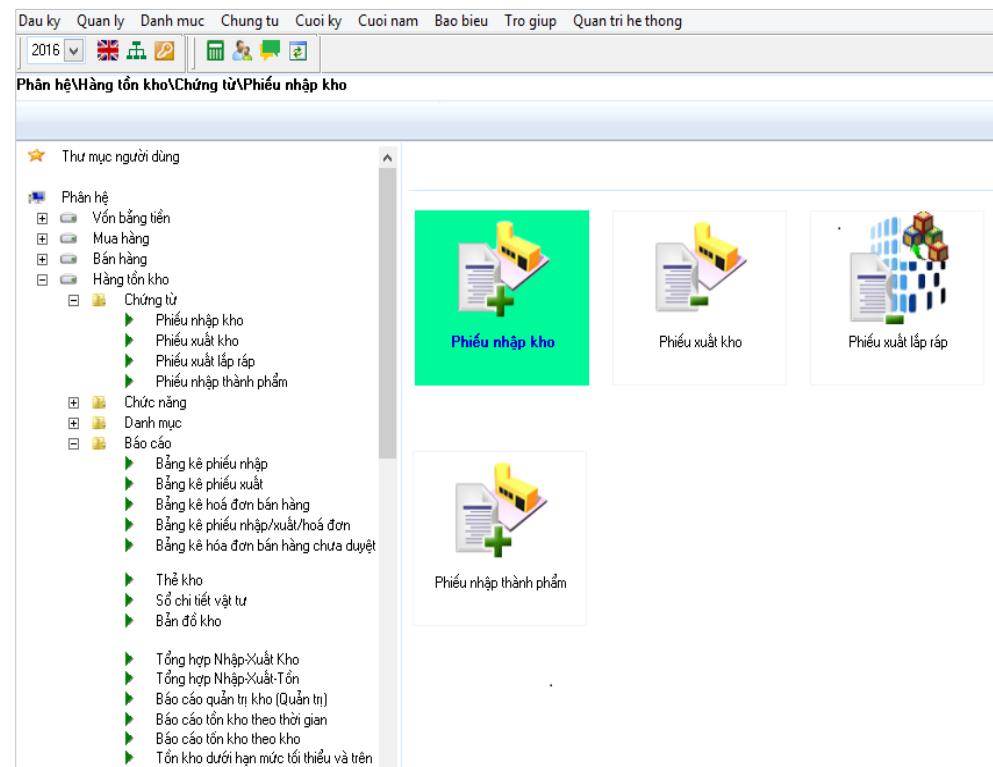
# KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

## Tổng quan:

Phân hệ hàng tồn kho trợ giúp doanh nghiệp kiểm soát về giá trị, số lượng vật tư, hàng hóa tồn kho, việc luân chuyển, sử dụng vật tư, tránh thiệt hại trong lưu trữ. Hỗ trợ doanh nghiệp thống kê số liệu nhập xuất tồn theo nhiều chiều quản lý như: kho, vị trí trong bản đồ kho, palet, lô, ngành hàng, mặt hàng, mặt hàng đại diện...

## Những điểm chính:

- Lập và in phiếu nhập/xuất vật tư, hàng hóa trong phân hệ.
- Quản lý vật tư theo nhiều đơn vị tính, lưu hệ số quy đổi theo hai cách từ đơn vị gốc về quy đổi hoặc từ quy đổi về đơn vị gốc.
- Quản lý việc cho phép/không cho phép xuất hàng âm; cảnh báo xuất âm, xuất vượt mức tồn kho tối thiểu.
- Tự động tính giá vốn của hàng xuất theo nhiều phương pháp khác nhau: Đích danh, giá trung bình tháng, trung bình thời điểm, nhập trước xuất trước; theo từng kho hoặc không theo kho. Xử lý bài toán làm tròn 10/3 khi tính giá vốn trong trường hợp lượng hết, tiền còn.
- In báo cáo: Bảng kê phiếu nhập/phieu xuất, Thẻ kho, Sổ chi tiết vật tư, Tổng hợp nhập xuất tồn, Báo cáo tồn kho theo kho,...



# KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Chứng từ NM ➔ Loại CT NM Ngày 15/09/2017 Số c.tù 003 Mã tệ VND 1.00 Post

Giao dịch vật tư G331 3311 Mua hàng công nợ phải trả

Mã đối tượng NCC01004 Nhà cung cấp NCC01004

Ông bà Địa chỉ Hà Nội Vùng K1 Khung giá số 1

Điển giải Nhập hàng ngày 15 Xem danh sách

Xe vận chuyển 88H-7107 Lái xe, vận chuyển Nguyễn Văn Hải Đơn đặt hàng mua

Convert từ  Lấy dữ liệu Xls  Lấy dữ liệu SQL Định mức SP (LR) Từ nhóm vật tư Từ lệnh SX/D.mức Từ Nhập (TP,PN)/D.Mức

[Đòng số: 1/3]

Vật tư/HH	Đuôi màu	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Tk nợ	Tk có	Hợp đồng	Nhân viên	Đơn đặt hàng	Hãng vận tải	Số công	Số lượng
A30305_2	050_D	Lát 30x30 MS 305 Loại 2	Viên	K1521	1561	3311	0001	NVA12				1.000.000
A30311_2	065_X	Lát 30x30 MS 311 Loại 2	Viên	K1521	1561	3311	0002	NVA12				2.000.000
A30312_2	070_T	Lát 30x30 MS 312 Loại 2	Hộp	K1521	1561	3311	0002	NVA12				2.000.000

**Tổng hợp Nhập/Xuất/Tồn**  
Báo cáo quản lý kho (Quy Nhóm báo cáo)  
Báo cáo tồn kho theo kh  
Các báo cáo kho cho phép  
nhóm theo mã hàng hoặc lên  
chi tiết mã hàng  
Bảng kê hàng nhập  
Báo cáo nhập tồn k  
Đánh giá vật tư tồn k  
Đánh giá vật tư tồn k

Mã chứng từ PX ➔ Loại CT PX Ngày 30/09/2017 Số c.tù 001 Mã tệ VND 1.00 Post

Giao dịch vật tư X6211 6211 Xuất nguyên vật liệu chính cho SX (CD1)

Mã đối tượng NVA01 Nguyễn Văn A

Ông bà Địa chỉ Hà Nội

Điển giải Xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

Vật tư nhập SI nhập SII nhập khác Xe vận chuyển Lái xe

Convert từ  Lấy dữ liệu Xls  Lấy dữ liệu SQL Định mức SP (LR) Từ nhóm vật tư Từ lệnh SX/D.mức Từ Nhập (TP,PN)/D.Mức

[Đòng số: 1/8]

Vật tư/HH	Quy cách, kích thước	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Tk nợ	Tk có	Bộ phận	Nhân viên	Mã lô xuất	Số lượng
VT001	30x30_XANH	Vật tư test 001	Hộp	K1521	6211	152	16.SX	LINHTT	L0003	10.000
VT002	30x45_DEN	Vật tư test 002	Hộp	K1521	6211	152	6.SX	LINHTT	L0003	15.000
VT002	30x60_DEN	Vật tư test 002	Hộp	K1521	6211	152	6.SX	LINHTT	L0003	15.000
VT003	60x60_XANH	Vật tư test 003	Met	K1521	6211	152	6.SX	LINHTT	L0003	20.000
VT003	30x60_DEN	Vật tư test 003	Met	K1521	6211	152	6.SX	LINHTT	L0003	20.000
VT004	30x30_TRANG	Vật tư test 004	M3	K1522	6211	152	6.SX	LINHTT	L0003	30.000
VT004	30x45_DEN	Vật tư test 004	M3	K1522	6211	152	6.SX	LINHTT	L0003	30.000
VT005	60x60_XANH	Vật tư test 005	M3	K1521	6211	152	6.SX	LINHTT	L0003	45.000

## Quản lý chi tiết mã hàng trong phân hệ hàng tồn kho

Mã chứng từ PX ➔ Loại CT PX Ngày 30/09/2017 Số c.tù 002 Mã tệ VND 1.00 Post

Giao dịch vật tư G1561 1561 Xuất chuyển kho hàng hóa !!! Chứng từ không định khoản vào sổ cái !!!

Mã đối tượng NVA01 Nguyễn Văn A

Ông bà Địa chỉ Hà Nội

Điển giải Xuất chuyển hàng hóa cho nhà máy Bình Dương

Vật tư nhập SI nhập SII nhập khác Xe vận chuyển

Convert từ  Lấy dữ liệu Xls  Lấy dữ liệu SQL Định mức SP (LR) Từ nhóm vật tư Từ lệnh SX/D.mức Từ Nhập (TP,PN)/D.Mức

[Đòng số: 1/4]

Vật tư/HH	Quy cách, kích thước	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Tk nợ	Tk có	Mã lô xuất	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
VT001	30x30_XANH	Vật tư test 001	Hộp	K1521	1561	152	L0003	10.000		
VT002	30x45_DEN	Vật tư test 002	Hộp	K1521	1561	152	L0003	15.000		
VT003	60x60_XANH	Vật tư test 003	Met	K1521	1561	152	L0003	20.000		
VT004	30x30_TRANG	Vật tư test 004	M3	K1522	1561	152	L0003	30.000		

Chi tiết 1 Chi tiết 2 Chi tiết 3 Mở rộng ... <F12:Chuyển sang "Chi tiết 2"> <F8:Xóa dòng>

Đơn vị nhận **D/Văn phòng Hà Nội** Kho nhập

Hạn T.Toán: 0/Văn phòng Hà Nội

Mã logo VAT: 1/Nhà máy Vinh Phúc

Đối tượng VAT: 2/Nhà máy Bình Dương

Số hóa đơn: 3/Nhà máy Đà Nẵng

Chấp nhận: 4/Nhà máy Lâm Đồng

5/Văn phòng Hồ Chí Minh

(F11:Xem sổ tồn kho tức thời, Ctrl+T-Chọn tồn kho)

Phiếu xuất chuyển giữa các kho, đơn vị chi nhánh. Khi tính giá vốn hàng xuất, phần mềm sẽ tính và up giá tự động trong các trường hợp xuất điều chuyển kho, xuất chuyển giữa đơn vị chi nhánh.

Kiem tra so luong

Bao cao kho

Phiếu xuất

Thống kê kho theo nhiều chi tiêu quản lý với các chỉ tiêu nhóm và chi tiết

BÁO CÁO TỔNG KHO THEO THỜI GIAN

Mã kho

Nhóm hàng hóa 01

Nhóm hàng hóa 02

Ngày... tháng... năm... Ngày... tháng... năm...

Phân tích tuổi kho cho từng vật tư với các mức độ tuổi

Tự động cập nhật kết quả kiểm kê cuối kỳ từ các file excel, dữ liệu của máy kiểm kê mã vạch...

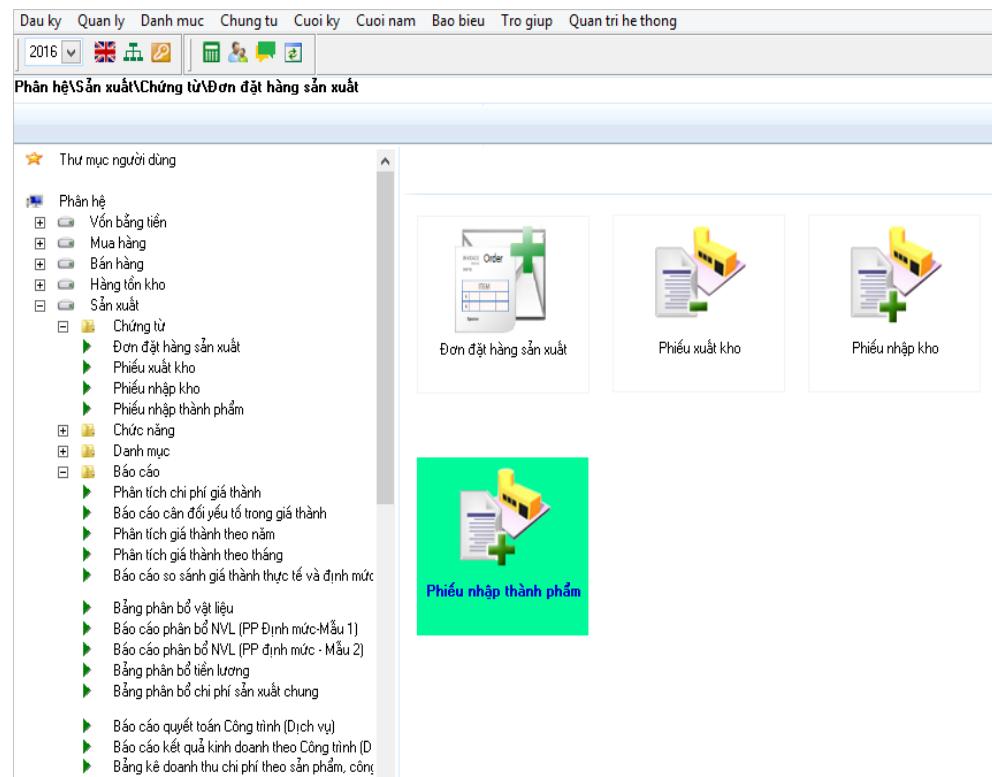
# KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH

## Tổng quan:

Trên cơ sở tập hợp chi phí từ các phân hệ khác như kế toán kho, kế toán tiền lương, kế toán tổng hợp, cùng với số liệu thống kê sản phẩm hoàn thành, sản phẩm dở dang để tính giá thành sản phẩm. Việc tính chính xác giá thành sản phẩm là hỗ trợ kế toán đánh giá đúng chi phí, lợi nhuận; từ đó có những biện pháp để giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

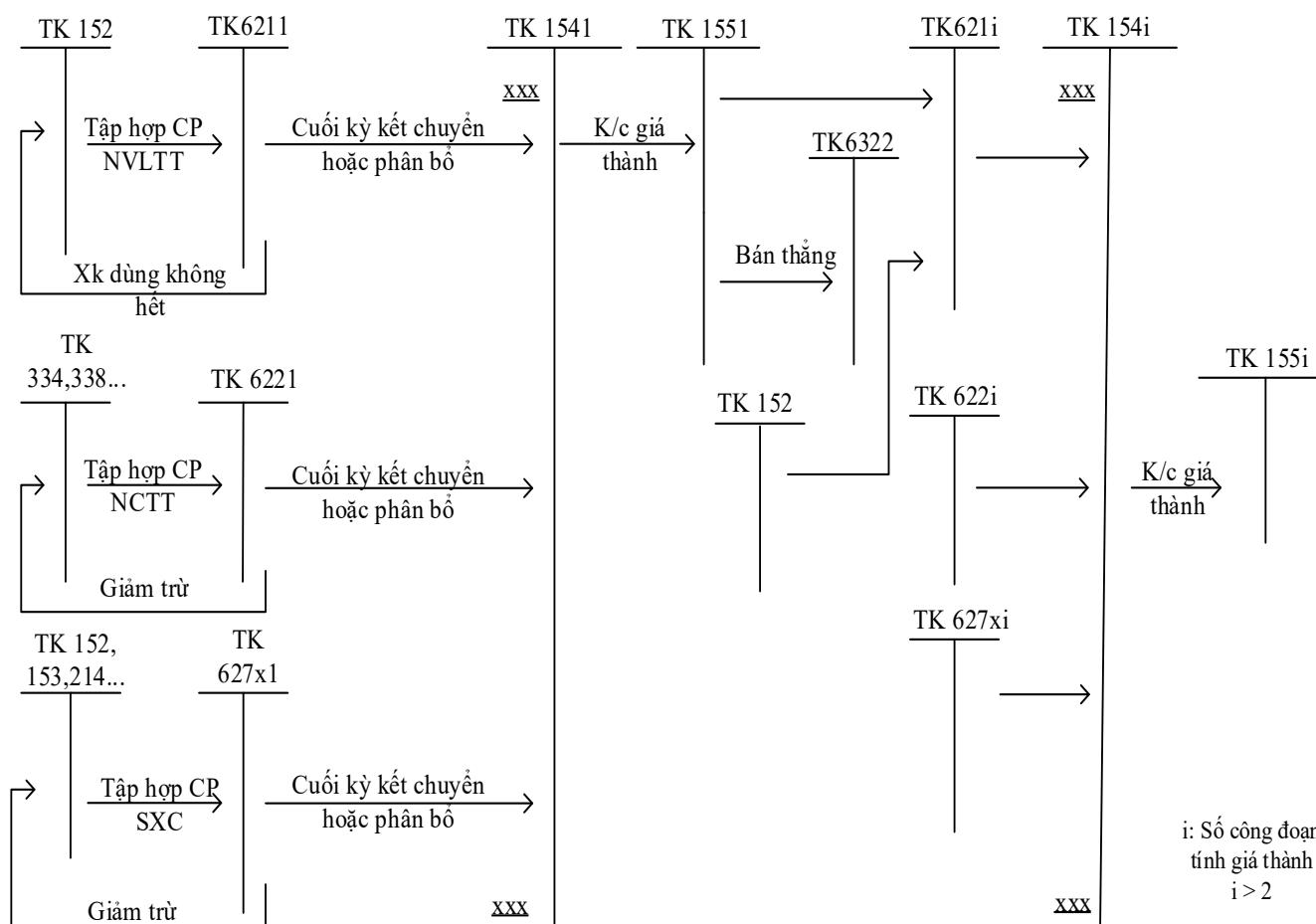
## Những điểm chính:

- Lập và in các chứng từ trong phân hệ trên phần mềm.
- Áp dụng tính giá thành cho cả doanh nghiệp sản xuất với sản phẩm là các thành phẩm nhập kho và các doanh nghiệp xây lắp, các doanh nghiệp có sản phẩm là dịch vụ/công trình/vụ việc...
- Giá thành sản xuất được tính lần lượt qua các bước tập hợp phân bổ chi phí, đánh giá dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm.
- Đối với giá thành dịch vụ, chi phí được tập hợp từ các phân hệ kế toán, cuối kỳ được kết chuyển một phần hay toàn bộ sang giá vốn tùy theo mức độ hoàn thành thực tế của công trình/dịch vụ.
- In báo cáo: Phân tích giá thành, Phân tích giá thành theo tháng/năm, Báo cáo chi phí dở dang, Báo cáo quyết toán công trình, Bảng kê chứng từ theo sản phẩm công trình...



# KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH

## Sơ đồ hạch toán kế toán giá thành:

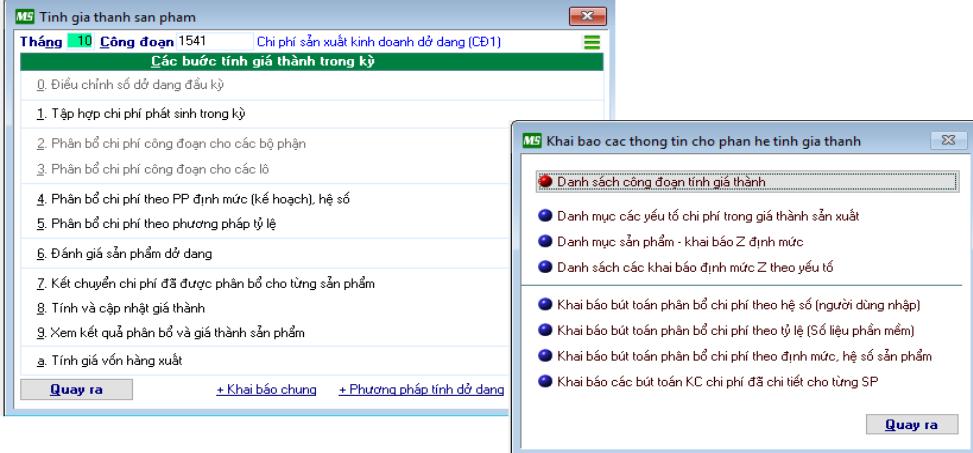


Các sản phẩm công đoạn khi hoàn thành được gọi là các thành phẩm công đoạn. Các thành phẩm công đoạn này có thể bán thẳng hoặc có thể mua bán thành phẩm về sản xuất tiếp ở các công đoạn sau mà không cần thực hiện theo tuần tự danh sách các công đoạn.

Ngoài ra, các bán thành phẩm có thể trải qua các công đoạn không theo trật tự thông thường (còn gọi là thăng cấp hoặc hạ cấp).

Một vấn đề khác đặt ra, sau mỗi công đoạn nếu thực hiện tính giá thành có thể đánh giá được dở dang và tính giá nhập kho thành phẩm công đoạn. Từ đó, giúp nhà quản trị theo dõi được hao hụt về lượng, về tiền, theo dõi được kết quả tồn kho hay lãi gộp...

# KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH



Các bước khai báo và tính giá thành sản phẩm trên phần mềm

The screenshot shows a software window titled 'Xem kết quả phân bổ và giá thành sản phẩm' (View results of allocation and product cost). It displays a table with columns for product ID, name, quantity, and cost per unit. A summary row at the bottom shows the total cost for all products.

Sản phẩm	Yêu tố	Mã SP	Tên sản phẩm	Đvt	Số lượng SP đã dở dang	Giá trị dở dang đầu kỳ	Tổng chi phí nhân công	Số lượng SP hoàn thành	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị	Số lượng SP đã dở dang C cuối kỳ	Giá trị dở dang C cuối kỳ
	TP001	Thành phẩm test TP001	Cái	350.000	1.278.142	50.000	1.190.115	21.802.800.000	10.000	22.002		
	TP002	Thành phẩm test TP002	Cái	300.000	1.286.142	50.000	2.146.142	42.922.840.000				
	TP003	Thành phẩm test TP003	Cái	3.975.716	100.000	3.975.716	39.797.160.000					

**PHÂN TÍCH CHI PHÍ GIÁ THÀNH**  
Tháng 6 năm 2016  
Sản phẩm: TP1

Sản phẩm	Độ dang Đầu kỳ	Chi phí trong kỳ	S.Lượng P.Sinh	Tổng Giá thành	Số lượng S.Pham đã dở dang	Tổng Giá thành	Chi tiết	Độ dang Cuối kỳ		
TP1.CD1	Thành phẩm test TP1 CD1	Cái	2.150.000	2.150.000	1.00%	10.000	215.000.000	1.000.000	500.000	650.000
Z6272	A.Yếu tố NVL truy cập	VND	1.25VLT							
Z6272	Chi phí vật liệu	VND								
Z6274	Chi phí khấu hao TSCD	VND								
Z6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	VND								
Z6277	B-Chi phí nhân công trực tiếp	VND								
Z6277	Yếu tố nhân công trực tiếp	VND								
Z6277	Phụ gia công đơn 1	VND								
Z6277	Phụ gia công đơn 2	VND								
Z6277	Phụ gia công đơn 3	VND								
Z6274	C-Chi phí sản xuất chung	VND								
Z6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	VND								
Z6277	A.Yếu tố NVL trực tiếp	VND								
Z6277	Thành phẩm test TP1 CD2	Cái	1.560.000	1.560.000	100%	5.000	372.000.000	96.000	600.000	400.000
Z6277	Hàng mục 1-Công trình 001	VND								
Z6277	Hàng mục 2-Công trình 002	VND								
Z6277	Hàng mục 3-Công trình 003	VND								
Z6277	Hàng mục 4-Công trình 004	VND								
Z6277	Hàng mục 5-Công trình 005	VND								
Z6277	Hàng mục 6-Công trình 006	VND								
Z6277	Hàng mục 7-Công trình 007	VND								
Z6277	Hàng mục 8-Công trình 008	VND								
Z6277	Hàng mục 9-Công trình 009	VND								
Z6277	Hàng mục 10-Công trình 010	VND								
Z6277	Hàng mục 11-Công trình 011	VND								
Z6277	Hàng mục 12-Công trình 012	VND								
Z6277	Hàng mục 13-Công trình 013	VND								
Z6277	Hàng mục 14-Công trình 014	VND								
Z6277	Hàng mục 15-Công trình 015	VND								
Z6277	Hàng mục 16-Công trình 016	VND								
Z6277	Hàng mục 17-Công trình 017	VND								
Z6277	Hàng mục 18-Công trình 018	VND								
Z6277	Hàng mục 19-Công trình 019	VND								
Z6277	Hàng mục 20-Công trình 020	VND								
Z6277	Hàng mục 21-Công trình 021	VND								
Z6277	Hàng mục 22-Công trình 022	VND								
Z6277	Hàng mục 23-Công trình 023	VND								
Z6277	Hàng mục 24-Công trình 024	VND								
Z6277	Hàng mục 25-Công trình 025	VND								
Z6277	Hàng mục 26-Công trình 026	VND								
Z6277	Hàng mục 27-Công trình 027	VND								
Z6277	Hàng mục 28-Công trình 028	VND								
Z6277	Hàng mục 29-Công trình 029	VND								
Z6277	Hàng mục 30-Công trình 030	VND								
Z6277	Hàng mục 31-Công trình 031	VND								
Z6277	Hàng mục 32-Công trình 032	VND								
Z6277	Hàng mục 33-Công trình 033	VND								
Z6277	Hàng mục 34-Công trình 034	VND								
Z6277	Hàng mục 35-Công trình 035	VND								
Z6277	Hàng mục 36-Công trình 036	VND								
Z6277	Hàng mục 37-Công trình 037	VND								
Z6277	Hàng mục 38-Công trình 038	VND								
Z6277	Hàng mục 39-Công trình 039	VND								
Z6277	Hàng mục 40-Công trình 040	VND								
Z6277	Hàng mục 41-Công trình 041	VND								
Z6277	Hàng mục 42-Công trình 042	VND								
Z6277	Hàng mục 43-Công trình 043	VND								
Z6277	Hàng mục 44-Công trình 044	VND								
Z6277	Hàng mục 45-Công trình 045	VND								
Z6277	Hàng mục 46-Công trình 046	VND								
Z6277	Hàng mục 47-Công trình 047	VND								
Z6277	Hàng mục 48-Công trình 048	VND								
Z6277	Hàng mục 49-Công trình 049	VND								
Z6277	Hàng mục 50-Công trình 050	VND								
Z6277	Hàng mục 51-Công trình 051	VND								
Z6277	Hàng mục 52-Công trình 052	VND								
Z6277	Hàng mục 53-Công trình 053	VND								
Z6277	Hàng mục 54-Công trình 054	VND								
Z6277	Hàng mục 55-Công trình 055	VND								
Z6277	Hàng mục 56-Công trình 056	VND								
Z6277	Hàng mục 57-Công trình 057	VND								
Z6277	Hàng mục 58-Công trình 058	VND								
Z6277	Hàng mục 59-Công trình 059	VND								
Z6277	Hàng mục 60-Công trình 060	VND								
Z6277	Hàng mục 61-Công trình 061	VND								
Z6277	Hàng mục 62-Công trình 062	VND								
Z6277	Hàng mục 63-Công trình 063	VND								
Z6277	Hàng mục 64-Công trình 064	VND								
Z6277	Hàng mục 65-Công trình 065	VND								
Z6277	Hàng mục 66-Công trình 066	VND								
Z6277	Hàng mục 67-Công trình 067	VND								
Z6277	Hàng mục 68-Công trình 068	VND								
Z6277	Hàng mục 69-Công trình 069	VND								
Z6277	Hàng mục 70-Công trình 070	VND								
Z6277	Hàng mục 71-Công trình 071	VND								
Z6277	Hàng mục 72-Công trình 072	VND								
Z6277	Hàng mục 73-Công trình 073	VND								
Z6277	Hàng mục 74-Công trình 074	VND								
Z6277	Hàng mục 75-Công trình 075	VND								
Z6277	Hàng mục 76-Công trình 076	VND								
Z6277	Hàng mục 77-Công trình 077	VND								
Z6277	Hàng mục 78-Công trình 078	VND								
Z6277	Hàng mục 79-Công trình 079	VND								
Z6277	Hàng mục 80-Công trình 080	VND								
Z6277	Hàng mục 81-Công trình 081	VND								
Z6277	Hàng mục 82-Công trình 082	VND								
Z6277	Hàng mục 83-Công trình 083	VND								
Z6277	Hàng mục 84-Công trình 084	VND								
Z6277	Hàng mục 85-Công trình 085	VND								
Z6277	Hàng mục 86-Công trình 086	VND								
Z6277	Hàng mục 87-Công trình 087	VND								
Z6277	Hàng mục 88-Công trình 088	VND								
Z6277	Hàng mục 89-Công trình 089	VND								
Z6277	Hàng mục 90-Công trình 090	VND								
Z6277	Hàng mục 91-Công trình 091	VND								
Z6277	Hàng mục 92-Công trình 092	VND								
Z6277	Hàng mục 93-Công trình 093	VND								
Z6277	Hàng mục 94-Công trình 094	VND								
Z6277	Hàng mục 95-Công trình 095	VND								
Z6277	Hàng mục 96-Công trình 096	VND								
Z6277	Hàng mục 97-Công trình 097	VND								
Z6277	Hàng mục 98-Công trình 098	VND								
Z6277	Hàng mục 99-Công trình 099	VND								
Z6277	Hàng mục 100-Công trình 100	VND								

Giá thành được tính trên từng sản phẩm, công đoạn, yếu tố trên cơ sở chi phí dở dang đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và dở dang cuối kỳ

The screenshot shows a software window titled 'Khai báo các thông tin cho phan he tinh gia thanh' (Enter information for cost allocation ratio). It displays a table with columns for cost allocation ratio, name, and description. A note indicates that the allocation ratio is calculated based on the cost of labor.

Yếu tố	Tên	Mô tả
Yếu tố NVL truy cập	A.Yếu tố NVL truy cập	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bổ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố vật liệu	B.Yếu tố vật liệu	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố nhân công trực tiếp	C.Yếu tố nhân công trực tiếp	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố phụ gia công	D.Yếu tố phụ gia công	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 1	E.Yếu tố công đoạn 1	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 2	F.Yếu tố công đoạn 2	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 3	G.Yếu tố công đoạn 3	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 4	H.Yếu tố công đoạn 4	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 5	I.Yếu tố công đoạn 5	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 6	J.Yếu tố công đoạn 6	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bố theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 7	K.Yếu tố công đoạn 7	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 8	L.Yếu tố công đoạn 8	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 9	M.Yếu tố công đoạn 9	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 10	N.Yếu tố công đoạn 10	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 11	O.Yếu tố công đoạn 11	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 12	P.Yếu tố công đoạn 12	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 13	Q.Yếu tố công đoạn 13	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 14	R.Yếu tố công đoạn 14	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 15	S.Yếu tố công đoạn 15	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 16	T.Yếu tố công đoạn 16	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 17	U.Yếu tố công đoạn 17	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 18	V.Yếu tố công đoạn 18	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 19	W.Yếu tố công đoạn 19	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 20	X.Yếu tố công đoạn 20	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 21	Y.Yếu tố công đoạn 21	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố công đoạn 22	Z.Yếu tố công đoạn 22	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp

The screenshot shows a software window titled 'Khai báo các thông tin cho phan he tinh gia thanh' (Enter information for cost allocation ratio). It displays a table with columns for cost allocation ratio, name, and description. A note indicates that the allocation ratio is calculated based on the cost of labor.

Yếu tố	Tên	Mô tả
Yếu tố NVL truy cập	A.Yếu tố NVL truy cập	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố vật liệu	B.Yếu tố vật liệu	Thay đổi tỷ lệ (%) phân bộ theo tung khoan mục phi: Esc-lưu và thuc hiện tiệp
Yếu tố nhân công trực tiếp	C.Yếu tố nhân công trực tiếp	Th

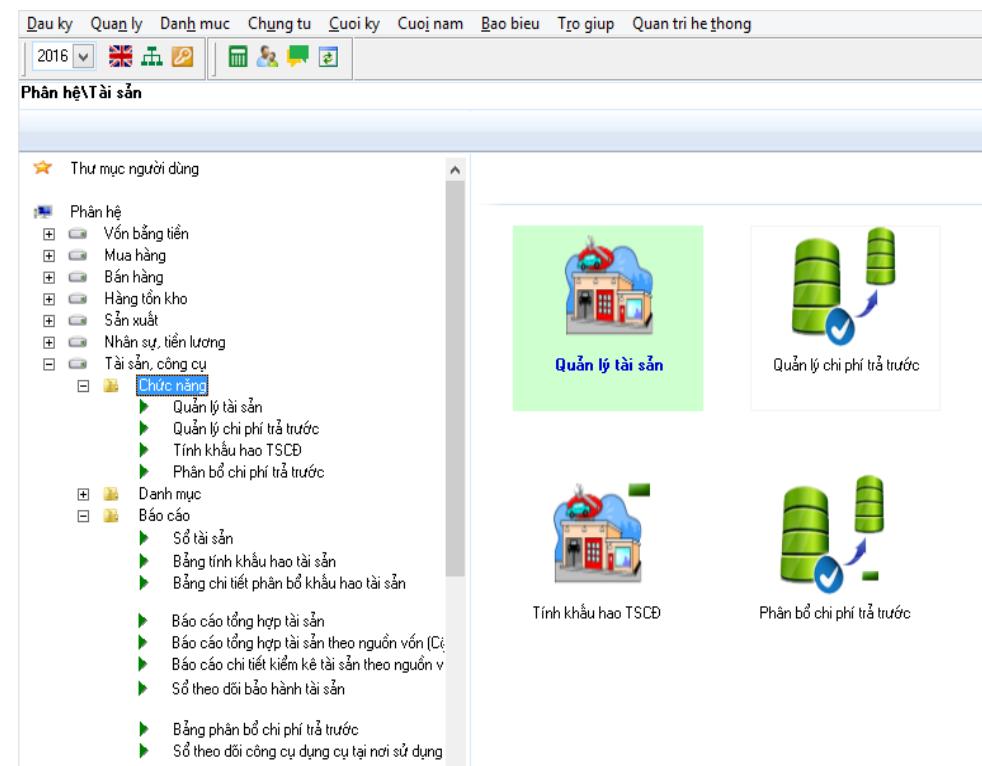
# KẾ TOÁN TÀI SẢN, CÔNG CỤ

## Tổng quan:

Do chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản nên yêu cầu về việc quản lý tài sản chặt chẽ và chi tiết hết sức quan trọng. Phân hệ quản lý tài sản sẽ cung cấp đầy đủ các phương tiện quản lý tài sản từ khi mua mới cho đến khi đưa vào sử dụng, tính khấu hao, sửa chữa bảo dưỡng cho đến khi tài sản được thanh lý.

## Những điểm chính:

- Lập và in chi tiết thẻ tài sản.
- Theo dõi các thông tin tài sản cố định, công cụ dụng cụ
  - Nguyên giá, giá trị đã khấu hao, giá trị còn lại, số năm khấu hao, giá trị khấu hao mỗi kỳ..
  - Nguồn vốn hình thành, mục đích sử dụng, bộ phận sử dụng, nước sản xuất, năm sản xuất, loại tài sản, phụ tùng kèm theo...
  - Kế hoạch, thời gian thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hàng kỳ...
  - Các thông tin phân loại khác tùy theo đặc thù của từng doanh nghiệp.
- Theo dõi biến động tài sản, công cụ dụng cụ:
  - Sửa chữa lớn, lắp thêm, tháo dỡ phụ tùng, thay đổi bộ phận...
  - Ghi giảm, khấu hao, thanh lý, đánh giá lại tài sản...
  - + Báo hỏng, sửa chữa, thanh lý công cụ dụng cụ...



# KẾ TOÁN TÀI SẢN, CÔNG CỤ

- Ghi nhận kế toán tài sản cố định:

- Ghi tăng tài sản: mua mới, bàn giao, sửa chữa lớn, gắn thêm thiết bị...
- Ghi giảm tài sản (một phần hoặc toàn bộ), thanh lý nhượng bán tài sản, chuyển tài sản thuê tài chính thành tài sản cố định chủ sở hữu.. .
- Khấu hao tài sản: Theo đường thẳng, theo tỷ lệ, theo giờ hoạt động thực tế của máy móc.
- Phân bổ và hạch toán giá trị công cụ vào chi phí trong kỳ: theo đường thẳng, theo tỷ lệ

- In báo cáo: Thẻ tài sản, Bảng tổng hợp tình hình sử dụng tài sản, Sổ theo dõi bảo hành tài sản, Báo cáo chi tiết kiểm kê tài sản, Báo cáo tăng giảm tài sản, Bảng tính khấu hao tài sản, Bảng phân bổ giá trị CCDC...

- Các tính năng khác:

- Từ quản lý tài sản có thể xem tất cả chứng từ kế toán phát sinh liên quan đến tài sản đó.
- Kiểm tra lỗi logic trong phân hệ tài sản; Kiểm tra sai lệch số liệu giữa kế toán và tài sản...

**Meliasoft**  
ERP của người Việt

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN**  
Quý I năm 2016

Mã	Tên tài sản	Ngày tính khấu hao	Giá trị tài sản đầu kỳ (Đầu tháng 1 năm 2016)			Số tháng khấu hao	Giá trị khấu hao trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ (Cuối tháng 3 năm 2016)		
			Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại			Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
211	Tài sản cố định hình ảnh		5.334.236.407	2.137.927.650	3.196.308.757		69.396.825	5.334.236.407	2.207.324.475	3.126.911.932
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		5.334.236.407	2.137.927.650	3.196.308.757		69.396.825	5.334.236.407	2.207.324.475	3.126.911.932
APITOMAT.	Aptomat 65KA 1600A	17/08/2011	33.000.000	20.428.564	12.571.426	32	392.857	33.000.000	20.821.421	12.178.579
DAY35KV	Dường dây 35kV	19/06/2011	611.818.182	393.311.700	218.506.482	30	7.283.549	611.818.182	400.595.249	211.222.933
MBA.1600K	Máy biến áp 1600kVA 35-22-0.4kvar	27/09/2010	468.000.000	295.285.737	172.714.263	31	5.571.428	468.000.000	300.857.165	167.142.833
TFP.500V.25	Tủ điện phân phối 500V-25kVA	23/05/2011	113.000.000	73.928.592	41.071.408	30	1.369.047	113.000.000	75.297.639	39.702.361
TTB.720KV	Tủ điện tự từ 720 KV.A.R	23/05/2011	98.000.000	63.000.018	34.999.982	30	1.166.666	98.000.000	64.166.684	33.833.316
XE.HINO.58	Xe ô tô HINO, tải trọng 4800kg	07/10/2010	687.527.273	27.055.472	660.471.801	69	9.572.055	687.527.273	36.627.527	650.899.746
XE.HINO.59	Xe ô tô HINO, tải trọng 5800kg	20/10/2010	799.018.182	26.613.940	772.404.242	69	11.194.264	799.018.182	37.808.204	761.209.978
XE.KIA.125	Xe ô tô KIA 1.25 tấn	01/01/2009	72.380.952	72.380.952				72.380.952	72.380.952	
XE.KIA.14T	Xe ô tô KIA K3000S 1.4T	17/11/2011	253.636.364	172.613.623	81.022.741	23	3.522.728	253.636.364	176.136.351	77.500.013
XE.SUZ.UKI	Xe ô tô con Suzuki 750kg	01/01/2009	102.440.000	102.440.000				102.440.000	102.440.000	
XECON.NE	Xe ô tô con Mercedes	16/01/2010	1.283.276.363	633.014.019	650.262.344	36	18.052.843	1.283.276.363	651.076.862	632.199.501
XECON.TO	Xe ô tô con Toyota Corolla 1.8G	24/03/2014	767.918.182	223.976.130	543.942.052	51	10.665.530	767.918.182	234.641.660	533.276.522
XEMAY.HO	Xe máy Honda	09/03/2010	42.220.909	33.878.903	8.342.006	14	593.858	42.220.909	34.474.761	7.746.149
<b>Tổng cộng</b>			<b>5.334.236.407</b>	<b>2.137.927.650</b>	<b>3.196.308.757</b>		<b>69.396.825</b>	<b>5.334.236.407</b>	<b>2.207.324.475</b>	<b>3.126.911.932</b>

Người lập biểu

Ngay... tháng... năm...  
Kế toán trưởng

Nhóm tài sản	2112	Số thời tài sản: 2112/81	
Mã tài sản	211261		
Tên tài sản	Máy rã bột		
Nơi sản xuất	May rã bột		
Đơn vị tính	Nhập		
Đơn vị tính	cái		
Tài khoản tài sản	2112	Năm sản xuất: 2016	
Số lượng	1	Số lượng	1
Mục đích sử dụng	SC	Phục vụ sản xuất	
Chú thích			
Hạch toán	Trong thời gian	Giá trị	Giá trị
Đơn vị	Thời gian	Đơn vị	Đơn vị
Đóng	Đóng	Đóng	Đóng
Lỗi	Lỗi	Lỗi	Lỗi
Thống kê	Thống kê	Thống kê	Thống kê
Chứng từ kế toán	(04/CT/Xem chi tiết PK - Ngày/Date: 31/03/2016 - Số/Nr.: 012) - (Số tiền Amount: 50.000)		

Chi tiết kế toán F3-Xem chung tu, Esc-Quay ra					
Mã tài sản	Tên tài sản	Mã CT	Số CT	Điểm ghi	Nguyên giá trong
211261	Máy rã bột	PK	012	Đ/c phu ván chuẩn	10.000.000
211261	Máy rã bột	PK	012	Đ/c phu lấp đặt, chay thử	10.000.000
<input checked="" type="checkbox"/> Chấp nhận	<input type="checkbox"/> Bị bỏ	<b>011</b>			

**M5** Kiểm tra so liệu giữa kế toán và tài sản co dính: ENTER-Chi tiết kế toán, Esc-Quay ra

Mã tài sản	Tên tài sản	Nguyên giá trong	Nguyên giá trong	Số chênh lệch
		TSCD	TSCD	
211261	Các tài sản cố định tăng trong kỳ	7 105 000 000	4 390 000 000	2 715 000 000
211261	Máy rã bột	320 000 000	310 000 000	10 000 000
211261	Bộ khuôn bánh trung thu	150 000 000	150 000 000	
211261	Lò nướng bánh trung thu	85 000 000	85 000 000	
211261	Lò nướng bánh trung thu (Thụy Sỹ)	1 510 000 000	1 500 000 000	10 000 000
211261	Bàn in bánh trung thu	86 000 000	80 000 000	6 000 000
211261	Máy in định hình bánh	435 000 000		435 000 000
211261	Máy tạo nhân & bao bánh tự động	2 495 000 000	2 500 000 000	-5 000 000
211261	Máy trộn bột bánh trung thu	250 000 000		250 000 000
211261	Máy xếp khay bánh trung thu	856 000 000		856 000 000
211273	Máy đảo nguyên phụ liệu	753 000 000		753 000 000
211274	Máy tạo mìn bánh trung thu	165 000 000		165 000 000

Từ quản lý tài sản có thể  
xem chi tiết các chứng từ kế  
toán phát sinh liên quan đến  
tài sản đó.

# KẾ TOÁN THUẾ

## Tổng quan:

Quản lý và theo dõi các khoản thuế và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước thông qua việc kê khai thuế đầu vào, thuế đầu ra khi lập chứng từ tại các phân hệ kế toán, lên các báo cáo thuế theo quy định hiện hành, hỗ trợ đầy đủ liệu lên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng cục thuế.

## Những điểm chính:

- Lập và in các báo cáo thuế giá trị gia tăng : Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào/bán ra, Bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ năm, Bảng kê khai tình hình sử dụng hóa đơn... Chương trình luôn cập nhật các mẫu biểu theo thông tư, quy định mới nhất do Bộ Tài chính ban hành.
- Lập và in báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính, Tờ khai thuế thu nhập cá nhân...
- Lập và in các báo cáo thuế tiêu thụ đặc biệt: Tờ khai thuế TTĐB, Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế TTĐB...
- Kết xuất số liệu trên các báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN hỗ trợ đầy sang phần mềm kê khai thuế của Tổng Cục thuế.
- Báo cáo được áp dụng theo hệ thống văn bản pháp luật mới nhất của Bộ tài chính.

MS	Bao cao thuế
	<a href="#">Bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào cho tờ khai 01GTGT (TT119/2014)</a>
	► Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra (TT119/2014)
	► Tờ khai thuế GTGT (TT119/2014)
	► Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra (PP T.Tiếp, TT119/2014)
	► Bảng kê hóa đơn hàng hóa dịch vụ bán ra (TTĐB)
	► Bảng tổng hợp thuế và các khoản phải nộp nhà nước
	► Bảng kê khai tình hình sử dụng hóa đơn
	► Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt
	► Báo cáo hóa đơn hủy
	► Sổ theo dõi thuế GTGT
	► Bảng kê TNCT, thuế TNCN, lao động có ký hợp đồng (05A)
	► Tờ khai thuế TNCN(Mẫu 02)
	► Tờ khai thuế TNCN(Mẫu 02A)
	► Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (Mẫu 01/TTĐB - TT60)
	► Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu 03/TNDN - TT60)
	► Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Mẫu 03 - 1A/TNDN - TT60)
	► Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (01A/TNDD - TT60)
	► Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế TTĐB (01-1/TTĐB - TT60)
	► Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (01B/TNDD - TT60)
	► Bảng kê bán lẻ hàng hóa dịch vụ (bán ra)
	► Bảng kê tình hình nộp thuế
	► Tờ kê khai chi tiết doanh thu, chi phí, thu nhập
	► Tờ khai tự quyết toán thuế TNDN - TT128-T12/04
	► Báo cáo kết xuất HTKK

# KẾ TOÁN THUẾ

## Đặc biệt:

Phần mềm Meliasoft có khả năng tích hợp trực tiếp với các phần mềm phát hành hóa đơn điện tử của nhiều nhà cung cấp khác nhau như VNPT, FPT....

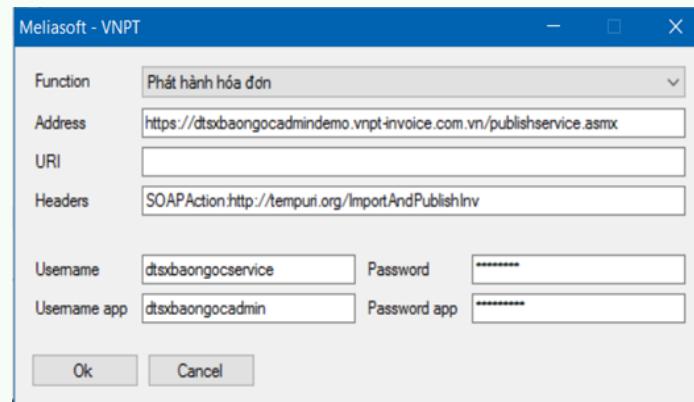
Bằng các công cụ hỗ trợ, việc kết nối giữa Meliasoft và nhà cung cấp hóa đơn điện tử được thực hiện tự động. Người dùng có thể thao tác phát hành hóa đơn điện tử tại giao diện phần mềm Meliasoft.

Các thông tin khách hàng trên Meliasoft được kế thừa sang phần mềm cung cấp hóa đơn điện tử.

- Tại các chứng từ có chức năng phát hành hóa đơn điện tử

The screenshot shows two windows of the Meliasoft application. The top window displays a list of invoices with columns for Date, Number, Date, Description, Customer, Amount, and Total. The bottom window shows a detailed view of an invoice with sections for Goods/Services, Details, and Footer.

- Khai báo thông tin kết nối giữa Meliasoft và nhà cung cấp hóa đơn điện tử (ví dụ: VNPT).



- Tại giao diện phần mềm Meliasoft, người dùng có thể thao tác phát hành hóa đơn điện tử. Có thể lọc lại các hóa đơn đang chờ phát hành, các hóa đơn đã phát hành sang hóa đơn điện tử .

The screenshot shows a search and filter panel for invoices. It includes fields for date range, customer, and various filters like 'Chưa thanh toán', 'Tất cả', and 'Toàn bộ'. A green circle highlights the 'Chấp nhận' (Accept) button at the bottom left of the panel.

# KẾ TOÁN TỔNG HỢP

## Tổng quan:

Tập hợp dữ liệu từ phân hệ kế toán chi tiết, xử lý các bút toán phân bổ, kết chuyên, điều chỉnh và khóa sổ cuối kỳ để hoàn thiện số liệu kế toán. Từ đó cung cấp bức tranh tổng thể về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và “sức khoẻ” của doanh nghiệp thông qua hàng loạt các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

## Những điểm chính:



The screenshot shows a software interface for 'Kế toán tổng hợp' (General Accounting). The top menu bar includes: Dau ky, Quan ly, Danh muc, Chung tu, Cuoi ky, Cuoi nam, Bao bieu, Tro giup, and Quan tri he thong. A date selector shows '2016'. The main window displays a navigation tree under 'Phân hệ\Kế toán tổng hợp\Chứng từ\Phiếu kế toán khác':

- Thư mục người dùng
- Phân hệ
  - Vốn bằng tiền
  - Mua hàng
  - Bán hàng
  - Hàng tồn kho
  - Sản xuất
  - Nhân sự, tiền lương
  - Quản lý công việc, hợp đồng
  - Tài sản, công cụ
  - Kế toán tổng hợp
- Chứng từ
  - Phiếu kế toán khác
  - Chứng từ tự động
- Chức năng
- Danh mục
- Báo cáo
  - Hệ thống các báo cáo thuế
  - Hệ thống các báo cáo tài chính
  - Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung
  - Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ
  - Sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ
  - Sổ kế toán theo hình thức nhật ký sổ cái
- Hệ thống các báo cáo quản trị

On the right side, there are two preview windows: 'Phiếu kế toán khác' (General Accounting Voucher) and 'Chứng từ tự động' (Automatic Document).

## KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### Những điểm chính:

- Dữ liệu phân hệ kế toán tổng hợp được cập nhật theo thời gian thực (real-time) từ các nghiệp vụ phát sinh ở các phân hệ, loại bỏ các bước nhập liệu trùng lắp, tăng tính đồng bộ và nhất quán dữ liệu.
- Ngoài các dữ liệu từ các phân hệ khác thì kế toán tổng hợp còn lập phiếu bổ sung hạch toán nghiệp vụ khác thông qua “Phiếu kế toán khác”, “Phiếu bù trừ công nợ”.
- Chương trình thực hiện xử lý tự động các bút toán cuối kỳ theo khai báo của người sử dụng:
  - Các bút toán cuối kỳ: Tính lương, bảo hiểm; Tính khấu hao tài sản cố định; Phân bổ chí trả trước; Tính giá vốn, giá thành; Khóa sổ kết chuyển cuối kỳ.
  - Các bút toán cuối năm: Tính chênh lệch tỷ giá, Tạo năm làm việc mới và chuyển số dư sang năm sau.
- **Kỳ báo cáo** trên phần mềm có thể là ngày, tuần, tháng, quý, năm, liên năm.

- **Xử lý lãi lỗ khi phân tích kết quả sản xuất kinh doanh:** Việc tính lãi lỗ, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh có thể theo chi tiết đơn vị, chi nhánh, nhà máy, bộ phận, nhân viên, ngành hàng hay bất kỳ 1 đối tượng quản lý nào đó.
- In sổ kế toán: Chương trình cho phép lập báo cáo kế toán theo cả 4 hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung, Chứng từ – ghi sổ, Nhật ký chứng từ, Nhật ký – sổ cái..
- In báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính...
- In báo cáo thuế: Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra; báo cáo quyết toán thuế GTGT, tờ khai chi tiết doanh thu, chi phí, thu nhập; bảng kê tình hình nộp thuế... Phần mềm cho phép đầy đủ dữ liệu các báo cáo thuế lên hồ sơ khai đáp ứng yêu cầu của cơ quan thuế.
- Báo cáo quản trị: Phân tích các chỉ tiêu tài chính, Bảng cân đối phát sinh (Quản trị), Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh theo thời gian...

## KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### Tổng quan:

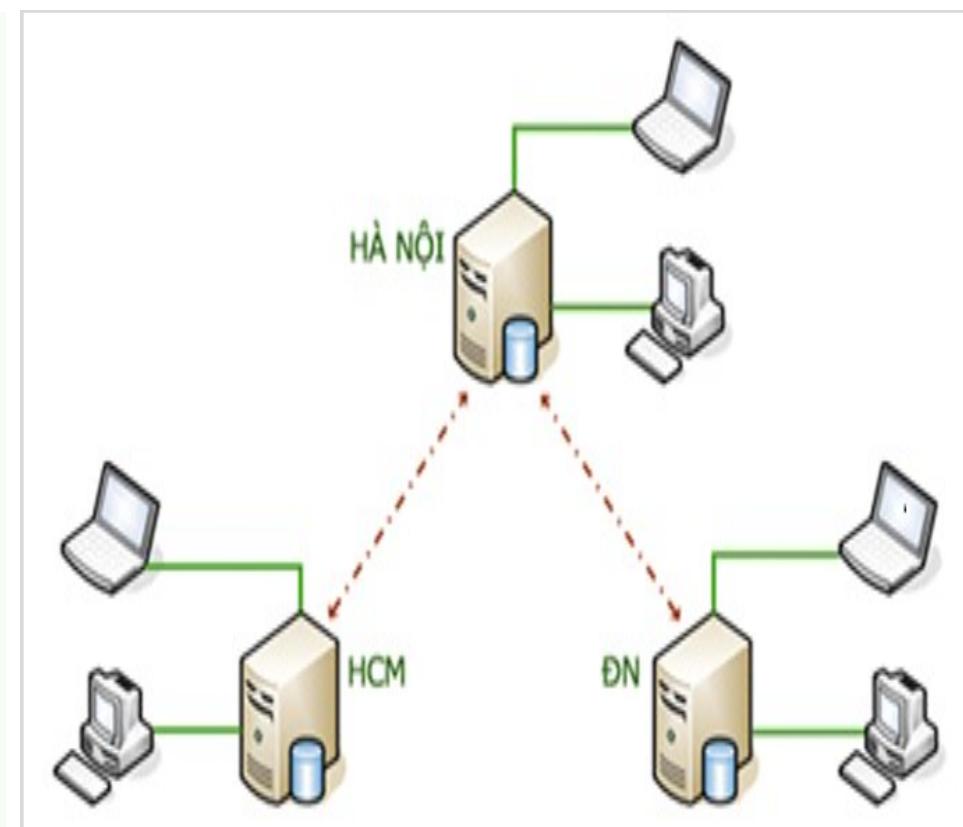
Đối với các mô hình tập đoàn, công ty đa cấp, đa chi nhánh ở các vùng miền khác nhau thì vấn đề đặt ra là tạo được hệ thống tập trung dữ liệu cho phép lên báo cáo chi tiết của từng đơn vị thành viên cũng như hợp nhất báo cáo cho toàn công ty.

### Những điểm chính:

Meliasoft cung cấp giải pháp cho phép các đơn vị có nhiều chi nhánh, nhiều cấp có thể sử dụng chung một hệ thống danh mục từ điển, việc hạch toán kế toán độc lập trên từng khay dữ liệu và được bảo mật hoàn toàn với các đơn vị khác theo khai báo phân quyền của người quản trị.

Ngoài các khay dữ liệu hạch toán cho từng đơn vị thành viên, chương trình cung cấp khay dữ liệu điều chỉnh để xử lý loại trừ các giao dịch nội bộ ( thông qua các bút toán đỏ, bút toán đen).

Khay dữ liệu toàn công ty sẽ lên số liệu theo nguyên tắc tổng hợp từ các khay đơn vị cơ sở và khay điều chỉnh. Vì vậy, người quản trị có thể tại một địa điểm mà biết được số liệu toàn hệ thống một cách chính xác, nhanh chóng.



# KẾ TOÁN HỢP NHẤT

## Lập và in các báo cáo hợp nhất:

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

Các báo cáo cho phép lêp số liệu từ tổng hợp đến chi tiết trên toàn hệ thống doanh nghiệp. Vì vậy người lãnh đạo có những đánh giá đúng về tình hình phát triển chung của cả tập đoàn và các công ty con. Từ đó, đề ra các kế hoạch phát triển, hay phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý cho các đơn vị.

Công ty Cổ phần Phần Mềm ABC  
Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Mã tài sản	Tổng cộng Đầu năm	Tổng cộng Cuối năm	Văn phòng Hà Nội Đầu năm	Văn phòng Hà Nội Cuối năm	Nhà máy Vĩnh Phúc Đầu năm	Nhà máy Vĩnh Phúc Cuối năm	Bút toán điều chỉnh Đầu năm	Bút toán điều chỉnh Cuối năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100	8 815.326.877	433.306.502.600	8 705.326.877	402.084.595.611	100.000.000	4.014.788.089		10.000.000
1. Tiền và các khoản trong đương tiền	110	5.331.201.111	8.476.634.612	5.221.201.111	5.272.464.612	100.000.000	3.200.090.000		
1. Tiền	111	5.331.090.000	8.474.543.501	5.221.090.000	5.270.333.501	100.000.000	3.200.090.000		
2. Các khoản trong đương tiền	112	111.111	2.111.111	111.111	2.111.111				
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120								
1. Chứng khoán kinh doanh	121								
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122								
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123								
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3.343.383.455	12.525.845.035	3.343.383.455	11.873.705.035			629.140.000	
1. Phai thu ngắn hạn của khách hàng	131	364.583.333	9.528.005.219	364.583.333	8.875.865.219			629.140.000	
2. Tr trước cho người bán ngắn hạn	132	3.002.222	5.202.222	3.002.222	5.102.222			100.000	
3. Phai thu nội bộ ngắn hạn	133								
4. Phai thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134								
5. Phai thu vay ngắn hạn	135								
6. Phai thu ngắn hạn khác	136	2.973.797.900	2.943.595.800	2.973.797.900	2.943.695.800			- 100.000	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn chờ đòi	137								
8. Tài sản thuê chờ xử lý	139		49.041.794		49.041.794				
IV. Hàng tồn kho	140	17.760.000	411.108.275.002	17.760.000	383.742.698.013			185.558.089	10.000.000
1. Hàng tồn kho	141	17.760.000	411.108.275.002	17.760.000	383.742.698.013			185.558.089	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM MELIA SOFT  
Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc

## BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Tháng 1 năm 2016

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản kế toán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
a	b	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	1.154.000.000		3.081.111.111	26.990.000	4.245.121.111	10.000.000
1111	(Văn phòng Hà Nội) Tiền mặt	1.000.000.000			16.990.000	982.010.000	
1111	(Nhà máy Vĩnh Phúc) Tiền mặt	100.000.000		3.081.111.111		3.181.111.111	
1111	(Nhà máy Bình Dương) Tiền mặt				10.000.000		10.000.000
1112	(Văn phòng Hà Nội) Ngoại tệ	40.000.000				40.000.000	
1112	(Nhà máy Đà Nẵng) Ngoại tệ	44.000.000				44.000.000	
1112	Tiền gửi ngân hàng	4.151.090.000		4.450.000.000	22.332.222	8.606.757.778	
1121	Tiền Việt Nam	4.179.090.000		4.450.000.000	22.332.222	8.606.757.778	
11211	(Văn phòng Hà Nội) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Thọ	4.179.090.000		4.450.000.000	22.332.222	8.606.757.778	
1122	(Văn phòng Hà Nội) Ngoại tệ	2.000.000				2.000.000	
128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000		2.000.000		
1281	Tiền gửi có kỳ hạn		2.000.000		2.000.000		
12811	Tiền gửi có kỳ hạn (<= 3 tháng)		2.000.000		2.000.000		
131	Phai thu của khách hàng		4.107.385.275	3.107.216.361	1.001.280.025	1.111.111	
1311	(Văn phòng Hà Nội) Phai thu của khách hàng (ngân hàng)		910.727.275	26.099.750	884.027.525		
1311	(Nhà máy Vĩnh Phúc) Phai thu của khách hàng (ngân hàng)	3.194.850.000	3.081.111.111	114.850.000		1.111.111	
1311	(Nhà máy Đà Nẵng) Phai thu của khách hàng (ngân hàng)	808.000	5.500	802.500			
1311	(Bút toán điều chỉnh) Phai thu của khách hàng (ngân hàng)		1.000.000		1.000.000		
133	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		289.270.000	703.275.750		414.005.780	
1331	Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ		289.270.000	703.278.780		414.008.780	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM MELIA SOFT  
Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2016

Chi tiêu	M	Tổng công ty Kỳ này	Tổng công ty Kỳ trước	VP Hà Nội Kỳ này	VP Hà Nội Kỳ trước	CN Vĩnh Phúc Kỳ này	CN Vĩnh Phúc Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	70.722.703.052	71.662.291.482	24.211.317.213	23.401.370.641	46.511.395.539	45.260.920.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	2.521.912.079	3.249.519.464	564.224.357	632.955.609	1.957.657.722	2.616.360.555
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	1	68.200.790.973	68.412.472.015	23.647.092.656	22.765.412.032	44.553.698.117	45.644.059.966
4. Giá vốn hàng bán	1	1.194.575.027	60.924.320.876			20.465.314.467	1.194.875.027
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	2	67.005.915.946	7.488.151.142	23.647.092.656	2.303.097.565	43.359.823.090	5.185.053.577
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2	891.301	1.244.996	206	21.921	891.095	1.223.077
7. Chi phí tài chính	2	1.288.319.953	2.241.772.937	206.947.904	339.094.343	1.079.372.049	1.902.678.594
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3	1.236.590.914	2.241.055.048	195.049.641	339.094.343	1.041.541.273	1.901.950.705
8. Chi phí bán hàng	2	1.526.300.850	3.114.629.601	308.526.652	682.522.049	1.217.774.196	2.532.107.552
Chi phí nhân viên bán hàng	4	466.309.080	865.979.042	90.488.860	110.229.500	375.820.220	755.749.542
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4		9.522.730		8.802.730		720.000
	B						

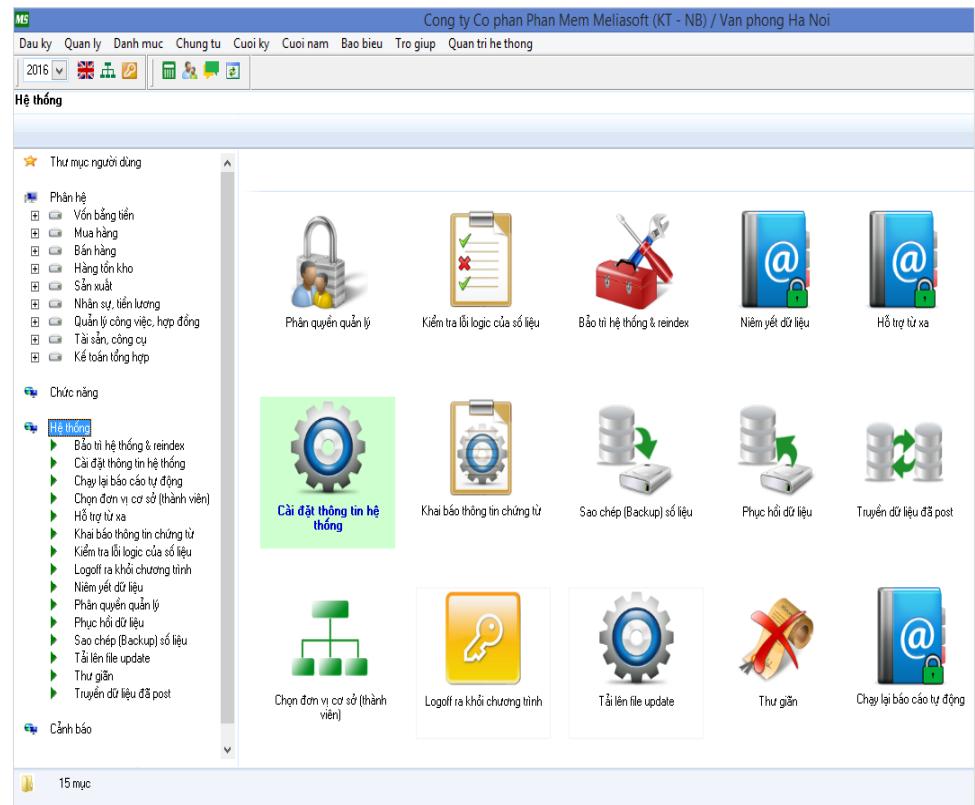
# QUẢN TRỊ HỆ THỐNG

## Tổng quan:

Quản trị hệ thống cho phép khai báo, thiết lập các tham số của hệ thống nhằm đảm bảo cho các chức năng khác được thực thi; đồng thời hỗ trợ quản lý các user sử dụng cũng như kiểm soát dữ liệu trên toàn hệ thống.

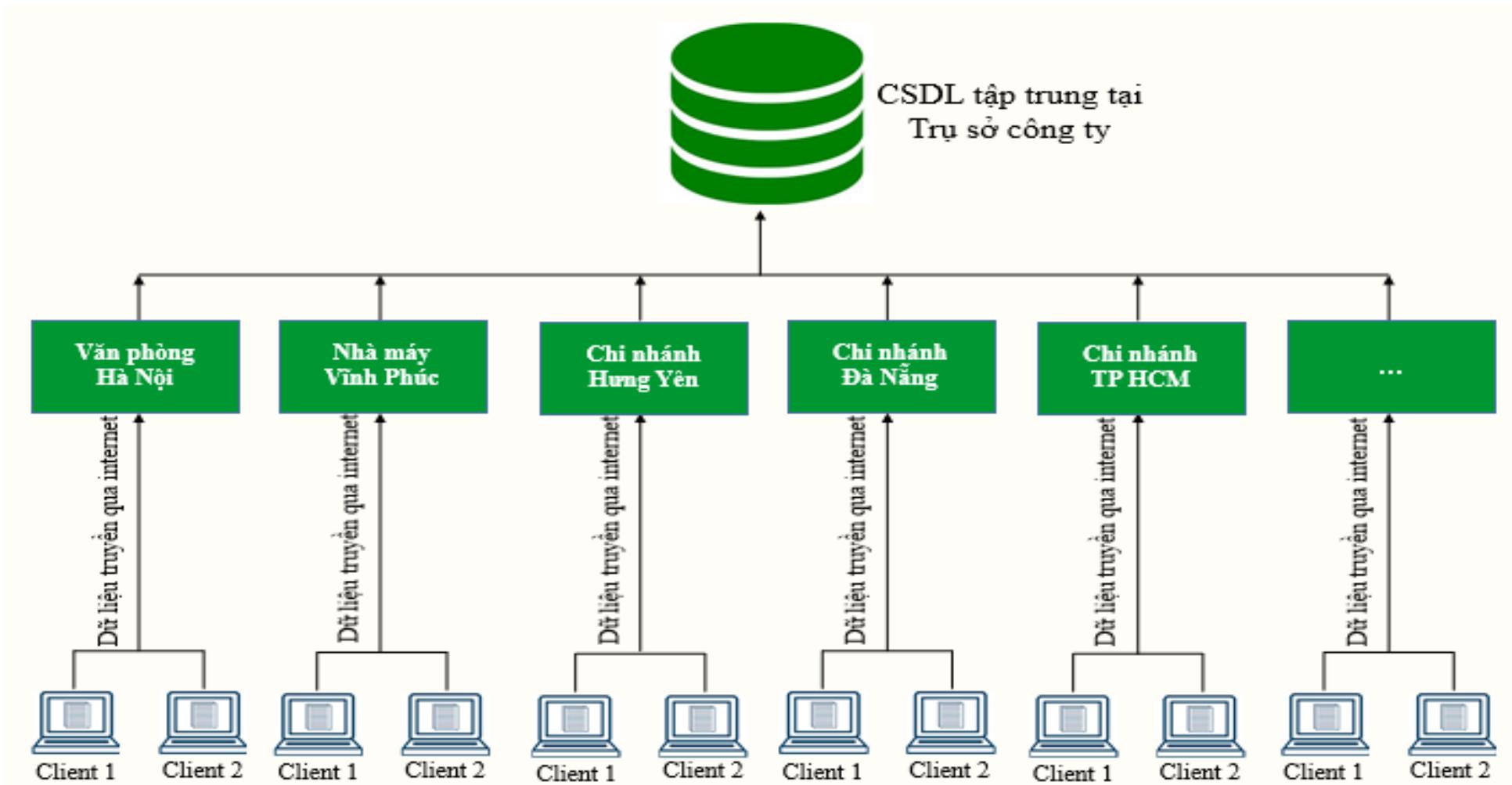
## Những điểm chính:

- Khai báo, thiết lập các tham số của hệ thống phù hợp với đặc thù của từng đơn vị.
- Phân quyền quản lý cho các user đối với mọi thao tác cập nhật, truy xuất dữ liệu từ hệ thống.
- Kiểm tra lỗi logic về số liệu dựa trên các nguyên tắc kế toán, hỗ trợ người sử dụng tìm và phát hiện lỗi số liệu một cách nhanh chóng và chi tiết nhất.
- Lưu toàn bộ các thao tác của người sử dụng trong Nhật ký sửa đổi, đảm bảo hệ thống công khai, minh bạch.
- Thiết lập các tiện ích khác: Tự động sao lưu dữ liệu theo lịch, nhắc việc theo hạn hoàn thành, chế độ cảnh báo qua email, tương tác với các thiết bị ngoại vi, công cụ và phần mềm quản lý khác...



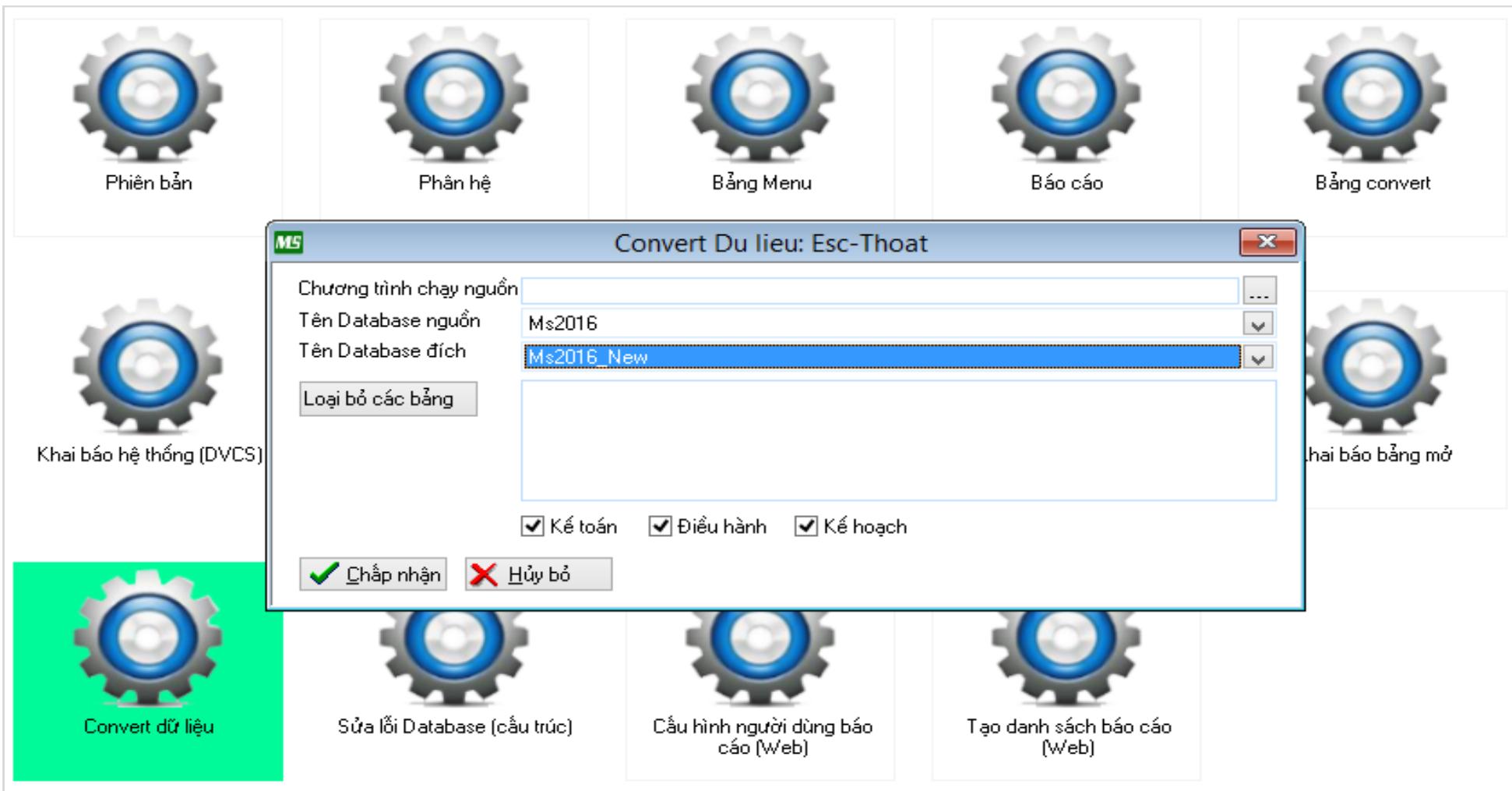
## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Mô hình dữ liệu online, tổng hợp dữ liệu đa cấp, xuyên suốt.



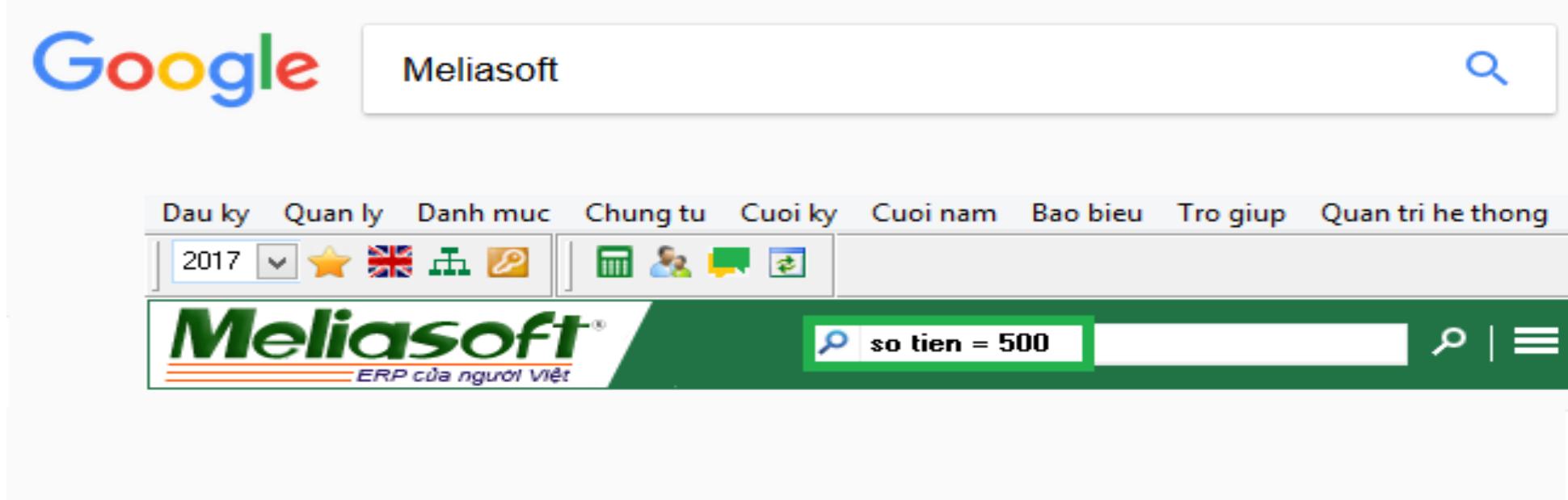
## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Có khả năng convert tất cả các tính năng mà chương trình cũ đã có khi nâng cấp hệ thống.



## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Tìm kiếm hệ thống theo tư tưởng Google



## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Tìm kiếm trên danh mục linh hoạt và tối ưu

C	Vật tư/HH	Tên vật tư	Mô tả	Đvt	Mã nhóm VT
x	A30305_2	lát 30x30 MS 305 Loại 2		Viên	N152K
x	A30311_2	Lát 30x30 MS 311 Loại 2		Viên	N152K
x	A30313_2	Lát 30x30 MS 313 Loại 2		Viên	N152K
x	M6000G400	Máng 600 ốp góc 400		Cái	TP01
x	M6000H400	Máng 600 ốp hõi 400		Cái	TP01
x	TCF01	Cốc cà phê 01			
y	122P5222#1S1M1L1XL1	Thành phẩm 122	MS 305		
y	122P5222#1S1M1L1XL2	Thành phẩm 122	MS 311		
y	222P5222#1S1M1L1XL1	222P5222#1S1M1L1XL1	MS 313		
y	222P5222#1S1M1L1XL2	222P5222#1S1M1L1XL2	cốc cà phê		
y	322P5222#1S1M1L1XL1	322P5222#1S1M1L1XL1			
y	322P5222#1S1M1L1XL2	322P5222#1S1M1L1XL2	Máng 600		
y	422P5222#1S1M1L1XL1	422P5222#1S1M1L1XL1			
y	422P5222#1S1M1L1XL2	422P5222#1S1M1L1XL2			
y	A30312_2	Lát 30x30 MS 31			
y	DV1	Dịch vụ			AC
y	KMCK	Khuyến mại tiền			AC
y	NVA44	Test NVA44			
y	P22P5222#1S1M1L1XL1	P22P5222#1S1M1L1XL1			
y	P22P5222#1S1M1L1XL2	P22P5222#1S1M1L1XL2			
y	TP001	Thành phẩm test			
y	TP002	Thành phẩm test			
y	TP003	Thành phẩm test			

## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Drop lookup tìm kiếm trên tất cả các trường text

Chứng từ	HD	▶	Loại CT	HD	<input checked="" type="checkbox"/> Ngày	06/11/2017	Seri		Số	SG/11/0010	Mẫu số		Mã tệ	VND	1.00	<input type="checkbox"/> Post	
Giao dịch vật tư	G131	1312	Bán hàng công nợ phải thu														
Mã đối tượng	SG.BT.PHuongT	Cửa hàng Phương Tùng												H.Thức giao/nhận			
Ông bà		Địa chỉ: Bình Thạnh												H.Thức TT			
Diễn giải	Bán hàng cho Cửa hàng Phương Tùng												H.Thức TT				
Xe vận chuyển		Lái xe	Nguyễn văn Nhất	Nhân viên giao		Đơn đặt hàng bán											
Địa điểm giao	Bình Thạnh												Thời gian giao				
Convert từ	<input type="checkbox"/> Lấy dữ liệu Xls <input type="checkbox"/> Lấy dữ liệu SQL <input type="checkbox"/> Từ nhóm vật tư												Phân bổ chi phí				
[Đòng số: 1/1]																	

Vật tư/HH	Lô/Ca	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Tk nợ	Tk có	Đơn đặt hàng	Nhân viên	Số hộp	Số viên	Số lượng
► 3045		Đại diện kích thước 30x45	Hộp	SG.C.CAN	1312	511111		SG.DUOI			
Vật tư											
DD.3045	Đại diện kích thước 30x45	Hộp			1561						
PE3045.634L1	Perfect Digit 30x45 DAU 633	Hộp			1561						
PE3045.635L1	Hoàn Mỹ 30x45 + PE637	Hộp			1561						
PE3045.651L1	Hoàn Mỹ 30x45 + PE652	Hộp			1561						
PE3045.652L1	Hoàn Mỹ 30x45 + PE651	Hộp			1561						
PE3045.653L1	Hoàn Mỹ 30x45 + PE654	Hộp			1561						
PE3045.654L1	Hoàn Mỹ 30x45 + PE653	Hộp			1561						
SA3045.3361L1	Saturno (30x45)cm vân xám nhẹ	Hộp			1561						
TSA3045.3400L1	TASA 30X45 trắng trơn	Hộp			1561						
TSA3045.3404L1	TASA 30X45 - DAM	Hộp			1561						

## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Các danh mục mở rộng, các trường thông tin mở rộng đáp ứng nhu cầu quản trị của mỗi đơn vị

**Khai bao lai ten bang: Enter-Khai bao cot, Esc-Save**

_table	Slt	Name_v	Name_e	Visible	Module	
Open1	01	Hàng vận tải	Open1 list	T	KT	
Open2	02	Số công	Deli. list	T	KT	
Open3	03	Nhân viên bảo hành	Insur. list	T	KT	
Open4	04	Danh mục mở rộng 04	Open list 04	F	KT	
Open5	05	Danh mục mở rộng 05	Open list 05	F	KT	
Open6	06	Danh mục mở rộng 06	Open list 06	F	KT	
Open7	07	Danh mục mở rộng 07	Open list 07	F	KT	
Open8	08	Danh mục mở rộng 08	Open list 08	F	KT	
Open9	09	Danh mục mở rộng 09	Open list 09	F	KT	
Open10	10	Danh mục mở rộng 10A	Open list 10	F	KT	

**Khai bao dien giai cot, Esc-Save**

Identity00	_table	_column	Name_v	Visible	Module	Ma_dvcs
	306	Open1	Code_Open1	Mã hàng vận tải	T	KT
	307	Open1	Name_Open1	Tên hàng vận tải	T	KT



## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Kết nối với cơ sở dữ liệu excel trên giao diện thân thiện với người sử dụng

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngày CT 1	Ngày CT 2	Ngày CT 3
2	Ma_Hang	Ten_Hang	DVT	So_Luong	Don_Gia	Thanh_Tien	Ngay_Ct1	Ngay_Ct2	Ngay_Ct3
3	CHAR	VARCHAR	CHAR	N(18,3)	N(18,6)	N(18,0)	D	D	D
4	A001	Tên vật tư test A001		20.3	5,000	101,500	01/02/2017		
5	A002	Tên vật tư test A002		15	6,000	90,000	01/02/2017		
6	A003	Tên vật tư test A003		40.1	7,000	280,700	01/02/2017		
7	A004	Tên vật tư test A004		40.1	8,000	320,800	02/02/2017		
8	A005	Tên vật tư test A005		40.1	8,000	320,800	02/02/2017		
9	A006	Tên vật tư test A006		40.1	8,000	320,800	02/02/2017		
10									

# MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Quản trị tuổi kho, tuổi nợ, tuổi tiền

## BÁO CÁO TỒN KHO THEO THỜI GIAN

Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2016

Mã kho	Mã Vt	Điễn giải	ĐVT	Tồn cuối	Dư cuối	Tồn <=30 ngày	Dư <=30 ngày	Tồn <=60 ngày	Dư <=60 ngày	Tồn >60 ngày	Dư >60 ngày
K1521		Kho nguyên vật liệu trực tiếp		18 100	44 055 000	7 900	19 700 000	9 400	23 410 000	800	945 000
K1521	VT001	Vật tư test 001	Hộp	7 600	17 275 263	3 400	5 355 263	4 200	11 920 000		
K1521	VT002	V.									
K1522	VT003	V.									
K1522	VT004	K									
K1522	VT005	V.									
zzzzz	zzzzz	T:	Mã KH	Tên khách hàng	Số dư công nợ phải thu						Ghi chú
					Trong hạn	Đến 30 ngày	Từ 31 đến 60 ngày	Từ 61 đến 90 ngày	Trên 90 ngày	Số dư nợ	Số dư có

## CHI TIẾT TUỔI NỢ PHẢI THU

Công nợ đến ngày: 31/10/2017

Mã KH	Tên khách hàng	Trong hạn	Đến 30 ngày	Từ 31 đến 60 ngày	Từ 61 đến 90 ngày	Trên 90 ngày	Số dư nợ	Số dư có	Ghi chú
01.KH002	Công ty I								
NCC001	Cty Vang								
NCC004	Cty Hà T								
NCC005	Cty Hà A								
NCC008	Công ty C								

## Tồn quy theo thời gian

Tháng 11 năm 2017

Tk	Tên tài khoản	Dư cuối	Dư cuối Nt	Dư <=30 ngày	Dư <=60 ngày	Dư >60 ngày
1111	Tiền Việt Nam	163 408 583	0.00	5 879 285 037		- 5 715 876 454
11210	Tiền VND gửi NH VPBank	8 497 858	0.00			8 497 858
11211	Tiền VND gửi NH ĐT và PTVN	6 344 234 578	345 000.00	6 344 234 578		
11212	Tiền VND gửi tại kho bạc nhà nước	4 750 000	0.00			4 750 000
11213	Tiền VND gửi Tiết kiệm tại BIDV	520 000 000	0.00			520 000 000
11221	Ngoại tệ Ngân hàng BIDV	53 376 550 238	2 352 556.77	7 696 915 375	16 625 715 736	29 053 919 127
11222	Ngoại tệ Ngân hàng VCB	1 654 711 815	72 926.92		1 654 711 815	

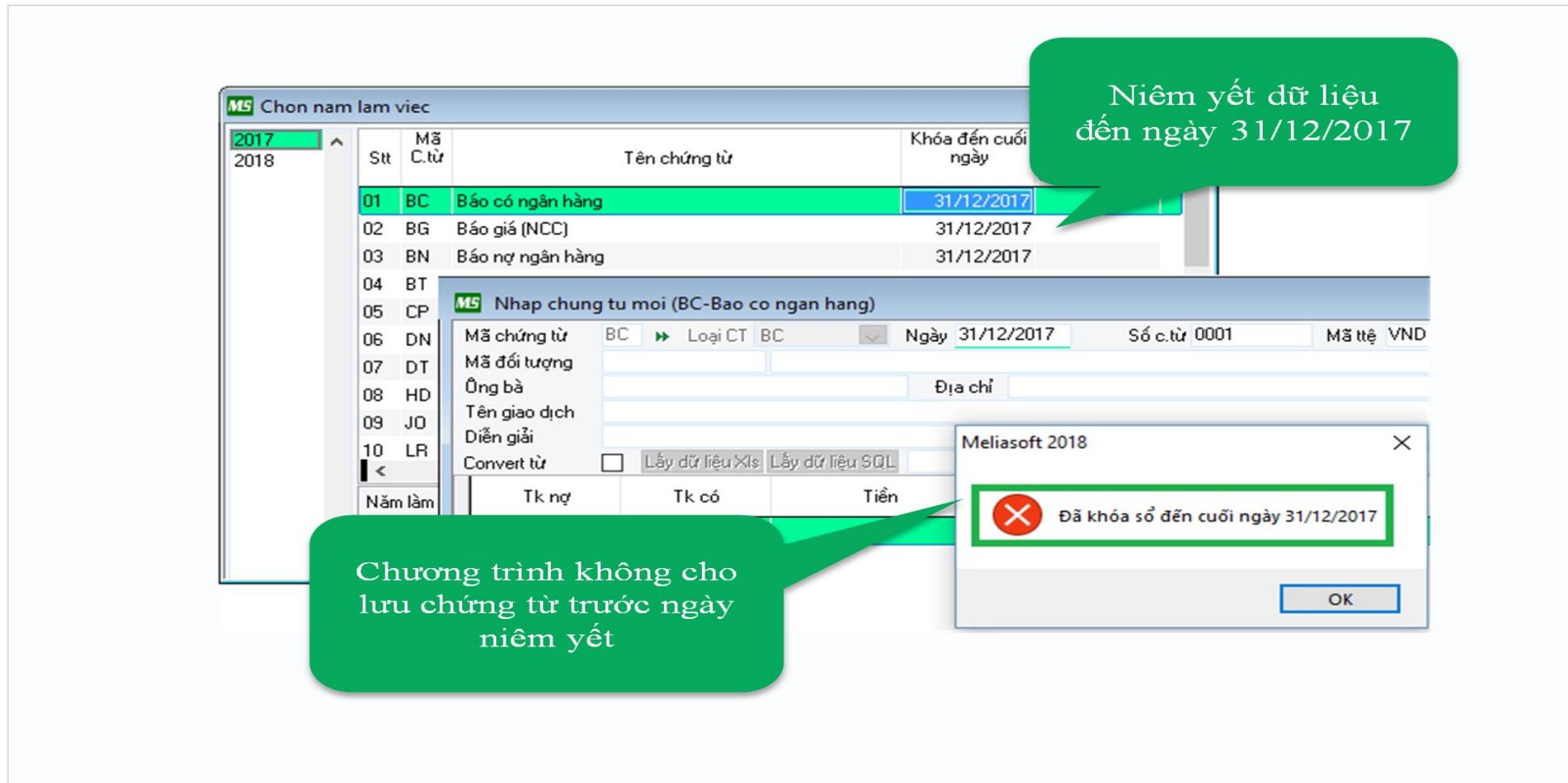
## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Tốc độ cập nhật và truy xuất báo cáo nhanh (Hướng tới doanh nghiệp có dữ liệu lớn: Bigdata)



## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Chức năng lựa chọn tự động niêm yết dữ liệu (Niêm yết dữ liệu sẽ không cho phép các User thực hiện các thao tác thêm, sửa, xóa vào từng loại chứng từ từ ngày khóa sổ trở về trước)



## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Lưu nhật ký tất cả các thao tác

The screenshot shows a software application window with two main panes. The left pane displays a list of sales invoices (Hoa don ban hang) with columns for Date (Ngày), Number (Số), Invoice Number (Số hóa đơn), Description (Diễn giải), and Customer Name (Tên). The right pane shows a detailed log of audit changes (Nhật ký sửa đổi chung) with columns for Date (Ngày sửa), User (Người sửa), and Log Details (Chi tiết).

Chọn	Ngày sửa	Người sửa	CT	ID	ĐVCS	Slt
	23/10/2017 16:07:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:10:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:10:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:10:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:11:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:11:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:13:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:13:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:13:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:13:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:13:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:13:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:13:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:16:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:17:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:19:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:22:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:22:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:23:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204
	23/10/2017 16:24:00	Người sửa/Edit user: [MLS-Meliasoft]; Tên máy/Computer: [NGOCTBK # ADMIN]	HD	0	A01	0000223204

Trên cùng bên phải là thanh công cụ với các lệnh:

- Trợ giúp (F1)
- Quy trình (Ctrl+F1)
- Thêm mới (F2)
- Sửa (F3)
- Gộp (F6)
- Tạo Phiếu thu tự động (F11)
- Xem trước khi in (Ctrl+F7)
- In (F7)
- Xóa (F8)
- Hủy (Ctrl+F8)
- Lọc (F9)
- Nhật ký sửa đổi

đã chứng từ/Voucher No.: HD10.002 -> 002

# MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Cho phép lưu báo cáo ở nhiều công cụ khác nhau (Pdf, Excel, biểu đồ, ....)

Microsoft®  
Excel

Kết quả sản xuất kinh doanh: F7-In, ENTER-Xem chi tiết, Esc-Quay ra

Mã	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Không xác định
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL25	232 306 820 000	232 306 820 000
02	2. Các khoản giảm trừ		237 272 727	237 272 727
04	- Chiết khấu thương mại		- 100 000	- 100 000
05	- Giảm giá hàng bán			
06	- Hàng bán bị trả lại		237 372 727	237 372 727
07	- Thuế tiêu thụ DR thuế xuất khẩu phải nộp			
			9 547 273	9 547 273
			3 799 875	3 799 875

Công ty Cổ phần Phần mềm Meliasoft  
Tầng 7, Tòa nhà Intracom, Ngõ 92, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 32 636 555

**Kết quả sản xuất kinh doanh**  
Năm 2017

Mã	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL25	228 251 820 000	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		99 900 000	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		228 151 920 000	
11	4. Giá vốn hàng bán	VL27	1 600 000	
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		228 150 320 000	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL26	32 594 526 806 416	
22	7. Chi phí tài chính	VL28		
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			
24	8. Chi phí bán hàng		102 352 100	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		23 365 385	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		32 822 551 408 931	
31	11. Thu nhập khác		200 000	
32	12. Chi phí khác			
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		200 000	
50	14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)		32 822 551 608 931	
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VL30	- 2 000 000	
52	16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	VL30		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		32 822 553 608 931	
			Ngày ... tháng ... năm 2017	
			Giám đốc	
29	Người lập biểu	Kế toán trưởng		

## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Cho phép kết nối đa dạng với các thiết bị ngoại vi, công cụ, phần mềm khác

The screenshot displays a software application window with several functional areas:

- Top Bar:** Includes fields for "Chứng từ" (HD), "Loại CT" (HD), "Ngày" (20/10/2017), "Seri" (AB/2004), "Số" (002), "Mẫu số", "Mã tệ VND" (1.00), and a "Post" checkbox.
- Left Panel:** Shows a barcode scanner icon with a red beam pointing at a QR code. Below it is a table with columns: Giao dịch vật tư (G131), Mã đối tượng (Nxb01), Ông bà, Diễn giải (Xuất bán hàng), Xe vận chuyển, Địa điểm giao (Hà Nội), Convert từ, and a "Lấy dữ liệu" button. A green callout bubble points to the barcode scanner area with the text "Kết nối với máy bắn mã vạch".
- Central Data Area:** Displays a table with columns: Vật tư/HH, Xuất xứ, Tên vật tư, Đvt, Mã kho, Tk nợ, Tk có, Đơn đặt hàng, Hợp đồng, Mã lô, Nhân viên, and Bộ. It shows rows for items like 8935211181687 and 8936046619239.
- Bottom Left:** A small image of a POS terminal with a keypad and a screen showing menu icons.
- Bottom Right:** A large green callout bubble points to a table titled "Tiền lương" (Salary) with columns: Ma\_CbNv, Ngày công, Tháng, Năm, and Loại. The table lists employees like MLS, NGOCTBK, THANGTT, and NVAID. Another green callout bubble points to the salary table with the text "Lấy dữ liệu từ file excel của bảng chấm công".
- Bottom Center:** A detailed salary breakdown table with many columns including Mã, Tên cán bộ, Lương cơ bản, Phụ cấp ăn trưa, Tiền lương chính (Tổng), Hệ số chức vụ, Nghỉ phép, % lương, Lương cơ bản, Lương chính, Phụ cấp khác, Trợ cấp chuyên cần, Tổng phụ cấp, Ngoại giờ, and Tiền thưởng.
- Bottom Navigation:** Buttons for "Thêm bảng lương", "Xóa cả bảng lương", "Tính lương", "Hạch toán lương", "Kết xuất excel", "Lấy chấm công từ excel", "Khai báo cột hiển thị", "Khai báo tham số", and "Quay ra".

## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Tạo phiếu thu tự động trên hóa đơn bán hàng

Cập nhật số liệu (Hoa don ban hang): F2/Ctrl+F2/Shift+F2-Them, F3-Sua, F6-Gop, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, ^A/^U/Spacebar-Dai

Cù	Ngày	Số	Số hóa đơn	Diễn giải	Tên đối tượng
HD	01/03/2017	HD001	HD003.10	Bán hàng công nợ	Khách hàng
HD	21/10/2017	HD003	HD001.10	Bán hàng công nợ	Khách hàng
HD	21/10/2017	HD004	HD002.10	Bán hàng công nợ	Khách hàng
HD	21/10/2017	HD005	112323213	Bán hàng cho khách thu tiền ngay	Khách hàng

Chương trình sẽ tạo  
phiếu thu tự động dựa  
trên thông tin hóa đơn

Chuột phải chọn Tạo  
phiếu thu tự động

- Trợ giúp (F1)
- Quy trình (Ctrl+F1)
- Thêm mới (F2)
- Sửa (F3)
- Gộp (F6)
- Tạo Phiếu thu tự động (F11)

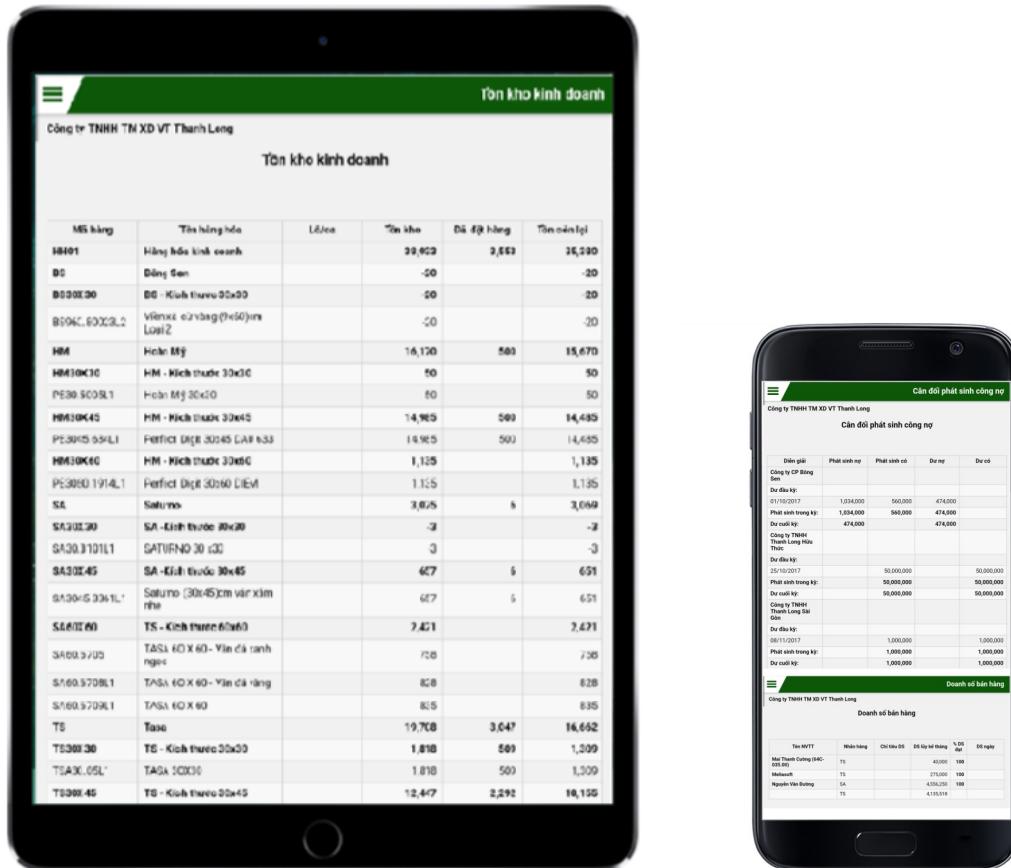
# MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Biểu đồ phục vụ quản trị



## MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Báo cáo quản trị giao diện web (Người dùng có thể xem trên công cụ khác: Smartphone, máy tính bảng, ...)



# MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Hệ thống cảnh báo (Cảnh báo khi có văn bản mới, hạn mức tín dụng, tiến độ đơn hàng, tiến độ sản xuất, ....)

Hộp thoại cảnh báo khi nhấn vào hiện cảnh báo

The screenshot shows a software application window. At the top left is a small icon of a box with a green arrow pointing into it, labeled "Thư đến (280)". A green callout bubble points from this icon to a red rectangular warning dialog box. The dialog box contains the text: "Cảnh báo lượng hàng nhập kho theo đơn hàng sản xuất !". Below this, there is a list of document details:

Các đơn hàng:
Số:STX17/0669 - Ngày :10/10/2017
Số:STX17/0675 - Ngày :11/10/2017
Số:STX17/0678 - Ngày :12/10/2017

Below the warning dialog is a main table listing pending documents. The table has columns for "Người gửi", "Thời gian cập nhật", and "Tên tài liệu".

Người gửi	Thời gian cập nhật	Tên tài liệu
Trần Thị Thu Thắng	29/10/2017 1:07AM	Quan ly\Quan ly Hop dong\HD.201709.21 (12)
Trần Thị Thu Thắng	29/10/2017 1:07AM	DE_XUAT_GIAI_PHAP_TRIEN_KHAI.pptx
Trần Thị Thu Thắng	29/10/2017 1:07AM	HUONG_DAN_CAI_DAT_MELIASOFT2018.docx
Trần Thị Thu Thắng	29/10/2017 1:04AM	TAI_LIEU_TRIEN_KHAI_THANH_LONG.pptx
Trần Thị Thu Thắng	29/10/2017 1:03AM	Ke_Hoach.Dao.Tao.Thanh.Long.doc
Trần Thị Thu Thắng	09/10/2017 4:36PM	Bo_So_Lieu.Dao.Tao.Thanh.Long.docx
Nguyễn Thị Kim Thu	09/10/2017 4:36PM	Phu_luc_02_2017.09_Thanh_lap_BDA.doc
Nguyễn Thị Kim Thu	0	MS Meliasoft 2018
Nguyễn Thị Kim Thu	0	Kiểm tra các đơn hàng sản xuất đến hạn/quá hạn giao hàng !
Nguyễn Thị Kim Thu	0	Đơn hàng:STX17/0641 - Ngày giao hàng:10/11/2017 (Quá hạn)
Đoàn Thị Thảo	1	
Nguyễn Thị Lan	2	

# MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Khai báo luồng công việc theo quy trình

Quy trình luồng công việc

The screenshot shows the Meliasoft ERP interface. On the left, there's a process flow diagram with nodes: Báo giá, Đơn đặt hàng mua, Phiếu nhập mua, Chi phí vận chuyển, Đề nghị mua hàng, Phiếu chi tiền mặt, Báo nợ ngân hàng, and Phiếu bù trừ công nợ. A green callout bubble points to the 'Chi phí vận chuyển' node. To the right is a table titled 'Quy trình luồng công việc' (Workflow Process) with columns: Tên (Name), Ngày tạo (Created Date), Số cửa (Door Number), Tên đối tượng (Target), Tiền VND (VND Amount), Tình trạng (Status), Ưu tiên (Priority), and Ghi chú (Note). The table lists several tasks, including 'Nhập mua' (Purchase), 'Test', 'Chờ duyệt [2]' (Pending approval [2]), 'Test xuất chuyển kho' (Warehouse output test), 'Test xuất sản xuất' (Production output test), 'Kế hoạch làm việc ngày 21' (Work plan for day 21), and 'Detail'. The total amount listed is 652,099,995 VND. At the bottom, there's a pie chart titled 'Năm mặt hàng mua nhiều nhất' (Top 5 most purchased items) showing proportions for Xăng A95, Mắm muối, Mì chính, Nước khoáng, and Khoáng sản.

Tên	Ngày tạo	Số cửa	Tên đối tượng	Tiền VND	Tình trạng	Ưu tiên	Ghi chú
Test	10/10/2017	01/01/2017	010	Công ty Cổ Phần test 002	1 100 000		
NM Nhập mua	10/10/2017	01/02/2017	001	Cty MPG	34 650 000 000		
NM Test	10/10/2017	01/03/2017	004	Cty Than Vàng Danh	999 995		
Chờ duyệt [2]	/ /	/ /			16 750 000		
PX Test xuất chuyển kho	12/09/2017	01/08/2017	009	Nguyễn Thị Kiều Anh	16 750 000		
PX Test xuất sản xuất	12/09/2017	01/08/2017	010	Nguyễn Thị Kiều Anh			
Kế hoạch làm việc ngày 21	/ /	/ /					
CV Detail	27/09/2017	/ /					Detail

Năm mặt hàng mua nhiều nhất

Xang A95  
Mắm muối  
Mì chính  
Nước khoáng  
Khoáng sản

MeliaSoft

Người tạo: Meliasoft

# MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC BIỆT

- Kiểm soát lỗi logic số liệu, hỗ trợ công tác quản trị

The screenshot displays three windows from a software application:

- Top Window:** A dialog titled "Kiem tra so lieu" (Audit Data) with date fields "Từ ngày: 01/07/2016" and "đến ngày: 31/07/2016". Below are several radio button options:
  - Kiểm tra số dư đầu
  - Kiểm tra các chứng từ đã hạch toán
  - Kiểm tra sự toàn vẹn của hệ thống
  - Kiểm tra chứng từ vật tư (Xuất kho khi kho đã hết hàng, ...)
  - Kiểm tra số liệu giữa kế toán và kho**
  - Kiểm tra lỗi logic trong phân hệ tài sản cố định
  - Kiểm tra số liệu giữa kế toán và tài sản cố định
  - Kiểm tra lỗi logic kế toán [Dư nợ = Dư có], vì lý do số tăng/giảm không cùng đổi lượng quản lý
  - Kiểm tra lỗi logic kho, vì lý do số tăng/giảm không cùng đổi lượng quản lý
  - Kế toán tổng hợp
  - Kiểm tra sự toàn vẹn về
- Middle Window:** A report titled "Kiem tra so lieu giao ke toan va kho; Enter-Goi y loi, Esc-Quay ra" showing a comparison between "Dư cuối kho" (Inventory end balance) and "Dư cuối kế toán" (Accounting end balance). The report highlights a discrepancy: "Số dư cuối giữa kế toán và kho không bằng nhau" (The balance at the end of accounting and inventory is not equal). A green arrow points to the left side of this window.
- Bottom Window:** A detailed report titled "Kiem tra so lieu giao ke toan va kho; Enter-Goi y loi chi tiet hon, Esc-Quay ra" showing a breakdown of movements. It lists "Tiền nhập" (Cash In), "Phát sinh nợ" (Debt Occurred), "Tiền xuất" (Cash Out), and "Phát sinh có" (Debt Occurred). A green arrow points to the left side of this window.
- Bottom Right Window:** A report titled "Kiem tra so lieu giao ke toan va kho; Esc-Quay ra" showing a summary of movements. It includes columns for "Ngày" (Date), "Mã Ct" (Account Code), "Số Ct" (Debit Amount), "Diễn giải" (Description), "Mã Đt" (Account Code), "Tk nợ" (Debt Account), "Tk có" (Credit Account), and "Tiền" (Amount). A green arrow points to the right side of this window.

# QUY TRÌNH TRIỂN KHAI



## *Giai đoạn trước khi ký hợp đồng*

Khảo sát nhu cầu  
khách hàng

Tư vấn khách hàng tư duy  
quản trị các bài toán

## *Giai đoạn sau khi ký hợp đồng*

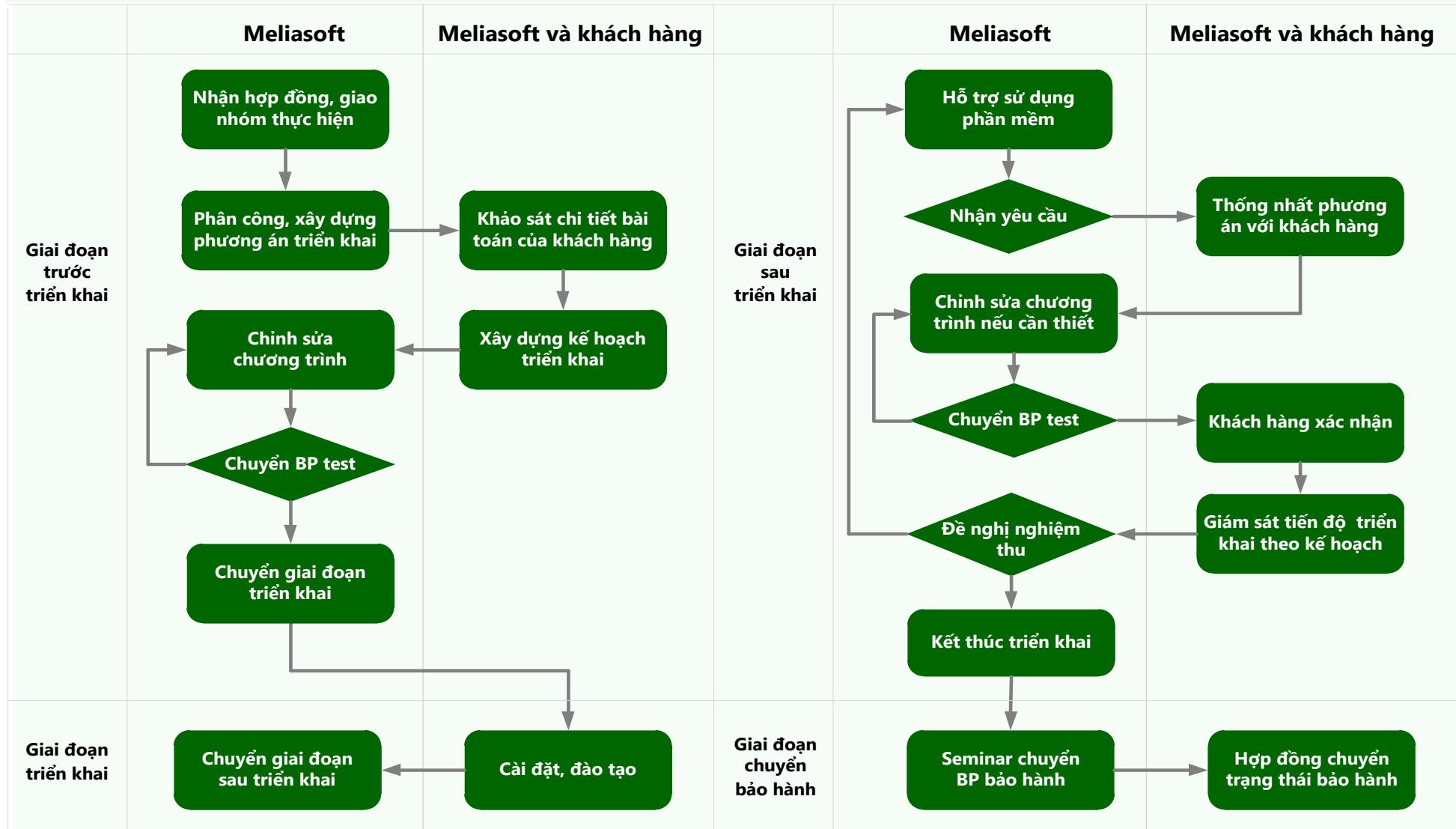
Giai đoạn trước  
triển khai

Giai đoạn  
triển khai

Giai đoạn chuyển  
bảo hành

Giai đoạn sau  
triển khai

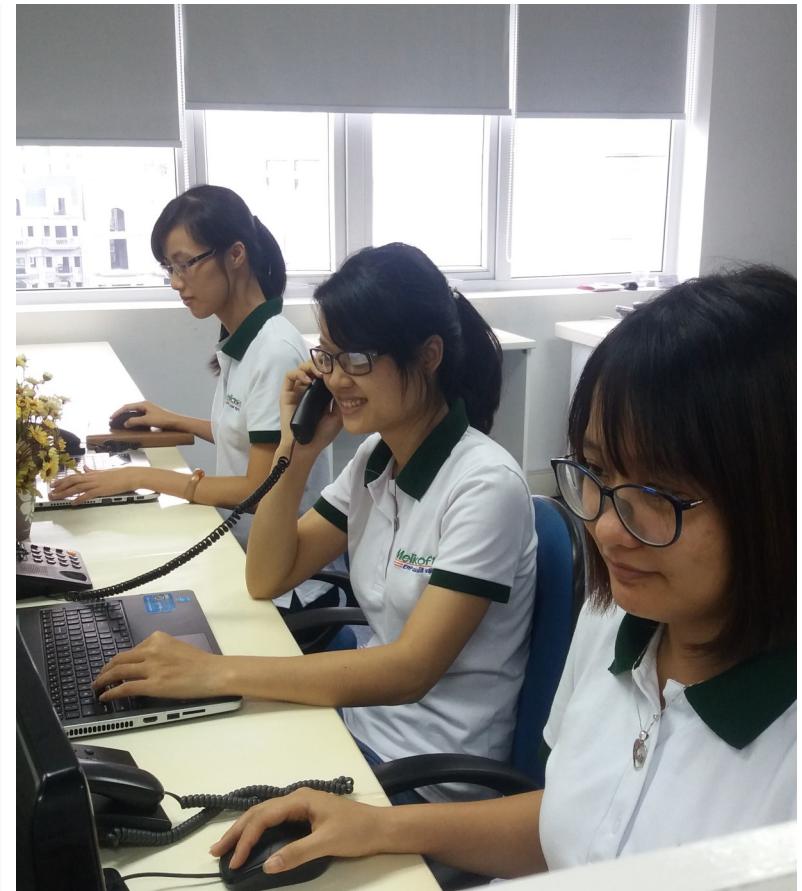
# QUY TRÌNH TRIỂN KHAI



## DỊCH VỤ

MELIASOFT với đội ngũ chuyên viên có nghiệp vụ, nhiệt tình, năng động sẵn sàng tư vấn cho khách hàng để việc áp dụng phần mềm có hiệu quả. Với phương châm “**Phong cách chuyên nghiệp, dịch vụ chu đáo**” những khách hàng khi đã mua phần mềm của MELIASOFT sẽ có được cung cấp những dịch vụ như sau:

- ✓ **Tư vấn và đào tạo:** Trong quá trình triển khai, Meliasoft sẽ đi sâu vào quy trình sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, từ đó tư vấn khách hàng giải pháp cho các bài toán quản trị, cũng như hướng dẫn việc áp dụng phần mềm trong công tác hạch toán kế toán và quản lý doanh nghiệp một cách hiệu quả.
- ✓ **Hỗ trợ:** Sau quá trình đào tạo, Meliasoft sẽ tiếp tục hỗ trợ về ứng dụng nghiệp vụ và sử dụng phần mềm cho đến khi nghiệm thu chương trình.
- ✓ **Bảo hành:** Phần mềm được bảo hành trong **12 tháng**. Trong thời gian này khách hàng sẽ được trợ giúp kỹ thuật để vận hành phần mềm một cách hiệu quả.
- ✓ **Bảo trì:** Sau khi kết thúc thời gian bảo hành, nếu khách hàng có nhu cầu hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng bảo trì theo thỏa thuận.
- ✓ **Nâng cấp:** Là việc nâng cấp mở rộng các tính năng, các phân hệ vào phiên bản đang sử dụng để đáp ứng nhu cầu phát triển quản lý của doanh nghiệp cũng như cập nhật thêm các tính năng, tiện ích và công nghệ của phiên bản Meliasoft mới nhất khi khách hàng có nhu cầu.
- ✓ **Phương thức hỗ trợ:**
- ✓ **Phương thức hỗ trợ:**   



**SỰ HÀI LÒNG**

**CỦA KHÁCH HÀNG LÀ THÀNH CÔNG CỦA CHÚNG TÔI**

## LIÊN HỆ

### CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM MELIASOFT

---

**Hà Nội:**

Add: Tầng 7, Tòa nhà Intracom,  
Ngõ 72, Đường Trần Thái Tông,  
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tel: (024) 32 636 555

**Hồ Chí Minh:**

Add: Số 6/28 đường số 3 – Cư xá  
Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.  
Hồ Chí Minh

Tel : 0919 053 620 (Mr Linh)

**Đăk Lăk:**

Add: Tầng 4, Tòa nhà Viettel, Số  
48 Lý Tự Trọng, TP. Buôn Ma  
Thuột, Tỉnh Đăk Lăk

Tel: 0934 982 198 (Mrs Thủy)

---

| **Email:** Home@meliasoft.com

| **Website:** [www.meliasoft.com.vn](http://www.meliasoft.com.vn)

---